

BÁCH KHOA

12

I THÁNG BẢY 1957

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG *Trở lại kế-hoạch năm năm, thử đề-
nghị một thí-nghiệm.*

HOÀNG-MINH-TUỖNH *Chế-độ dân-chủ cổ-diễn : Chủ-
tương của phái Trọng-Nông.*

PHAN-LẠC-TUỖN *Cuộc khàn-hoang miền lục-lĩnh
của binh-sĩ Việt-Nam thời xưa.*

HUỖNH-VĂN-NGHI *Giáo-hội và chính - quyền.*

Có THỎẠI-NGUỖN *Tân-giáo-dục do đâu mà có ?*

Từ-Quyên *Đại cương nghệ-thuật kiến-trúc nhà
cửa ở Việt - Nam.*
ĐẶNG-VĂN-NHÂM

NGUỖN-HUY-THANH *Vấn-đề bảo - hiểm (hết).*

LAM-GIANG *Từ xa giỏi - luyện.*

BÌNH-NGUỖN-LỘC *Không chủ-dịch (kịch).*

LÊ-VĂN *Con chó Bê-đê (truyện ngắn).*

TỪ-VU
(bản dịch của Vi-Huỳnh-Đắc) *Nhất gia (truyện dài)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới:

- HUỲNH-VĂN-LANG : *Góp ý-kiến về vấn-đề Hợp-tác-xã tiên-thụ.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế-độ dân-chủ cổ-điển : nước Anh.*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Lực-lượng quân-sự địa-phương và lực-lượng quân-sự cơ-động.*
- HÀO-NGUYỄN
NGUYỄN-HÓA } *Thử tóm tắt học-thuyết Kant.*
- LAM-VIỆT : *Một vài ý-tưởng về cuốn « Tản-văn chọn lọc » của BA-KIM*
- Cô THOẠI-NGUYỄN : *Mười lăm bà mẹ kể lại cho các bạn họ đã « đẻ không đau ».*
- MINH-ĐỨC : *Dứt-khoát.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước-phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hưng Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE



VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

DU-NGOẠN

Huế và Đà Nẵng

Các chuyến sắp tới :

Thứ bảy 13-7-57

Thứ bảy 27-7-57

Đi : Thứ bảy 6 giờ sáng

Về : Thứ hai 12g15 trưa

\$ 3.400 mỗi người

Nhatrang

Kể từ ngày 8-6-57

Đi : Trưa thứ bảy 12 giờ 30

Về : Chiều Chúa-nhật 17 giờ 40

\$ 1.500 mỗi người

Giá tính chung \$ 3.400. — (Huế và Tourane)
và \$ 1.500. — (Nhatrang)

Kể cả tiền vé máy bay khứ-hồi, ăn ở, du-ngoạn
có hướng-dẫn viên

Muốn biết rõ chi-tiết xin hỏi :

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại - lộ Nguyễn-Huệ

Đ.T. 21.624 - 25-26, 22.446 - 22.447

THƯ ĐỀ-NGHỊ MỘT THÍ-NGHIỆM

HUỲNH-VĂN-LANG

MỘT kế-hoạch 5 năm đã được khai-sinh từ đầu năm, nghĩa là đáng lý ra ngày nay nó phải được thực-hiện 1/10 rồi. Thực sự cái gì khởi công cũng phải khó-khăn : Khuôn-khò tổng-quát của kế-hoạch đã đặt ra, nhưng đó là một việc dễ ; trong khuôn-khò đó, làm sao thành-lập được những doanh-nghiệp, khuếch-trương được những kỹ-nghệ để sản-xuất, đó mới là một việc khó. **TU-BẢN** ta thiếu, **KỸ-THUẬT** ta lại càng thiếu-thốn hơn nữa... Mỗi lần đi ngang qua « Bàn giấy Công-ty Giấy Việt-Nam » đường Trần-Quý-Cáp, ta không khỏi buồn lòng. Các nhà kỹ-nghệ « Giấy » này đã lưu-ý đến kinh-tế Việt-Nam trước kế-hoạch 5 năm, gần cả 2 năm rồi, thế mà ngày nay chưa sản-xuất được một manh giấy Việt-Nam. Tại sao ? Cũng tại thiếu tài-chánh và kỹ-thuật. Khi được cái này lại mất cái kia thì làm gì mà có giấy được. Kỹ-thuật giấy được nói đến đây là như thế, còn bao nhiêu kỹ-nghệ khác cũng ở trong một tình-trạng tương-tự.

Ta không nên phủ-nhận những thắng-lợi mà kinh-tế Việt-Nam đã thâu-hoạch được trong 3 năm gần đây về mặt kỹ-nghệ-hóa : Cuộc triển-lãm nội-hóa vừa qua là cả một bằng-chứng rõ-rệt mà không ai chối cãi được. Nhưng người Việt ta không bao giờ tự-mãn ; đó cũng là điều-kiện tối-thiểu để tiến-hóa.

Trở lại hai cái yếu-tố mà ta hiện thiếu là **TÀI-CHÁNH** và **KỸ-THUẬT**, một điểm đáng cho ta chú-ý là ngoại-viện cung-cấp về

TÀI-CHÁNH và KỸ-THUẬT, theo nguyên-tắc lẽ ra phải hết sức dồi-dào. Ngoại-viện năm nay ta được một số tiền lớn-lao đã dành. Nhưng làm sao đưa ngoại-tệ vô Việt-Nam thành máy-móc, thành tiền bạc, thành nguyên-liệu, đó mới là vấn-đề.



Cái khó trước nhất ở tại điểm NGƯỜI CHO thì muốn như thế này, KẾ THỌ HƯỞNG thì muốn như thế kia... Mâu-thuẫn này là một trở ngại chánh cần phải tìm cách dàn-xếp cho sớm, nếu không thì dang-co mãi không đi đến đâu. NGƯỜI CHO thì muốn áp-dụng nguyên-tắc tự-do kinh-tế, doanh-nghiệp tư-nhân, nghĩa là muốn sao cho tư-nhân Việt-Nam (hoặc tư-nhân Pháp hay Tàu gì cũng được) đem VỐN riêng ra dùng ngoại-viện để mua dụng-cụ nguyên-liệu vào... Nếu Chánh-Phủ cần phải chung-đụng thì chung-đụng càng ít càng hay. Còn nói rằng thiếu VỐN tư-nhân thì kêu VỐN ngoại-quốc và cố cấu-tạo các điều-kiện thuận-tiện cho họ vào. KẾ THỌ HƯỞNG là người dân Việt-Nam ta ước sao dùng cho được ngoại-viện, dùng cho hợp-lý và mau được kết-quả... Phải rồi, nếu người dân Việt có VỐN bỏ ra để dùng ngoại-viện được thì càng hay, nếu không thì Chánh-Phủ cứ làm lấy, cứ kiếm vốn mà làm lấy. Nếu cần phải kêu gọi vốn-liếng ngoại-quốc thì cũng nên nhưng không lẽ vì thiếu vốn phải kêu vốn ngoại quốc mà phải chịu mọi điều-kiện, phải sửa đổi mọi cơ-sở luật-lệ xã-hội... để cho họ vào. Chúng ta sẵn-sàng kêu mời vốn-liếng ngoại-quốc và đối-đãi với họ một cách hết sức công-bình cương-trực, nhưng nếu họ thừa thế ta cần họ mà đòi hỏi nhiều quá thì ta phải tìm cách thay thế. Một cách thay-thế ta có thể nghĩ ra là: Chánh-Phủ đứng ra làm lấy, ngoại-viện đã có sẵn thì còn có việc làm ra tiền, dù phải lạm-phát cũng nên. Cái nào tư-nhân đảm-đương được thì để tư-nhân làm, cái nào quá sức họ thì Chánh-Phủ làm lấy. Có phải như thế vừa nhanh, khỏi mất thì giờ, vừa được tự-lập không? Đã dành quốc-hữu-hóa nhiều ngành kỹ-nghệ không phải là một cái hay. Nhưng quốc-hữu-hóa mà được việc còn hơn là tự-do mà không được gì hết. Hơn nữa đã bảo là kế-hoạch thì tất-nhiên là phải hy-sinh rất nhiều tự-do kinh-tế. Nếu bảo là kế-hoạch mà tự-do thì nghìn năm chưa thực-hiện được kế-hoạch. Sách kinh-tế học đều bảo: quan-niệm kế-hoạch và quan-niệm tự-do tương-phản và loại trừ nhau. Trên thực-tế, kế-hoạch có nghĩa là cố-gắng và hy-sinh tự-do rất nhiều, dù ở Mỹ hay ở Nga. Xét cho cùng đi nữa, nếu ta tha-thiết với quan-niệm tự-do quá thì không ai cấm trong bước đầu cần phải quốc-hữu-hóa những ngành kỹ-nghệ tư-bản Việt-Nam không đảm-đương nổi mà tư-bản ngoại-quốc không muốn

làm hay muốn làm mà đòi hỏi quá nhiều, và qua một thời-gian Chánh-Phủ chỉ việc bán lại cho tư-nhân. Nhưng từ giải-pháp quốc-hữu-hóa đến giải-pháp tự-do doanh-nghiệp thì còn nhiều giải-pháp trung - dụng nữa, mà bài này lưu-ý đến một.

Về kỹ-thuật thì tất-nhiên vừa phải lo đào - tạo trong nước hay gởi đi ngoại-quốc, vừa muốn ngay kỹ-thuật-gia ngoại-quốc để bắt tay vào các kỹ-nghệ ta muốn khuếch-trương hay thành-lập theo kế-hoạch đã định sẵn. Hằng năm ta phải tiêu cho sinh-viên du-học ngoại-quốc từ 4 tỷ (tính theo phật-lãng), một hy-sinh lớn-lao của quốc - gia (1). Nếu đề ra một phần ngoại-lệ thì cũng đủ sức đề mở - mang trường học trong nước và muốn thêm chuyên - viên cho các ngành kinh - tế. Nhưng trong bài này, tác-giả chú-trọng nhất là vấn-đề tài-chánh. Còn về mặt kỹ-thuật thì giải-pháp đề-nghị ra đây cũng trông giải - quyết được phần nào.



Những người có trách-nhiệm trong các cơ-quan thường khi vấp phải hai thái-cực này: có người thì « ăn cắp » những biện-pháp các nước để áp-dụng hay lấy trong sách-vở mà bắt-chấp đến thực-tế mình đang sống; có người, ngược lại, lại bắt-chấp đến bao nhiêu thí-nghiệm các nước đã làm, đã sống, bắt-chấp đến lý-thuyết sách-vở, chỉ nhẩy vào thực-tế, nắm bóp thực-tế theo lý-trí của mình, theo kinh-nghiệm riêng của mình thôi. Hai cái thái-cực trên đều nguy cả hai. Nhưng một điều đáng lo-ngại nhất là có khi ta chưa biết được kinh-nghiệm của kẻ khác bao nhiêu để bắt-chước lấy và ta khinh-rẻ những bài học lý-thuyết mà không bao giờ ta biết cho đầy-đủ.

Giải-pháp kinh-tế sau đây là một thí-nghiệm đã được áp-dụng ở nước Anh. Mặc dầu nước ta hoàn - cảnh không giống như nước Anh, nhưng nếu ta nghiên-cứu thí-nghiệm đó để sửa đổi lại đôi chút cho thích - hợp, thì ta cũng có thể áp - dụng ở Việt - Nam một cách có hiệu-quả được.



Cách đây 22 năm, một kế-toán-viên trẻ tuổi và hăng-hái, ông Sadler Forsler, viết cho tờ báo Times of London một bức thư. Và chính bức thư ấy đã đề-nghị và khai-sinh một giải-pháp kinh-tế mà Chánh-Phủ Anh đã thí-nghiệm có kết-quả vô cùng:

(1) Nếu phải tốn hằng năm từng mấy tỷ ngoại-tệ mà thuê vào lơ-thơ ba bốn chuyên-viên như thế trong năm mười năm nữa thì có khi phải đặt lại vấn-đề du-học hay mở trường chuyên-môn ngay trong nước.

Nguyên năm 1930, cuộc kinh-tế khủng-hoảng nặng-nề đang hoành-hành thế-giới. Nước Anh cũng như các nước khác phải qua những ngày hết sức đen tối. Nhưng trong nước Anh, những miền kỹ-nghệ nặng lại càng nguy-ngập hơn các miền nông-nghiệp và thương-nghiệp... Miền Đông-Bắc là một miền bị khủng-hoảng nặng nhứt. Xưa nay miền này có được thịnh-vượng chỉ là nhờ kỹ-nghệ than, thép, cơ-khi nặng, đóng và chữa tàu-bè. Lúc bấy giờ lại là lúc các kỹ-nghệ ấy chết nên hàng vạn người thất-nghiệp...

Chánh-Phủ Anh cố gắng đem những kỹ-nghệ còn thịnh-vượng đến miền ấy để tìm giải-pháp cứu-vãn tình-hình xã-hội. Nhưng các doanh-nghiệp ở đó tự họ không thể tổ-chức và thành-lập những kỹ-nghệ mới nổi, vì tài-chánh họ đang nguy, kỹ-thuật khó-khẩn họ chưa quen biết.

Qua năm 1936, Chánh-Phủ Anh nhứt định thí-nghiệm theo đề-nghị của ông Sadler Forster nói trên, là tự đài-thọ các xưởng kỹ-nghệ và tự thành-lập những cơ-sở tối-tân lớn nhỏ khác nhau mà từ đó người ta quen gọi là Trading Estates (Cités Industrielles). Các cơ-sở ấy được cho mượn như nhà cửa phố-phường thường.

Cái thị-trấn kỹ-nghệ thứ nhứt được thành-lập tại Team Valley, Gateshead (Durham) bên kia sông Tyne và trước mặt đền New Castle-upon-Tyne. Ngót 18 tháng trời, thợ-thuyền có lúc đến 1.500 người làm việc từng é-kip trong 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày, để biến 280 mẫu rừng hoang ra thành thị-trấn kỹ-nghệ gương-mẫu với 18 cây số đường-sá và tiện-nghi hỏa-xa...

Công-Ty North Eastern Trading Estates Ltd tiếp-tục xây-dựng để cho mượn lại cho đến ngày nay đã có 36 thị-trấn kỹ-nghệ như thế dọc theo miền Đông-Bắc từ duyên-hải Northumberland đến tận miền North Riding xứ Yorkshire. Tất cả 310 Công-Ty đại-diện cho 30 ngành kỹ-nghệ khác nhau mượn các xưởng ấy và số người làm có trên 53 ngàn người. Nội thị-trấn Team Valley có đến 97 xưởng lớn nhỏ cho mượn như thế...

Ngày nay hàng-hóa các thị-trấn ấy sản-xuất được bán đi khắp thế-giới. Tất-nhiên là một phần nhân-công làm việc trong các ngành cơ-khi và điện để bổ-sung các kỹ-nghệ nặng trong xứ. Còn kỳ-dư thì làm công trong các xưởng thủy-linh, phần-sáp, nước hoa, khí-cụ hầm mỏ, quần áo, bơm, đầu xe hỏa (diesel-électrique), nylon và plastique. Nên lưu-ý miền Đông-Bắc nước Anh là một trung-tâm lớn nhứt sản-xuất plastique.

Các trung-tâm kỹ-nghệ ấy gởi hàng-hóa đi khắp thế-giới đã đành, mà hơn nữa luôn luôn có người khắp nơi, ít nhất là 50 nước khác nhau, đến thăm các thị-trấn kỹ-nghệ ấy. Họ không quên đến thăm trước hết là ông Sadler Forster, chủ-tịch Công-Ty North East Trading Estates Ltd. Thị-trấn kỹ-nghệ và Ông Sadler Forster là cả một sự hãnh-diện của nước Anh ngày nay.

Ngày 18 tháng 5 vừa qua, Công-Ty được 21 tuổi. Nhân dịp này Ông Bộ-Trưởng Tài-Chánh Mr. Peter Thorneycroft có bức thông-diệp như sau :

« Sự khuếch-trương Team Valley và các xưởng kỹ - nghệ khác của Công-Ty để hợp-tác với sự cố - gắng kỹ-nghệ của tài-chánh tư-nhân đã biến-đổi rất nhiều nền kinh-tế của một vùng mà trước 1936 gần hoàn-toàn tùy thuộc ở những môn chuyên biệt di-truyền của nó như than, thép và đóng tàu-bè. Từ lúc đầu những kỹ-nghệ mới thành - lập đã nêu cao cái phẩm-chất của nhân-công... Khi người anh cả trưởng-thành, cố-nhiên ta phải vui mừng. Nhân dịp giáp 21 năm khánh-thành cái thị-trấn kỹ-nghệ thứ nhất ở Đông-Bắc, Chánh-Phủ lấy làm sung-sướng đề lời ngợi-khen và cầu chúc Công - Ty cùng tất - cả những ai góp công vào sự thành-tựu của nó. »



Chánh-Phủ Anh phải đài-thọ cho Công-Ty North East Trading Estates Ltd một số tiền lớn. Từ 1945, Công-Ty chi-tiêu hàng năm trên 1 triệu Anh-kim (tức 100 triệu VN\$) để xây-cất xưởng mới. Nhưng số lợi-tức quốc-gia nhờ đó có khi lên đến bằng trăm bằng ngàn lần...



Cuộc thí-nghiệm của nước Anh là một bài học thực-hành mà ta không thể không quan-tâm được, nhất là trong lúc kinh-tế nước Việt-Nam còn lừng-chừng trước ngưỡng cửa kế-hoạch 5 năm.

Công-Ty North Eastern Trading Estates Ltd thành - lập có mục-đích sâu-xa là giải-quyết vấn-đề thất-nghiệp, và mục-đích trực-tiếp là giải-quyết vấn-đề tài-chánh cùng kỹ-thuật cho miền Đông-Bắc lúc bấy giờ. Nếu quả thật tài-chánh và kỹ-thuật là 2 yếu-tố chánh gây khó-khẩn cho sự thực-hiện kế-hoạch thì thiết nghĩ ta nên dựa nơi thí-nghiệm đó mà tìm một giải-pháp thích-hợp cho tình-trạng chánh-trị, xã-hội, kinh-tế Việt-Nam của ta.

Bài này không đề-xướng một sự « bắt chước » mù-quáng, song hy-vọng ta có thể làm tương-tợ như thể được và biết đâu ta chẳng có thể làm hơn thể được. Công-Ty North Eastern Trading Estates Ltd, ta không cần thành-lập thêm vì hiện giờ ta còn có bao nhiêu cơ-quan như Doanh-lẽ-cục, Nha Kế-Hoạch... Nếu cần thì ta có thể biến 1 trong hai cơ-quan nói trên thành ra một cơ-quan hỗn-hợp vừa kỹ-thuật vừa tài-chánh hoạt-động như Công-Ty North Eastern Trading Estates Ltd hoàn-toàn ở dưới sự kiểm-soát của Bộ Kinh-Tế và Bộ Tài-Chánh.

Có thể để Doanh-lẽ-cục sẽ tiếp-tục hoạt-động như xưa nay và thêm vào một hoạt-động mới như Công-Ty North Eastern Trading Estates Ltd, nghĩa là lo về hai phương-diện tài-chánh và kỹ-thuật của những kỹ-nghệ nào phải làm theo kế-hoạch mà có tư-nhân sẵn-sàng đứng ra mướn.

Lấy một kỹ-nghệ giấy làm tỷ-dụ.

Thay vì để cho các kỹ-nghệ-gia Việt-Nam lẫn-quần với mấy hồ-sơ có khi đã cũ rồi mà vốn-liếng kỹ-thuật chưa tiến đến đâu cả, Chánh-Phủ sẽ chọn một Công-Ty nào muốn thành-lập kỹ-nghệ giấy với những điều-kiện nhất định như :

- a) phải lập Công-Ty thế nào ?
- b) tài-chánh tối-thiểu là bao nhiêu ?
- c) kinh-nghiệm thương-mại, kỹ-nghệ v.v...

Nếu có hai ba nhóm muốn đứng ra thì tất-nhiên phải chọn nhóm nào khá hơn, có bảo-đảm nhiều hơn. Đã chọn được một nhóm người thì cho họ thành-lập hội và tức-khắc lo tài-chánh và kỹ-thuật để xây ngay nhà máy làm giấy. Ngày nào nhà máy chạy được thì sẽ giao cho họ tất cả số vốn để làm tiền luân-chuyển của họ và cả nhà máy cùng kỹ-thuật-gia đầy-đủ để họ tự điều-khiển lấy. Nếu cần thì trong năm ba tháng đầu phải trực-tiếp đi đôi với họ cho đến khi có thể để cho họ tự đi một mình được. Nhưng sự kiểm-soát cần phải tiếp-tục luôn về mặt tài-chánh cũng như về mặt kỹ-thuật. Kỹ-nghệ-gia Việt-Nam cũng như một đứa nhỏ, Chánh-Phủ là cha mẹ cho ăn uống hay mướn người săn-sóc tập đi dạy bảo thì có gì là khó coi bao giờ.

Còn bao nhiêu kỹ-nghệ khác ta cũng có thể theo đó mà thành-lập, rồi cho tư-nhân mướn lại với những điều-kiện tối-thiểu phù-hợp với tình-trạng tài-chánh và kỹ-thuật của người Việt. Nếu không có

được một nhóm tư-nhân nào làm được kỹ-nghệ gì thì không nên thí-nghiệm. Nhưng tất nhiên sẽ có, nếu ta không đòi hỏi họ nhiều điều-kiện quá sức.



Đến đây tôi xin nhắc lại : bài này không đề-xương phải chú-trọng riêng đến ngành sản-xuất nào. Ngành nào cũng cứ cất lên cho tư-nhân mượn, miễn trong khuôn-khổ kế-hoạch là được. — Những ngành Chánh-Phủ phải gánh vác tất cả và luôn luôn thì phải làm lấy : cái gì có thể làm như trên đây và phải làm thì cũng phải gánh vác lấy rồi để lại cho tư-nhân. — Nhưng có những kỹ-nghệ mà Chánh-Phủ cần và có thể vẫn hùn-hập ít nhiều với tư-nhân thì cũng nên hùn-hập mà làm... Có lẽ nên chia ra từng loại kỹ-nghệ như thế thì mới xúc-tiến được khỏi bị nguyên-tắc này nọ ràng buộc. Ta có thể tạm chia ra những loại doanh-nghiệp như sau :

1. — hoàn-toàn của Chánh-Phủ và trước sau của Chánh-Phủ ;
2. — một phần Chánh-Phủ, một phần tư-nhân ;
3. — Chánh-Phủ cho vay tiền để làm lấy, không kiểm-soát thường-trực ;
4. — Chánh-Phủ làm lấy và cho mượn lại và kiểm-soát thường-trực. (Đề-nghị của bài này) ;
5. — Chánh-Phủ để cho tư-nhân hoàn-toàn...

Muốn xếp kỹ-nghệ trong loại nào thì cần phải xét theo những tiêu-chuẩn xã-hội, tài-chánh, kỹ-thuật, kinh-tế...

Nhưng điều chánh là phải thực-hiện kế-hoạch trong thời-hạn cho kỳ được, nếu thực-hiện không được 100% thì ít ra cũng phải 5, 7 chục phần trăm, nếu có phải trễ thì trễ 6 tháng một năm thôi, chớ đừng trễ cả năm ba năm.



Kỹ-thuật thì có thể mượn được, còn tài-chánh thì ở đâu lấy ra để dùng ngoại-viện ? Ngoại-viện đã có sẵn, muốn dùng thì phải có bạc Việt-Nam. Nhưng làm sao có bạc Việt-Nam đã ? Nếu số ngoại-viện nào có thể dùng được mà không cần phải có bạc Việt-Nam đối-chiếu thì phải tranh-đấu dùng cho được theo chương-trình mình định. — Phần này có lẽ khó nhưng đó là vấn-đề chánh-trị không bàn ở đây. — Còn phần nào cần phải có bạc Việt-Nam mới dùng được, thì Chánh-Phủ nên không ngần-ngại gì mà không lạm-phát. Lạm-phát để sản-

xuất, đề dùng ngoại-viện thì không có thiệt-hại gì cả, như là trong lúc giảm phát này. Nếu có nguy lạm-phát thì đã có chánh-sách thuế-vụ sẵn-sàng để sửa-chữa, đối-phó lại ngay, không phải e ngại. Nếu tiền-tệ lưu-thông lên, mà sản-xuất cũng lên thì chưa chắc gì là lạm-phát. Nếu Chánh-Phủ phải mắc nợ để mức sản-xuất quốc-gia lên thì nợ của Chánh-Phủ cũng như không. Thành thử lúc này hơn lúc nào hết ta nên hỏi: Tại sao Chánh-Phủ không gây lạm-phát để dùng cho hết ngoại-viện và khuếch-trương kỹ-nghệ nước nhà? Nhiều nhà tự cho là kinh-tế học nghe đến tiếng lạm-phát chắc không khỏi rớn tóc gáy. Nhưng nhiều lúc họ không hiểu thế nào là lạm-phát và thử lạm-phát nào mới đáng lo ngại và ở đâu là phương thuốc để chữa lạm-phát. Riêng về tình-hình tiền-tệ Việt-Nam, nếu phải lạm-phát thêm 1 tỷ bạc nghĩa là 1/20 khối lượng tiền-tệ lưu-thông mà thêm được 5 tỷ lợi-tức, nghĩa là 50/o lợi-tức quốc-gia, thì không có gì phải e ngại cả. Nếu lợi-tức quốc-gia lên được 50/o thì lợi-tức thuế-vụ cũng lên... Nhưng nếu phải nợ 1 tỷ bạc mà giữ mức lợi-tức quốc-gia và huê-lợi thuế-vụ vững nếu không lên được thì cũng phải nợ. (Nợ của Chánh-Phủ Mỹ là yếu-tố chánh để cho quốc-dân Mỹ được hưởng một mức lợi-tức cao và an-cư lạc-nghiệp). — Chánh-Phủ Việt-Nam có một cái khả-năng đặc-biệt nhưt mà chưa dùng đến là khả-năng mắc nợ — (xem lại Bách-Khoa số 4, số 5 về Chánh-Sách Thuế-Vụ). Nhưng nợ của Chánh-Phủ chỉ có nghĩa là nợ của quốc-dân, của thể-hệ sau phải trả cho việc tiêu-xài của thể-hệ này. — Ta muốn cho thể-hệ sau sung-sướng thì không có gì quá-đáng nếu ta đề nợ lại, miễn là nợ này dùng để nâng-cao mức sống mai hậu. Thể-hệ sau có sung-sướng mà phải trả nợ thì cũng công-bằng vậy, còn hơn là ta chẳng đề nợ lại mà cũng chẳng đề gì sung sướng lại cả.

Kết-Luận

Bài này không tham-vọng được trọng-đãi như bức thư gửi báo Times of London và hơn nữa tác-giả bài này cũng không phải Sadler Forster. — Nhưng trong lời Phi-Lộ Bách-Khoa số 1, có câu: « Xây-dựng nước nhà về toàn-diện là nhiệm-vụ chung của mọi người; trọng đó việc góp phần sáng-kiến cá-nhân, dù trúng, dù sai, đều có ích-lợi, miễn là tư-tưởng ấy xuất-phát từ một ý muốn tốt và thành-thực ». Đó là tham-vọng của kẻ viết. Quốc-gia là quốc-gia chung chớ không phải là của riêng ai. Mà là người dân Việt, ta

đều có phận-sự trước nhất phải biết bản-khoản cho ngày mai của đất nước, bản-khoản để tìm kiếm một giải-pháp xây-dựng. Thái-độ « sống chết mặc bay » cùng thái-độ tiêu-cực chỉ-trích, đả-phá suông đều nên tránh. Biết rằng bản-khoản có khi ai ai cũng có, nhưng tìm kiếm để nói ra là một việc khó, vì có kẻ tự hỏi : « Làm chi ? Ích gì ? » Không đâu ! Một kế-hoạch hay một chánh-sách có hay đến đâu đi nữa mà không được người dân cảm-thông và cộng-tác vào thì khó mà thực-hiện được. Nhưng làm người dân, ta có trách-nhiệm tìm hiểu để ý-thức một chương-trình hay một đường lối đã được vạch ra.

Ý-thức đã, rồi mới có thông-cảm và cộng-tác.

HUỶNH-VĂN-LANG

Danh - ngôn, danh - lý trong số này quy về ý chính
« CUỘC ĐỜI VÀ ĐỨC-ĐỘ »

★ NGƯỜI ta ưa thích những cái gì cao lên, nổi lên, bay lên, như cây-cối, núi-đồi, chim-chóc, điều đó chứng tỏ chúng ta sinh ra là để vượt lên, chỗi lên, vươn mình lên vậy.

MARIE JENNA

★ Câu chuyện cái kéo của Chamfleury.

Chamfleury, tiểu-thuyết-gia trứ-danh người Pháp ở thế-kỷ XIX, yêu con gái đỡ-dầu của họa-sĩ nổi tiếng Eugène Delacroix và muốn lấy cô này làm vợ. Trong bức thư « ngỏ sự lòng » của nhà tiểu-thuyết gửi cho « ý-trung-nhân » trích ở dưới đây, ta nhận thấy có chỗ khác người :

« Thừa cô, tôi thấy thiên-hạ thường nói rằng, một người không vợ hay không chồng giống như cái kéo một lưỡi. Cô thừa biết rằng, cái kéo một lưỡi thì không dùng vào việc gì được ; nhưng khi ghép vào cho nó một lưỡi thứ hai thì nó lại trở nên đồ hữu-dụng ngay. Nếu cô cũng tin như vậy, tôi nguyện sẽ đem hết mọi tình-cảm chân-thành, hết mọi hy-sinh tận-tụy để cùng cô cắt tằm vải đời, cố-gắng làm sao cho được thật khéo. »

Cô thiếu-nữ tiếp được bức thư, trả lời một cách vừa đầy - đủ vừa tài-tình — Cô gửi cho Chamfleury, người cô vẫn thầm yêu, một cái kéo (cố-nhiên là đủ cả hai lưỡi) láng-bóng, mới-tinh.

Ba tuần lễ sau, lễ cưới cử-hành và nghe nói trọn đời, hai vợ chồng không hề lớn tiếng với nhau bao giờ.

CHỦ-TRƯỞNG CỦA PHÁI TRỌNG-NÔNG

HOÀNG-MINH-TUYNH biên khảo



Trong những số trước, chúng tôi đã có dịp trình bày về hai nguồn-gốc chính của chủ-nghĩa dân-chủ cỏ-diền bên Tây-phương : đó là Bộ Pháp-lý tinh-hoa của Mông-tét-ki-ơ và Bộ Dân-ước-luận của Rút-xô. Còn một nguồn-gốc thứ ba nữa, chúng tôi đề-cập đến trong kỳ này, đó là chủ-trương của một môn-phái kinh-tế ở thế-kỷ XVIII : phái Trọng - nông. Chủ-trương của phái này, về « trật-tự » thiên-nhiên, là một nguồn-gốc khá quan-trọng, ảnh-hưởng của nó đối với chế-độ dân-chủ cỏ-diền thế nào, chúng tôi xin diễn-bày dưới đây.



Thế-kỷ XVIII có thể gọi được là thế-kỷ canh-tân. Trong thế-kỷ ấy không phải chỉ tư-tưởng chính-trị mới đòi mới mà tư-tưởng kinh-kế cũng đòi mới nữa. Chính bắt đầu từ đó, nền móng của khoa-học kinh-tế cận-đại được thiết-lập. Chủ-nghĩa cơ-giới khởi-sự phát-sinh, công-trường, cơ-sở chế-tạo lần lần mọc lên thay-thế cho các xưởng gia-đình thủ-công-nghiệp : chủ-nghĩa tư-bản bắt đầu manh-nha vậy.

Trở về trước, tư-tưởng kinh-tế trong xã-hội Tây-Âu hoàn-toàn định-hướng theo chủ-nghĩa trọng-thương, tức là chủ-nghĩa chú-trọng về thương-nghiệp, cho rằng sự hưng-vượng của các quốc-gia chính là ở chỗ dùng việc thương-mại mà thâu về được thật nhiều kim-thuộc quý, như vàng

bạc. Do đó, phái Trọng-thương chủ-trương công-cuộc tổ-chức sản-xuất và ngoại-thương làm sao cho các kim-thuộc quí vào nước thật nhiều mà ra thật ít, tức là dùng đến các biện-pháp ngăn-ngừa, hạn-chế, của chế-độ mà ngay chúng ta gọi là chế-độ quốc-gia kinh-tế, hay là chế-độ kinh-tế chỉ-huy. Các sự-kiện trên tự-nhiên đưa kinh-tế tới chỗ bị cưỡng-bách đủ điều: nào phải khép hầu hết các ngành vào kỷ-luật nghiệp-hội; nào phải để nhà-nước can-thiệp vào việc sản-xuất như phải sản-xuất thứ mới, thay-thế thứ cũ để khỏi bị lệ-thuộc ngoại-quốc; nào phải quan-thể quốc-nội đánh vào các sản-phẩm nông-nghiệp.

Đang khi ấy thì tiến-bộ kỹ-thuật, nhờ có máy móc mới phát-minh, sinh ra những năng-lực sản-xuất rất mãnh-liệt. Muốn cho những năng-lực sản-xuất ấy phát-triển, cần phải có tự-do, vì bó-buộc quá thế tất sẽ đưa tới chỗ bế-tắc rất nguy-ngập. Mọi nơi đâu đâu cũng thấy có sự cố-gắng tìm-tòi một chủ-trương kinh-tế đặt trên một nền-tảng khoa-học mà bố-cục là đưa tới chỗ giải-tỏa cho người ta được tự-do.

Tuy các chủ-trương trên thuộc phạm-vi kinh-tế nhiều hơn là chính-trị, nhưng về phương-diện chính-trị, ta cần phải lưu-ý về một vài đoạn thiết-yếu trong các tác-phẩm vĩ đại của mấy nhà kinh-tế-học thuộc phái Trọng-nông, lấy nông-nghiệp làm trọng, như Quesnay, Dupont de Nemours, Mercier de la Rivière, Turgot.

Trong tư-tưởng của phái Trọng-nông có điểm đáng chú-ý nhất là: về kinh-tế, họ cho rằng có một trật-tự, một tổ-chức thiên-nhiên do tạo-hoá an-bài một cách kỳ-tuyệt. Muốn thuận theo cái trật-tự ấy, chỉ cần để

cho các phần-tử trong xã-hội tự-do sản-xuất và trao-đổi nhất là về nông-sản tùy theo ý họ và tùy theo lợi-ích của từng cá-nhân, không cần gì phải điều-khiển họ. Lợi-ích riêng của các cá-nhân khi giao đụng nhau trong hoàn-cảnh tự-do, thì tự-nhiên cái lợi-ích chung sẽ phát-hiện và hoàn-thành; tổ-chức kinh-tế, do đấy, sẽ được điều-hoà một cách đẹp-dẽ, ổn-thỏa. Đại-khái chủ-trương thiết-yếu của chủ-nghĩa tự-do kinh-tế là như vậy.

Song như thế có phải là phái Trọng-nông chủ-trương một chế-độ dân-chủ về chính-trị không?

Không. Chính-phủ hợp với sở-nguyện của phái Trọng-nông là chính-phủ của một vị «độc-tài sáng-suốt», nhưng chính-phủ này không nên can-thiệp vào các hoạt-động kinh-tế của người dân để điều-khiển hay điều-dắt. Trái lại việc của Chính-phủ chỉ là cố-gắng làm sao đừng để cho sự sản-xuất, mậu-dịch và lưu-thông tài-sản bị ngăn-trở. Mọi việc của Chính-phủ chỉ thu-tóm trong có một việc là canh-sát: gìn-giữ đừng cho ai xâm-phạm vào quyền sở-hữu của ai, để thực-hiện trật-tự thiên-nhiên.

Từ giữa thế-kỷ XVIII và đầu thế-kỷ XIX, chủ-nghĩa kinh-tế tự-do xây-dựng trên những căn-bản khoa-học và lần lần bỏ những luận-cứ huyền-bí (như bảo trật-tự do Tạo-hóa an-bài) cùng phân ra nhiều ngành. Đến sau, nhờ Adam Smith, Ricardo (nước Anh), Bastiat (nước Pháp), chủ-nghĩa ấy còn được nghiên-cứu một cách tinh-vi, sâu-sắc hơn, khiến người ta thường có khuynh-hướng đồng-hóa nó với khoa-học kinh-tế; chính nó gây nên ảnh-hưởng lớn lao về chính-trị sau này vậy.

Tự-do kinh-tế và quyền cá-nhân

Kết-quả thứ nhất là chủ-nghĩa kinh-tế tự-do đã đặt tự-do chính-trị và tự-do kinh-tế trên một bình-diện, cả hai đều coi là quyền thiên-nhiên phụ-tùng bản-thân của người, phàm là người phải có hai quyền đó. Quyền cá-nhân, đối với phần đông các nhà cách-mạng, không phải chỉ gồm có tự-do tư-tưởng, tự-do báo-chí hay tự-do tín-ngưỡng; còn có tự-do thương-mại và kỹ-nghệ, tự-do lao-động và quyền tư-hữu nữa. Các cuộc hội-ngập cách-mạng đặt mọi tự-do trên một bình-diện: tự-do chọn nghề, tự-do sản-xuất, tự-do vận-động cũng trọng-yếu, cốt-thiết như tự-do theo đạo, tự-do diễn-đạt tư-tưởng vậy. Tự-do kinh-tế mà phái Trọng-nông hằng tán-dương, nhờ cuộc cách-mạng, được đi đồng hàng với các tự-do chính-trị; nhưng phái Trọng-nông lại không lưu tâm gì lắm đến các tự-do chính-trị, điều họ chú-ý chỉ là tự-do kinh-tế mà thôi.

Dân-chủ và kinh-tế

Tuy nhiên, tư-tưởng của phái Trọng-nông, nguyên là mằm-mống lý-thuyết kinh-tế tự-do, đã gây ra một ảnh-hưởng khác ít người biết đến, nhưng rất trọng-yếu. Phái Trọng-nông chủ-trương kinh-tế tự-diều-hòa được bằng những định-luật thiên-nhiên, nên chủ-trương của họ sửa-soạn cho tư-tưởng của người ta đi tới chỗ đồng-hóa *tự-do kinh-tế với dân-chủ kinh-tế*, coi hai cái là một.

Ta có thể ngạc-nhiên tự hỏi tại sao trào-lưu tư-tưởng dân-chủ phát-khởi từ triết-học chính-trị trong thế-kỷ XVIII, bề ngoài có vẻ như ít ảnh-hưởng đến lãnh-vực kinh-tế như vậy. Khi trong lãnh-vực chính-trị, người ta có ý muốn đem quyền chia ra cho

mọi người cùng nắm giữ, mà tại sao trong lãnh-vực kinh-tế, ý-niệm về dân-chủ thực-sự lại xuất-hiện quá chậm-trễ, vì mãi tới thế-kỷ XIX, người ta mới ý-niệm rõ-rệt rằng quyền kinh-tế cũng phải trao-trả lại nhân-dân như quyền chính-trị. Ngày nay, đối với một xã-hội trong đó quyền chính-trị, dù có trao cho hết mọi công-dân, nhưng quyền kinh-tế còn nắm trong tay một thiểu-số, thì hẳn ta vẫn chưa thể nào gọi xã-hội ấy là xã-hội dân-chủ được.

Sự thật là trong quan-niệm của các nhà cách-mạng, mà đa-số tha-thiết với chủ-nghĩa tự-do kinh-tế, vấn-đề dân-chủ kinh-tế không cần phải nêu lên, bởi định-luật thiên-nhiên sẽ giải-quyết nó một cách êm-đẹp, ổn thỏa và công-bình một cách tự-nhiên. Họ cho rằng những khuynh-hướng của cuộc sinh-hoạt kinh-tế tùy-thuộc một vài hiện-tượng, những hiện-tượng này sẽ giải-quyết các vấn-đề sản-xuất và mậu-dịch tài-sản khôn-khéo hơn hết mọi sự can-thiệp của bất-luận một chính-phủ nào. Ai thực-sự điều-khiển kinh-tế một nước? Phái theo chủ-nghĩa tự-do cho rằng trên thị-trường một nước, mỗi người dân mua bán tài-vật ít hay nhiều là do giá rẻ hay mắc, mà giá rẻ hay mắc là do nhịp cung-cầu. Tổng-số người dân mua bán rẻ mắc theo nhịp cung-cầu trên thị-trường đó rút cuộc sẽ là những kẻ điều-khiển, định-đoạt thực-sự kinh-tế một nước. (Người bán rẻ thì có nhiều người mua, bán hơi cao thì có ít người mua, bán cao quá thì không còn ai mua nữa, rút cuộc người ấy sẽ bắt-buộc phải bán giá phải chăng để mình vừa được lời mà vẫn có khách-hàng, rút cuộc chính khách-hàng đóng vai-trò quyết-định trên thị-trường vậy).

Trong cái viễn-tượng đó, tự-nhiên dân-chủ kinh-tế không phải là vấn-đề cần nêu

lên, vì khi nêu nó lên thì đã giải-quyết nó rồi. Kinh-tế là cái thuộc của hết mọi người mà không thuộc của ai hết.

Thực ra, tất cả những chứng-minh trên tới về sau này mới được diễn-bày một cách hoàn-hảo, nhưng nó đã bắt rễ tự quan-niệm của phái Trọng-nông về trật-tự thiên-nhiên mà chúng tôi vừa trình-bày trên. Và mãi tới khi nảy sinh ra cái hiện-tượng hội-tập xí-nghiệp (các nhà đại tư-bản hội-tập các xí-nghiệp lớn làm thành lực-lượng mạnh để tiêu-diệt các xí-nghiệp nhỏ mà nắm độc-quyền, tổ-chức thành tờ-rót và

trở thành các nhà độc-tài về kinh-tế), người ta mới nghĩ tới sự áp-dụng lý-tưởng dân-chủ vào lãnh-vực kinh-tế. Chỉ khi người ta nhận thấy có việc quản-trị quốc-gia trên lãnh-vực kinh-tế là món độc-quyền của một số người, chứ không phải là « *cái thuộc của mọi người và không thuộc của ai hết* », việc dân-chủ-hóa kinh-tế mới đặt thành vấn-đề và chính khi đặt vấn-đề ấy, chủ-nghĩa xã-hội và chủ-nghĩa kinh-tế chỉ-huy mới phát-sinh ra vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

★ Một bài học về đức khiêm - tốn.

Nhà hiền - triết Socrate tiếp một chàng thanh - niên tên là Alcibiade đến xin nhập-môn. — Vừa nói được mấy câu chuyện, nhà hiền-triết đã nhận thấy rõ cái nét kiêu-căng cậy của của anh chàng công-tử nhà giàu, và định cho một bài học.

Ông đưa một bức địa-đồ nước Hy-Lạp cho chàng thanh-niên coi và hỏi :
— Trò chỉ cho ta coi đất Attique ở đâu ?... Đó, đúng rồi. — Bây giờ, trò chỉ cho ta coi ruộng vườn nhà cửa của trò ở đâu.

Anh chàng luýnh - quýnh, lắp - bắp thưa :

— Dạ, dạ, ruộng vườn, nhà cửa của tôi không có ở trong địa - đồ.

Socrate thủng-thẳng nói :

— Trò coi đó, ruộng vườn, nhà cửa của trò chỉ vừa bằng một cái lỗ nhỏ, không đáng cho người ta ghi vào địa-đồ bằng một nét chấm, thế mà trò lấy làm hãnh - diện lắm sao ?

CUỘC KHĂN - HOANG MIỀN LỤC - TINH

CỦA BINH-SĨ VIỆT-NAM THỜI XƯA

PHAN-LẠC-TUYÊN

L.T.G. — Trong việc mở mang bờ cõi về phía Nam kể từ đời nhà Trần lấy hai châu Ô, châu Rí của Chiêm-Thành đến ngày nay có miền Tây phì-nhiều màu-mỡ bát-ngát ruộng đồng, chúng ta biết chẳng về những thế-kỷ trước các bậc tiền-bối đã chiến-đấu với mọi thứ đề khai-phá vùng hoang-vu hiểm-độc này.

Trong công cuộc khăn hoang đó binh-sĩ Việt-Nam thời ấy đã đóng một vai-trò chống giặc, mở đất một cách vô cùng quan-trọng và kết-quả tươi-đẹp còn đến ngày nay.

Cách nhau một thế-kỷ, ngày nay Quân-Đội Cộng-Hòa lại vừa hoàn-thành sứ-mệnh bình-định miền Tây và công cuộc khăn-hoang đang được khởi đầu.

Với bài biên-khảo này, chúng tôi muốn mời các bạn nhìn lại những việc làm của người xưa để chúng ta có một quan-niệm về công việc khăn-hoang hiện tại.



HÂN-DÂN Việt-Nam vốn là một dân-tộc nông-nghiệp, quen sinh-sống từ xưa ở những triền sông, và các vùng đồng bằng.

Dần theo thời-gian, với những đức-tính cò-truyền và hoàn-cảnh, dần dần một mặt chống nạn xâm-lãng của Trung-Hoa ở phương Bắc, một mặt mở bờ cõi xuống miền Nam.

Trong việc khuếch-trương bờ cõi, có nhiều điều-kiện thuận-tiện cho cuộc Nam tiến, và trong đó có việc khai-khản những miền đất hoang-vu.

Trong công-tác khăn-hoang ấy, những người dân Việt-Nam đi mở-mang những vùng đất hoang-vu, phải đương-đầu với nhiều trở ngại, nào chống với thiên-nhiên, lụt-bão, lam-sơn chướng-khí, bệnh-tật, thú dữ, nào chống với xâm-

nhập cướp phá của dân-tộc thiểu-số ; hồi đó quân-đội đã ghi nhiều công-trình lớn lao trong việc khăn-hoang.

• Nhằm mục-dịch khuyến-khích phát-triển canh-nông, nhà vua (Vua Lý-thái-Tôn) bắt đầu một sự cải-cách trong quân-đội ; binh lính cứ 6 tháng tại ngũ, còn 6 tháng về làm ruộng ».

(Việt - Nam, Histoire et Civilisation của Lê-thái-Khôi).

Công cuộc khai-khẩn đầu tiên những vùng hoang-vu, hoặc miền thượng-du phía Bắc, hoặc miền Nam đã có từ đời vua Lý-Thánh-Tôn (1128-1137) và Lê-Thánh-Tôn (1460-1497), nhưng mãi tới thời Chúa Nguyễn-Ánh (1788) việc khăn-hoang và mở-mang những vùng đất trống-trọt mới thực là được phát-triển mạnh-mẽ, theo những kế-hoạch đại qui-mô. Đó là việc binh-sĩ tham-gia công-cuộc khăn-hoang những vùng đất mới ở miền Hậu-Giang hay nói khác đi, quân-sự-hóa công-tác đại quy-mô này.

Những tài-liệu lịch-sử của Cận-kim thời-đại, cho chúng ta biết khá đầy-đủ về cơ-cấu tổ-chức và những phương-pháp làm việc đương-thời.

Đất Gia-Định thời bấy giờ chia làm 4 Doanh :

- Phiên Trấn
- Trấn Biên
- Trấn Vĩnh
- Trấn Định

nhưng vì tình-thế nhiễu-loạn, giặc-giã nhiều, ruộng đất bỏ hoang nhiều chỗ, dân tình đói khổ, đầu đầu mùa-màng hoa-lợi cũng bị thiếu-hụt. Nguyễn-Vương thấy tình cảnh nhân-dân như vậy, đề chấn-chỉnh lại tình-trạng xã-hội nguy-ngập, phái các văn thần và

Trịnh-Hoài-Đức, Lê-Quang-Định, Ngô-Tùng-Chu, Hoàng-Minh-Khánh, cả thầy 12 người làm Điền - tuần - Quan đề khuyến-khích Quân-Dân cố làm ruộng, và mở-mang khai-thác những vùng đất bỏ hoang.

Hồi Nguyễn-Vương coi công việc khăn hoang những vùng đất Hậu-Giang là công cuộc quan-trọng, nên ban hành lệnh bắt binh sĩ cùng nhân-dân lấy công việc này làm trọng. Binh sĩ thì vừa lập đồn giữ giặc cướp, vừa khai đất hoang, đề tăng-gia sản-xuất.

Những vùng đất khai-khẩn đó gọi là Đồn-diền (屯田), có những quan Điền-Tuấn trông coi việc canh - tác khai - khẩn. Người ở đồn-diền gọi là Điền-Tuấn. Chữ đồn-diền có từ đây. Binh sĩ hoặc nông dân làm trong đồn (điền) điền được phát trâu bò và các dụng-cụ canh-tác nông-nghiệp. Nhưng đến mùa phải hoàn lại cho công-khố bằng thóc, kho thóc chung của đồn-diền gọi là « Đồn-diền khố ».

Đến mùa lúa chín khi gặt hái rồi, người làm ruộng đồng-bằng phải nộp 100 Cơ (mỗi Cơ chừng 42 bát), còn ruộng miền núi thì nộp chừng 70 Cơ. Ai nộp đủ tô như là binh lính làm đồn-diền thì được miễn một năm không phải đi đánh giặc, nếu là nhân-dân thì được miễn một năm tập-dịch. Ai thiếu số tô thóc, bắt buộc không được hưởng lệ này (1).

Đề khuyến-khích cho công cuộc khăn hoang và lập đồn-diền có kết-quả mỹ-mãn, Nguyễn-Vương định rằng các quan văn võ đều phải mộ người lập-thành đội, gọi là Đồn-Điền Đội, mỗi năm mỗi người phải nộp 6 hộc thóc. Còn nhân-dân, ai mộ được 10 người trở lên, được làm cai trại và miễn sưu-dịch (2).

(1) Việt-Nam sử lược của Trần-Trọng-Kim.

(2) Việt-Nam sử lược của Trần-Trọng-Kim.

Vào khoảng năm 1830, viên quan Tổng-Đốc thành Gia-Định lúc đó tên là *Thượng* đã được ủy-nhiệm để thành-lập những đồn-diền, viên Tổng-Đốc này chọn thành Saigon là nơi luyện-tập và thí-nghiệm việc đồn-diền.

Binh sĩ làm đồn-diền được chia làm 4 đội, binh sĩ được hưởng quyền ở nhà, cày cấy những khoảnh đất do nhà vua ban cho. Về địa-tô mỗi năm phải đóng 2 nén bạc và 10 gạ lúa.

Đề có thể vẫn có một khả-năng kỹ-thuật tác-chiến, hàng năm vào khoảng tháng giêng, tất cả các binh sĩ làm đồn-diền được gọi để thao-luyện, ôn-tập các tác-động quân-sự. Sau mỗi kỳ luyện-tập, binh sĩ về lại khí-giới tại kho và được trở về nhà để tiếp-tục làm ruộng. Những binh sĩ làm đồn-diền được miễn tập-dịch, nhưng mỗi khi có giặc-giã cần đánh dẹp hoặc có lệnh động binh, đều phải nhập ngũ.

Những binh sĩ làm trong các đồn-diền là tình-nguyên, cấp-bực và phẩm-trật theo như trong ngành hiện-dịch, nhưng không ai được quá cấp Đội-trưởng (mỗi đội : 50 người) sự thăng trật cho các binh sĩ làm tại đồn-diền tính theo cao niên và ít nhất là có hai năm làm tại đồn-diền.

Năm 1842, viên Tổng-Đốc tỉnh Gia-Định là *Thượng* chết, tất cả binh sĩ làm đồn-diền ở Gia-Định đều do viên cai đội *Phạm-văn-Huy* trông coi và biến thành một đạo quân chánh-quy. Toán quân này đồn trú tại xã *Thanh-Sơn*, Tổng *Lợi-Trinh*, tỉnh Mỹ-Tho. Chính do những binh sĩ này đã bắt tay vào việc khai-khẩn các vùng đất hoang tại Đồng-Tháp-Mười hoang-vu và thành-lập nên chợ Vàm-Ngựa và Cai-Lập.

Mãi tới triều vua Tự-Đức thứ 2 (1849) ông *Nguyễn-tri-Phương*, lúc đó làm

Kinh-lược 6 tỉnh miền Nam, có đi thăm những vùng đất hoang-vu chưa được khai-khẩn. Ông lấy làm ngạc-nhiên về những kết quả tốt đẹp của công việc làm đồn-diền tại vùng *Thanh-Sơn*. Thấy vậy, biết rằng nếu tiếp-tục công việc với phương-pháp ấy sẽ rất có lợi cho việc khẩn hoang những vùng đất hoang-vu. Ông nghiên-cứu và bắt đầu tổ-chức lại cơ-cấu khẩn hoang. Từ đó, ruộng đất được phân-phát cho các binh sĩ nhập ngũ và bắt buộc phải khai-khẩn. Sau bảy năm binh sĩ làm ruộng phải nộp địa-tô. Tất cả những gia-đình binh-sĩ làm đồn-diền đều tụ-tập thành từng xóm, mỗi Đội (1) phải thành-lập một cái chợ để tiện sự mua bán sinh-hoạt.

Đời vua Lê-thái-Tôn, công-tác khai-khẩn đất hoang được mở-mang thêm và đồng-thời chức quan « khuyến nông » cũng được đặt ra để đặc-biệt trông nom về việc đó.

(Theo Việt-Nam sử-lược của Trần-trọng-Kim).

Mỗi binh-sĩ làm đồn-diền được cấp-phát riêng một khu ruộng để cày cấy, do sự phân-chia từ trước và không được quá 2 mẫu tây. Đề cho có sự đồng-nhứt và nhanh-chóng trong việc gây-dựng các cơ-sở sinh-hoạt, những tân binh nhập ngũ làm đồn-diền được hợp-thành từng đội 50 người. Những đồn-diền dần dần khai-thác được và do một Quản-Cơ hay Phó Quản-Cơ trông coi. Tuy nhiên vẫn có sự liên-hệ trực-tiếp với các cơ-quan hành-chánh tỉnh.

Hàng năm, để giám-sát và có một ý-thức nhận-xét công việc phát-triển sự khai-khẩn, quan Bô-Chánh thuộc cơ-quan hành-chánh tỉnh đi kinh-lý các đồn-diền. Những công việc thăng-thưởng những cấp bực nhỏ, như

(1) Đội — 50 người.

Đội, Quân đều do quan Tổng-Đốc hoặc cơ-quan Trung-Ương định đoạt.

Về luật-lệ thừa-kế những ruộng đất khai-khẩn; chỉ có các chức việc trong nghề võ mới được, hoặc binh-sĩ không phạm kỷ-luật bao giờ.

Mỗi đồn-diền lại xây-cắt các đồn-lũy để canh-phòng an-ninh phần nhiều xây-cắt gần các sông rạch để tiện việc kiểm-soát các sự thông-thương. Tất cả vũ-khí của đồn-diền được tập-trung ở đó, những vũ-khí này phần lớn gồm có giáo-mác, súng-ống của chức việc hoặc binh-sĩ đã trúng tuyển kỳ thi sát-hạch về võ-ngệ tại Saigon.-

Ngoài việc canh-gác, dân-binh thay phiên nhau buôn bán. Bảy năm đầu tiên khi bắt đầu khai-khẩn, binh-sĩ được miễn thuế-thân, về sau phải nộp theo như nhân-dân. Mỗi khi binh sĩ ở đồn-diền đi tham-gia những trận giặc, khi thắng, chiến-lợi-phẩm được chia đều cho mọi người.

Đồn-diền thoát đầu lập chỉ gồm có chừng 6 Vệ (lỗi 3.000 người) dần dần lên tới 24 Vệ (lỗi 10.000 người) có trang-bị vũ-khí và được tập-luyện. Số quân các Vệ làm đồn-diền chia ra như sau :

- Gia-Định, 7 Vệ.
- Mỹ-Tho, 6 Vệ.
- Vĩnh-Long, 5 Vệ.
- Biên-Hòa, 4 Vệ.
- An-Giang, Châu-Đốc, 2 Vệ.

Tổng cộng là : 24 Vệ

Đời vua Minh - Mạng thứ 10, tất cả binh-sĩ làm đồn-diền vùng Cái-Răng (Mỹ-Thuận-Trung) tham-dự cuộc đánh dẹp giặc Mên ở vùng Sóc-Trăng. Kết-quả trận tiểu-trù này mỹ-mãn, nên nhà vua lại ban thêm đất cho binh sĩ để khai-khẩn.



Sau đó là một cuộc cải-tổ đồn-diền, được các tầng lớp nhân-dân hoan-nghinh đặc-biệt. Sự khai-khẩn phát-triển rất mau lẹ ở miền Tây nhất là vùng Ba - Xuyên và Lạc-Hóa. Các đồn-diền trước còn lập ở ven các Vàm (cửa sông), dần dần lan đến hai bên các rạch và xâm-nhập dần vào trong các Giồng. Nếu không có sự khai-hoang này, có lẽ các vùng như Sóc-Trăng và Trà-Vinh còn bị bỏ hoang.

Hồi quân Pháp sang xâm-lấn miền Lục-tinh, những dân-binh ở các đồn-diền đã tham-dự tích - cực vào cuộc kháng-chiến. Tháng giêng năm Tân - Dậu (1861) Tướng Charner đem 70 chiếc thuyền và 3.500 đồ bộ đánh chiếm Gia-Định và 20 ngày sau đánh đồn Kỳ-Hòa (tức Chí-Hòa) do vị danh tướng Nguyễn-tri-Phương chỉ - huy chống giữ. Cuộc chiến đấu của quân đội ta hồi đó tuy rất anh-dũng

nhưng vì khí-giới thua kém nên hai ngày sau đồn Kỳ-Hòa thất-thủ.

Trong tài-liệu lược được khi quân Pháp và Y-Pha-Nho đã hạ được thành, có nói đến trong số 20.000 binh-sĩ Việt-Nam giữ thành, có hơn 1.000 binh-sĩ ở các đồn-diên tham-gia cuộc chiến-dấu (1).

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI :

Chúng tôi vừa nhận được của nhà **xuất-bản ĐẤT NƯỚC** những cuốn :

1-) **BÌNH HO LAO** của **Bác-sĩ Bảo-Hương LÊ-VĂN-NGŨN**, đã được giải-thưởng Hội Khuyến-học Nam-Việt 1943 và giải thưởng Hội Alexandre de Rhodes năm 1944.

2-) **BƯỞM HOA** của **Bác-sĩ Bảo-Hương LÊ-VĂN-NGŨN** nói về nguồn gốc bệnh Dương-Mai trên đất Việt.

3-) **NỢ VU-SƠN** của **Bác-sĩ Bảo-Hương LÊ-VĂN-NGŨN**, nói về sự truyền-nhiễm và cách phòng ngừa cùng phương chữa-trị bệnh Dương-Mai.

4-) **ĐỒNG QUÊ** của **PHI-VÂN**, một thiên phóng-sự bất-hủ về phong-tục tập-quán miền Nam nước Việt. Được giải-thưởng cuộc thi văn-chương của Hội Khuyến-học Cần-Thơ năm 1943.

B.K. xin cảm ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

Khi cuộc kháng-chiến của quân-dân Việt-Nam ở Lục-tỉnh bị tan-vỡ, người Pháp đặt ách thống-trị rồi bèn tiêu-diệt các cơ-sở đồn-diên nhưt là vùng Gia-Định và Mỹ-tho. Năm 1867 viên Toàn-quyền người Pháp hồi đó là *De La Grandière* có ký một sắc-lệnh ngày 20-9-1867 đề ra lệnh giải-tán tất cả mọi tổ-chức đồn-diên, vì e ngại ở đó sẽ phát-khởi lên những cuộc khởi-nghĩa chống lại chế-độ thực-dân của họ.

Trong vùng *Cần-Thơ*, những dân ở các đồn-diên đã thành-lập những chợ-búa vùng *Đình, Ó-Môn, Trà-Ôn v.v...*

Ngày nay, ai có qua miền Tây bát-ngát đồng ruộng thẳng cánh cò bay, lúa vàng thơm chín ; ghe-lạch chợ-búa tấp-nập, có biết chăng cách đây hơn một thế-kỷ, những chiến-sĩ Việt-Nam đã vừa chiến-dấu, vừa khai-khẩn đất hoang, chống với bao nỗi khó-khăn của thiên-nhiên. Những chiến-sĩ tiền-bối vô-danh ấy để lại cho hậu-thế những mảnh đất đẫm-máu và mồ-hôi mà chúng-ta quyết sẽ giữ-gìn và mở-mang mãi mãi.

PHAN-LẠC-TUYÊN

(1) Tài-liệu của Georges DURWELL

★ Thế nào là một việc cao đẹp ?

VIỆC cao đẹp, là việc làm do tấm lòng tốt và đã phải cố-gắng nhiều mới làm nổi.

MONTESQUIEU

GIÁO - HỘI VÀ CHÍNH - QUYỀN

HUỲNH-VĂN-NGHI



HEO bản thống - kê năm 1957, số giáo - dân công-giáo hoàn - cầu đã lên đến 464.200.000, rải-rác khắp năm châu, tỷ-lệ khác nhau tùy xứ. Ngoài ra 47 quốc-

gia trên thế-giới đã nối gậy liên-lạc ngoại-giao với Tòa-Thánh Vatican. Trong số ấy, có 17 nước ở Âu-châu, 19 nước Mỹ-châu, 9 nước Á-châu và 2 nước ở Phi-châu.

Muốn hay không, mọi người đều phải nhìn-nhận Giáo-hội công-giáo là một tổ-chức có qui-cử chặt-chẽ, một đoàn-thể mà số đoàn-viên qui-mộ ở khắp mọi quốc-gia.

Đó là vinh-dự của Giáo-hội. Nhưng đó cũng là nguyên-nhân khiến một số quốc-gia nghi-ky, và đôi khi lại khủng-bố bách-hại như một đối-thủ phải tiêu-hủy.

Vì sao lại có những thái-độ như vậy ?

Mục-đích của bài này là để giúp bạn đọc có một quan-niệm chính-đáng về Giáo-hội, giải-thích một phần nào những thái-độ nói trên và đồng-thời vạch một lối đi giúp giải-quyết những thắc-mắc có thể xảy ra giữa chính-quyền và Giáo-hội.

Sự phân-biệt của Giáo-hội và chính-quyền

Là một tổ-chức hoàn-bị, thuộc phạm-vi thiêng-liêng, với mục-đích đưa con người đến phần phúc đời đời, nhờ những phương tiện riêng-biệt, Giáo-hội khác hẳn với chính-quyền. Sự phân-biệt này chính Chúa Giêsu đã đề-xướng. Người đã nói rõ với đệ-tử : « Hãy trả cho César sự của César, và trả cho Chúa sự của Chúa (Mt 22/21) ». Chúa Giêsu phân-biệt giáo-quyền và chính-quyền. Người đã khai-mang một cuộc cách-mạng vĩ-dại. Lịch-sử các dân-tộc đời Thượng-cổ đã cho biết, trong một nước chỉ có một uy-quyền, và người cầm quyền ấy vừa là vua vừa là chủ-tể. Hoàng-đế César Auguste là thủ-lãnh và đồng-thời là chủ-tể tối-cao ở đế-quốc Roma. Ở quốc-gia Hy-lạp, tôn-giáo là thành-phần công-tác của chính-quyền, dính liền với đời sống chính-trị. Ở Á-châu cũng thế, vua là chủ-tể. *Sua cuique civitati religio nostra nobis* (Cicéron). Mỗi đô-thị có tôn-giáo riêng. « Hãy trả cho César sự của César, và trả

cho Chúa sự của Chúa ». Với câu nói ấy Chúa Giêsu phát-huy cuộc cách-mạng phân-quyền. Con người nhờ đó sẽ được nhiều lợi-ích. Nhưng vì là cách-mạng, nên không tránh được sự đụng-chạm, và đôi khi cả sự bách-hại đẫm máu.

Với Chúa Giêsu, không còn sự hỗn-hợp.

Con người có xác có linh-hồn, và là tạo-vật của Thượng-đế. Là phần-tử trong một quốc-gia, con người có bổn-phận đối với quốc-gia. Nhưng đồng-thời là tạo-vật, con người có nghĩa-vụ đối với Đấng Tạo-Hóa. Nghĩa-vụ ấy ta gọi là Tôn-giáo, và Tôn-giáo ấy phải do Thượng-đế qui-định và đặt dưới sự hướng-dẫn của Giáo-hội của Thượng-đế.

Do đó Giáo-hội phải được toàn-quyền trong sự hướng-dẫn con người, để đi đến cùng đích. Giáo-hội có quyền chặn đứng những ác-lực, có thể làm đình-trệ sự tiến-triển nói trên, có quyền ấn-định những thể-thức, những đạo luật để giúp con người chu-toàn nghĩa-vụ đối với Đấng Thượng-đế. Là một tổ-chức hoàn-bị, Giáo-hội không lệ-thuộc chính-quyền, cũng như chính-quyền không lệ-thuộc Giáo-hội.

Các Đức Giáo-hoàng đã nhiều lần nhấn mạnh điều ấy. Đức Leo XIII đã viết : « Không ai còn nghi-ngờ về ý-định của Đấng sáng-lập Giáo-hội (Chúa Giêsu Kitô) là phân-biệt giáo-quyền với chính-quyền. Mỗi uy-quyền phải được tự-do và đầy đủ điều-kiện để chu-toàn sứ-mệnh của mình ». (Thông-điệp Arcanum 10-2-1880).

Sự phân-biệt đã được Chúa Giêsu và các Đức Giáo-hoàng hoạch-định rõ-rệt. Nhưng thử hỏi sự phân-quyền ấy có lợi hay có hại. Nếu có lợi, cần có những điều-kiện nào.

Ích-lợi của sự phân-quyền

J.J. Rousseau phản-đối sự phân-quyền, và coi đó như là mối đe-dọa sự thống-nhất của xã-hội. Trong quyển Contrat Social, ông đã viết :

« Chúa Giêsu đến lập một quốc-gia
« thiêng-liêng, phân-biệt thần-giới với
« chính-trị. Ông đã làm tổn-thương sự
« thống-nhất của quốc-gia và gieo sự chia-
« rẽ nội-bộ, sự chia rẽ mà người ta vẫn thấy
« ở những quốc-gia có đạo... Hậu-quả của
« sự phân-quyền ấy, là sự đụng-chạm
« thường-xuyên về quyền-hạn, khiến mọi
« chính-sách hữu-ích không thể thực-hiện
« được ở những xứ có đạo, và người ta
« vẫn phải lưỡng-lự không biết phải vưng
« lời quan hay linh-mục (IV-8) ».

Lịch-sử xem ra minh-xác sự nhận-xét của Rousseau. Nhưng nhược-điểm của lời phê-phán của ông là tự ý phủ-nhận tính-cách pháp-lý và độc-lập của Giáo-hội và đồng-thời bỏ qua những ích-lợi mà Giáo-hội ở xứ mà tính-cách pháp-lý và độc-lập được kính-nể — đã đem đến cho dân-chúng và chính-quyền.

Ngày nay, đối với chúng ta, sự phân-quyền không còn là một vấn-đề mới lạ và nan-giải. Chính-thể dân-chủ đòi hỏi sự phân-quyền. Quyền lập-pháp, hành-pháp, tư-pháp không còn tập-trung nơi tay một nhân-vật, dù là một nhân-vật siêu-quần. Ngoài ra quyền-hành của một Chính-phủ còn có thể bị hạn-chế bởi những văn-kiện đã được toàn dân hay nhiều quốc-gia chấp-thuận : bản Hiến-pháp, bản Hiến-chương Liên-hiệp-quốc, bản Tuyên-ngôn nhân-quyền v.v... Nói vắn-tắt, con người thế-kỷ thứ XX, không còn ngỡ-ngỡ và ngạc-nhiên với vấn-đề phân-quyền nữa. Do đó sự hiện-diện và tính-cách độc-lập của Giáo-hội

không còn là một đe-dọa cho nền thống-nhất của một quốc-gia. Trái lại, một khi được cư-xử hợp-lý, Giáo-hội sẽ là một yếu-tố bảo-đảm nhân-phẩm, chống mọi áp-bức. Kinh-nghiệm đã cho thấy những quốc-gia phủ-nhận quyền-hành của Giáo-hội là những quốc-gia độc-đoán hay đang chủ-trương chuyên-quyền, và cũng kinh-nghiệm chứng-minh không nền thống-trị nào ghê-gớm và nặng-nề bằng nền thống-trị chuyên-chế, chủ-trương qui-định cả con người, cả tín-ngưỡng lẫn tình-cảm.

Lịch-sử có đầy những ví-dụ. Henricô VIII, hoàng-đế nước Anh, và các ông hoàng Thệ-phản ở nước Đức, các ông đã tập-trung chính-quyền và giáo-quyền. Ai nói cho hết những lạm-dụng đã xảy ra. Gần đây, các nhà độc-tài cũng đã theo đường lối của các ông. Hậu-quả là sự nô-lệ-hóa con người từ tinh-thần lẫn vật-chất.

Đành rằng sự phân-quyền đã gây nhiều cuộc đụng-chạm giữa chính-quyền và giáo-quyền, nhất là trong những vấn-đề hỗn-hợp, như vấn-đề hôn-nhân, học-đường, báo-chí. Nhưng một khi quyền-hạn của đôi bên được hoạch-định rõ-ràng, và khi hai bên biết hợp-tác chặt-chẽ, sự đụng-chạm có thể sẽ tránh được, và Giáo-hội cũng như chính-quyền chắc-chắn sẽ thu được những lợi-ích tốt-đẹp.

Lịch-sử các nước đủ chứng-minh đều đó...

Tuy thuộc hai khu-vực khác nhau, nhưng Giáo-hội cũng như chính-quyền đều

lấy hạnh-phúc con người làm tiêu-chuẩn. Ví-dụ về vấn-đề học-đường, Giáo-hội là một công-sự-viên đặc-lực, vì Giáo-hội không những quan-tâm đến trí-dục mà cả đức-dục nữa. Thử hỏi trên hoàn-cầu, có Chính-phủ nào, dù là ở những nước tiền-tiến, có đủ khả-năng và tài-nguyên để bảo-đảm toàn-phần việc giáo-dục? Thế là Giáo-hội cũng như bao đoàn-thể Tôn-giáo khác, vẫn có lợi cho quốc-gia. Kinh-nghiệm đã minh-xác, Giáo-hội đã giúp nhiều, và còn có thể giúp nhiều hơn, nếu giữa chính-quyền và giáo-quyền có sự thông-cảm và hợp-tác chân-chính. Đối với những vấn-đề khác cũng thế... Giáo-hội, được phân-tách chính-quyền, nhưng để được hợp-tác chân-thành và hữu-hiệu.

Những điều-kiện để thực-hiện

1) Điều-kiện thứ nhất để đi đến sự hợp-tác, là chính-quyền cũng như giáo-quyền nhìn-nhận tính-cách tương-đối của mình. Lịch-sử đã cho thấy, đời Trung-cổ, khi mà các nhà thần-học chủ-trương sự lệ-thuộc của chính-quyền, xã-hội đã phải sống dưới sự áp-bức quá-đáng của một số giáo-sĩ. Ngược lại, khi chính-quyền mưu-định hà-lạm giáo-quyền, nhân-dân sẽ phải bách-hại hay phải nhờ đến chiến-tranh Tôn-giáo giải-quyết cảnh hà-khắc.

2) Như đã nói trước, giáo-quyền và chính-quyền khác nhau về nguyên-thủy, về cứu-cánh, và thuộc hai phạm-vi khác nhau.

★ NGƯỜI biết « đạo » tất không khoe, người biết « nghĩa » tất không tham, người biết « đức » tất không thích tiếng tăm lừng lẫy.

TRƯƠNG-CỬU-THÀNH

Giáo - hội do Thiên - Chúa sáng-lập, để hướng-dẫn con người đến cõi phúc đời sau. Chính-quyền do nhân-dân bầu-cử, để xây-dựng xã-hội. Chính-quyền không phải lo đến hạnh-phúc đời đời, cũng như Giáo-hội không có trách-nhiệm trực-tiếp trong việc tăng-gia sản-xuất. Do đó, Giáo-hội không phải là một « quốc-gia trong quốc-gia », một chánh-đảng hay một đối-thủ của chính-phủ. Sự phân-biệt và nhận-định nơi đây rất cần-thiết, để tránh mọi nghi-kỵ có hại cho cả đôi bên.

3) Điều-kiện thứ ba là ý-định của đôi bên để vượt mọi trở-ngại. Nhìn-nhận tính-cách tương-đối và độc-lập của nhau, chính-quyền và giáo-quyền còn phải đem cả thiện-chí để thực-hiện và duy-trì sự thỏa-thuận. Như đã nói trước, có những vấn-đề hỗn-hợp liên-hệ đến hai bên, và hơn nữa trong một nước, có thể có những công-dân vừa là phần-tử của Giáo-hội vừa là thành-phần của quốc-gia. Đó đó có những vấn-đề cần sự hợp-tác và thỏa-thuận của đôi bên để giải-quyết : hôn-nhân, học-đường v.v...

Ngoài ra... là con người, tất nhiên có ở những lỗi-lầm không tránh được, những khuyết-diểm « của tôi và của anh ». Thế là

không ai không sai-lầm, và đã sai-lầm, thì cần sửa-chữa. Chỉ có thế, sự hợp-tác mới thực-hiện được và mới tồn-tại được lâu dài.

KẾT-LUẬN

Giáo-hội và chính-quyền là hai tổ-chức khác nhau... khác trên mọi lĩnh-vực. Nhưng là hai tổ-chức có thể hợp-tác và cộng-tác cách chân-thành và hữu-hiệu.

HUỲNH-VĂN-NGHI

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được tập thơ **DẶNG RỪNG** của Hoài-Khanh do tác-giả mới xuất-bản.

Và nhận được của nhà xuất - bản **Đường mới** những cuốn :

— **PHẠM TỘI HỌC YẾU-LƯỢC**, tác-giả *Thiếu-tá Lê-Tảo*.

— **THIẾU-NHI PHẠM TỘI** của cùng tác-giả.

B.K. xin cảm ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

★ **NẾU** tôi không thực-hiện được lý-tưởng của tôi, thì tôi cũng ráng lý-tưởng-hóa cuộc đời của tôi.

ADELE KANN

« TÂN GIÁO - DỤC »

DO ĐÂU MÀ CÓ ?

Cô THOẠI - NGUYỄN dịch



HÌNH tâm-lí-học đã lật đổ hơi nước. Và ở thế-kỉ XIX, chính những nhà tâm-lí-học đã khám-phá lắm điều về bản-chất con người, về trẻ-con, những

điều khám-phá quan-trọng đến nỗi các nhà giáo chỉ còn có thể mở mắt để nhìn, kinh-ngạc.

Tâm-lí-học đã đặt lại sự-kiện này một cách hiên-nhiên, sự-kiện bị quên lửng từ mười thế-hệ, đó là : trẻ em không phải là người lớn rút ngắn lại. Trẻ-em có những cách riêng để sống, để cảm-nghĩ, để hoạt-động. Chúng ta hãy kính-trọng những cách riêng ấy. Tuổi thơ chẳng phải là « một thời-kỳ xấu mà đứa bé, phụ-huynh hoặc thầy cô nó phải chịu ». Trái lại, đó là một thời-kì rất mực phong-phú mà ta cần biết cách làm cho sinh-sôi nảy-nở. Nói

một cách khác, chẳng phải vì người lớn mà ta nghĩ những phương-pháp giáo-dục, mà vì chính trẻ-con, vì sự phát-triển của chúng, thể-chất và tâm-hồn.

Điều đó có lẽ không mới gì lắm. Hai trăm năm trước các nhà tâm-lí-học của thế-kỉ XIX, học-giả Montaigne đã đưa ra i-tưởng một đầu óc đầy lành-mạnh hơn là đầy hiểu-biết. Song đầu sao cũng đến thế-kỉ XIX, tân-giáo-dục mới thành hình.

Làm cho nhà trường dính với cuộc đời

Với chúng ta giờ đây, mấy tiếng « Tân Giáo - Dục » có một nghĩa thật rõ-ràng. Trước hết, chúng có nghĩa là làm cho nhà trường dính với cuộc đời ; làm cho sự học-hỏi khởi từ cái có thật chứ không phải chỉ từ cuốn sách ; để một chỗ rộng hơn cho sự thí-nghiệm. Đó là hai nguyên-tắc lớn của

những phương-pháp tân-thời. Từ đây, nhờ những bài quan-sát, những lần « học-hỏi của hoàn-cảnh », những cuộc dạo chơi ở thôn-quê và ở thị-thành, đứa bé thấy, so-sánh, cân-nhắc, tự mình phê-phán. Nhờ thầy giúp đỡ, nó tự học hiểu một cách cụ-thể và thực-dụng.

Nhưng cuộc đời cũng là tất cả những sinh-hoạt lao-động, nghệ-thuật và xã-hội. Những sinh-hoạt này có thể giúp bao khả-năng của trẻ-em phát-triển, và có-lẽ nhờ đó mà một số trẻ-em sẽ tìm được con đường của mình. Có-lẽ cũng nhờ đó mà không còn những « đồ hư » nữa, mà chỉ còn những em bé có những năng-khiếu khác nhau.

Tân giáo-dục muốn chống lại hình-ảnh « ông đồ » chễm-chệ ở trên cao, phân-phát cho học-trò mình đang buồn chán những điều tri-thức nhai đi nhai lại, những quyển sách phải học thuộc lòng. Với những « phương-pháp hoạt-động », trái lại, đứa bé hành-động, nó tự mình thử khám-phá những lí-giải cho những vấn-đề mà nó gặp phải. Thầy hay cô ở đó chỉ để hướng dẫn, phụ sức và phân-tách các khó-khăn. Tinh-thần không còn là một nơi tụ - tập, đó là một « bấp thập càng ngày càng mạnh vì làm việc ».

Những í trên đây, đối với chúng ta hiện nay nó giản-dị, nhưng đã phải cần lắm can-đảm và công-trình để được người đời công-nhận chúng. Đã phải cần cả một thế-kì dò-dẫm riêng-biệt, lí-thuyết có giá-trị ít hay nhiều trước khi nảy - nở những phương-pháp thực-tế có thể áp-dụng được, những phương-pháp mà ngày nay đã « thử-lửa » rồi. Tất-cả công ớn đều qui về nửa tá nhà giáo-dục, đồng-thời với chúng ta.

Người mở đường khai lối :

JEAN-JACQUES ROUSSEAU

Người mở đường khai lối của họ là Jean-Jacques Rousseau mà người ta gọi là

cha đẻ của học-thuyết về giáo-dục. Claparede, một trong những nhà tâm-lí-học tầm-tiếng của tuổi thơ, cho rằng Rousseau là Copernic của môn giáo-dục.

Như Copernic khám-phá ra rằng Mặt-Trời chớ chẳng phải Trái-Đất là trọng-tâm của hệ - thống các hành - tinh, Rousseau khám-phá và xác-định trong quyển « Émile » của ông rằng đứa trẻ mới phải là trung-tâm của bất-cứ hệ-thống giáo-dục nào.

« Trẻ em có một bản-chất riêng ; mỗi tuổi có những lò-so làm cho nó cử-động. Thật rất là lạ mà nhận rằng từ lúc mà người ta xen vào việc nuôi-nấng trẻ-em, người ta không có tưởng-tượng dụng-cụ nào khác hơn để điều-dắt chúng bằng sự tranh-dua, sự ganh-ghét, sự thèm muốn, sự phách-lối, sự sợ-sệt xấu-xa. Người ta đã thử hết thấy dụng-cụ, trừ một cái đúng độc - nhất có thể thành-công : sự tự - do khéo chế-định ».

Rousseau là một nhà cách-mạng. Quyển sách của ông bị Nghị-viện xử đốt một cách tượng-trưng, và tác-giả bị đày. Nhưng í-tưởng cứ đi con đường của nó.

« Sống, đó là cái nghề mà tôi muốn dạy cho Émile »

Bằng cách nào ? Bằng cách bắt đầu từ cái cụ-thể, bằng cách quan-sát Thiên-nhiên, bằng cách theo đứa con nít từng bước một trên con đường phát-triển của riêng nó.

PESTALOZZI

hay tình thương con trẻ

Điều mà Rousseau đã nói, chính Henri Pestalozzi sẽ làm ; Pestalozzi là một nhà giáo-dục Thụy-sĩ, mất năm 1827, đã hiến đời mình cho lớp trẻ vô-phúc. Ông thâu nhận vào trường ông ở Yverdon tất cả trẻ em xấu-số và cố tìm hiểu chúng hơn. Càng

hiều chúng, ông càng thương chúng. Và đối với ông, đó là căn-bản của tất-cả mọi công cuộc giáo-dục.

Với tình thương, ông khiến chúng tự tin trở lại, ông biến đổi chúng, ông chuẩn-bị chúng ra đời : ông giáo-dục chúng. Ông không có phương-pháp, ông theo linh-tính của ông, ông theo linh-tính của lũ trẻ. Ông bắt đầu từ bước một, do sự quan-sát Thiên-nhiên, do những thí-nghiệm cụ-thể.

Trường ông bành-trướng ra, ông một mình lo không xuể, đề vãn hồi chỗ thiếu người phụ việc, Pestalozzi áp-dụng sự cho học trò tự-trị : ông tổ-chức cho học-trò dạy lẫn nhau. Những thí nghiệm đầu-tiên về «sự tự-trị» đã khiến người ta mỉm cười. Song Pestalozzi tranh-đấu cho niềm tin của mình, và nếu ông chết trên con đường lí-tưởng mà chưa đạt được những nền móng cho một học-thuyết giáo-dục chặt-chế, ông cũng đã có công to vì đã thủ-đào-tạo những con người chân-chính.

ITARD

i-sĩ — tâm-lí-gia

Pestalozzi chẳng phải một nhà khoa-học. Itard, ông này sẽ thử làm cho rõ-ràng mọi việc. Ông là người đầu tiên trong loạt những i-sĩ giáo-dục-gia — Sau ông, có Édouard Seguin, Maria Montessori, Ovide Decroly — hỏi đầu bằng sự nghiêng-cứu trẻ-em bất-thường để tạo thành một hệ-thống về giáo-dục cho trẻ-em thật là bình-thường.

Việc bất-kì của Itard đó là việc bất-kì của «thằng Dã-man ở Aveyron». Đó là một đứa bé người ta gặp sống man-rợ trong rừng. Nó trạc chừng 11 tuổi. Năm 1.799, người ta đem nó đến Paris, người ta cho nó điếc, câm và mắc phải bệnh ngu-đần nan-i, chớ chẳng gì lạ, Song Itard chưa

chịu thua. Với ông, ngũ-quan của đứa «dã-man» sở dĩ không có — ngoại trừ khứ-giác ra — là chỉ vì chúng không có cơ-hội đề mà dùng.

Với tất-cả dụng-cụ ông tự chế ra, ông bắt tay vào việc giáo-dục lại đứa bé rừng rú. Itard chỉ thành công có phần nửa trong công cuộc biến đổi đứa «dã-man» của ông thành một đứa trẻ bình-thường bởi thiếu phương-tiện tài-chánh và thiếu cả thời-giờ. Nhưng cuộc thí-nghiệm đã đem lại cho í-tưởng về Tân giáo-dục một vận may trọng-đại : nó đã du-nhập khí-cụ giáo-dục. Một khí-cụ không phải ở đó để giải-trí và khiến sự học-hỏi giống một trò-chơi, mà một khí-cụ cho các giác-quan, mà mỗi ứng-dụng có một mục-dích thật rõ-rệt. Sau này Maria Montessori sẽ dùng nó một cách rộng-rãi.

SEGUIN

tiếp - tục

Trên vị-trí thực-tiến, bước đầu đã bước, bước thứ nhì, chính Édouard Seguin : cha Seguin vốn là người bạn đồng chí của Itard. Vốn cũng là i-sĩ, Édouard Seguin sẽ khám-phá rằng khí-cụ, hoàn-cảnh sáng-lập cho trẻ-con bất-thường có thể áp-dụng cho trẻ-con bình-thường. Một đứa trẻ bất-thường khi nó mười tuổi mà phản-ứng như nó lên năm. Nhưng khí-cụ cho một đứa trẻ bất-thường mười tuổi có thể dùng cho một em nhỏ bình thường lên năm.

Hơn cả Itard, Seguin tìm-hiền cái tâm-lí sâu-xa của con-trẻ, cái cách nó tiến-triển, cái gì làm cho nó rung-cảm. Theo ông, những trò chơi giáo-dục là phương-tiện để làm biểu-lộ cá-tánh của trẻ-thơ bằng cách cởi-mở cá-tính ấy và bằng cách làm cho cá-tính ấy tiến-bộ.

FROEBELI**cha đẻ «vườn trẻ»**

Nhưng chẳng phải nước Pháp giữ độc-quyền những í-tưởng mới về giáo-dục đâu. Ở Đức, Froebel đề-khởi khẩu-hiệu «vườn trẻ». Cho những bé-tí, từ ba đến sáu tuổi, ông sáng-lập một hoàn-cảnh thích-hợp với những nhu-cầu của đứa bé bằng cách tận-dụng trò chơi, tánh tò-mò, sự cử-động, sự sinh-hoạt hồn-nhiên. Ông tập chúng vun xới một cái vườn con, do đó mà có tên «vườn trẻ» luyện chúng quan-sát sự sự cấu-thành của các mầm, của các bông và của các trái. Ông tập chúng chơi với đất sét và cát. Ông khiến chúng dùng thời-giờ rảnh rỗi làm những thủ-công nho-nhỏ. Từ cái trường khiêm-túng của Froebel, í-tưởng về vườn được cả thế-giới noi theo.

KERSCHENSTEINER :**những cuộc tập-luyện thực-tiễn**

Cũng ở Đức, Kerschensteiner chủ-trì rằng những quyền-lợi thực-tiễn của tuổi xanh là khởi-diểm của mọi nền giáo-dục. Không thể có nền học-vấn có giá-trị nếu nó không được những cuộc tập-luyện thực-tiễn nhấn-mạnh thường-xuyên. Một nền giáo-dục chuyên-môn, nếu nó thật là thích-hợp với cá-tính của trẻ, nền giáo-dục chuyên-môn ấy cũng đủ giá-trị về giáo-dục như một nền học-vấn gọi là tri-thức. Í-tưởng trên đây còn là một thời-sự nóng hổi và đang tiếp-tục cuộc chiến-đấu của nó. Và mặc dù những thành-kiến, người ta có thể chắc rằng rồi nó sẽ thắng.

DEWEY :**học là học í-nghĩa của sự-vật.**

Ở Mĩ, một nhà đại triết-gia, John Dewey, cũng đưa ra một nguyên-tắc của

một nền tân giáo-dục. Những nguyên-tắc sẽ có nhiều ảnh-hưởng đối với các nhà đại giáo-dục của thế - kỉ XX : Decroly, Freinet. Theo Dewey, học tức là học í-nghĩa của sự-vật. Những tiếng đều không chút í-nghĩa gì với trẻ-em, nếu những tiếng ấy không được một cuộc thí-nghiệm kèm theo. Đó là tất-cả khía-cạnh cụ-thể của Tân giáo-dục.

MARIA MONTESSORI**sáng lập « nhà trẻ »**

Itard, Seguin, Froebel, Kerschensteiner, Dewey đã sửa-soạn đất-đai. Maria Montessori khai-khẩn cuộc đất ấy, một cách rất tận-kì, thật thể ; song chẳng phải giảm bớt công-trạng của bà chút nào đâu, khi bảo rằng bà đã được nâng-dỡ một cách bao-la suốt trên con đường chức-vụ của bà, khi bảo rằng bà thành - công chính là nhờ ở cuộc sửa-soạn đất-đai.



Maria MONTESSORI
(1870 - 1957)

Maria Montessori là người phụ-nữ
 ỉ đầu tiên lãnh bằng bác-sĩ i-khoa. Bà
 tha-thiết ngay với tuổi thơ, tuổi thơ bất-
 thường. Vốn là người khâm-phục Itard và
 Seguin, bà đi xa hơn nhiều nữa. Song bà
 muốn thăm-nhuần công-trình của họ đến
 đôi bà sao bằng tay các tác-phẩm của họ
 để mà thấu triệt tất cả những tiêu-dị.

Năm 1907, một kiến-trúc-sư La-mã
 đang cất một nhóm nhà cho thợ-thuyền,
 có cái i-nghĩ phải dùng trong lúc ban
 ngày những đứa trẻ con cầu-bơ cầu-bắt.
 Ông ta giao nhiệm-vụ này cho Maria
 Montessori, vì vậy mà ra đời cái «Casa
 dei bambini» đầu tiên, tức là «nhà trẻ»
 Bà Montessori gác lại những việc làm
 của bà về trẻ-em bất-thường để chuyên lo
 về nhiệm-vụ mới. Chính là trong cái nhà
 trẻ đầu-tiên này mà bà phải thảo tất cả
 hệ-thống của bà.

Có điều hiển-nhiên về đường lối của
 bà, đó là cái khía-cạnh kiến-thiết tự-trị
 của hệ-thống giáo-dục của bà.

Đề khởi đầu, bà Montessori nghĩ rằng
 đứa trẻ không có chỗ của nó trong xã-hội
 của người lớn.

Không có gì vừa với từng vóc nó
 cả. Tất cả, người ta đều cấm nó. Nó
 mãi-mãi bị hăm dọa, trong những căn
 nhà nhỏ quá, nơi đó nó không thể rờ
 mó cái gì cả, không thì làm đồ bẽ,
 ngoài đường sá thì xe-hơi, bộ - hành thì
 nhau chen lấn và đi cho mau. Vậy phải
 tạo-lập cho con trẻ một hoàn-cảnh, đó
 sẽ là lớp học của nó. Ghế bàn sẽ phải
 nghĩ cho nó, vừa với tầm vóc nó.
 Nó sẽ có thể chọn lựa khí-cụ làm ra
 chỉ cho nó, trên các kệ chạy giáp vòng
 gian phòng. Nó sẽ có quyền mở rô-bi nê
 nước, có quyền làm mình dơ nữa. Đó

sẽ làm giang-sơn của nó, nó sẽ cảm
 thấy nó ở nhà nó tự-do.

Đó là iếu-tố đầu-tiên của hệ-thống,
 để đứa trẻ dễ chịu dặng không có một
 sự bó-buộc vật-chất nào ở bên ngoài
 đến làm trở-ngại sự phát-triển tự-nhiên
 của cá-tính nó.

Yếu-tố thứ nhì : dụng-cụ có hai thứ :
 một thứ dùng để giáo-dục các giác-
 quan, một thứ dùng cho sự học-vấn
 chính - cống — mỗi dụng-cụ ăn khớp một
 nhu-cầu của trẻ, ăn khớp với một giai-
 đoạn của sự phát-triển của nó. Nó không
 thể dùng sao cũng được. Vì mỗi «trò chơi
 giáo-dục» có một mục-dích, nó giúp một
 cơ-quan nào đó. Chính cô giáo phải
 hướng-dẫn đứa bé, phải chặn nó lại nếu
 nó «làm bậy» nghĩa là nếu nó dụng-cụ
 sai chỗ, và phải lái sự chú-í của nó về
 một sự hoạt-dộng khác.

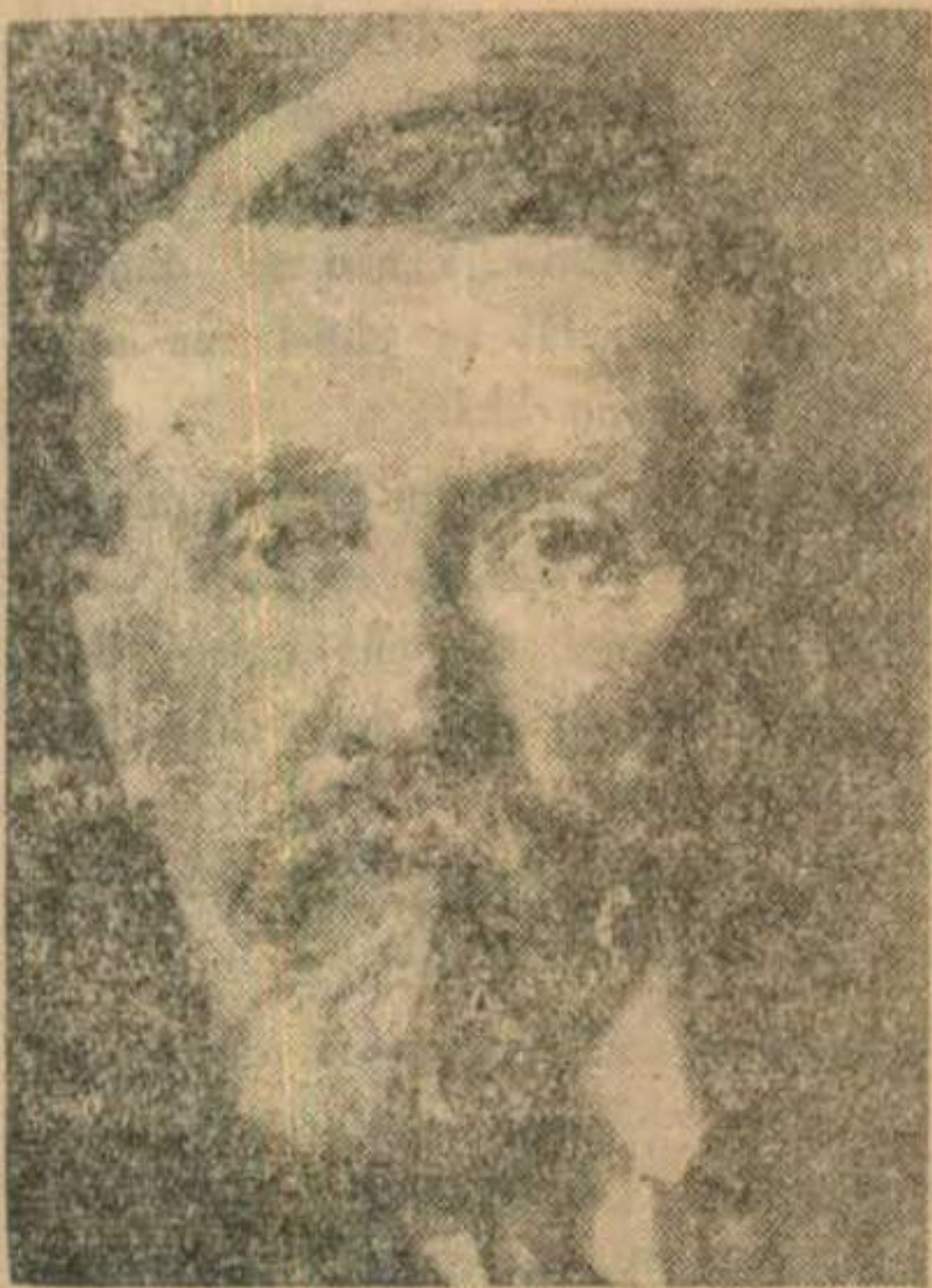
Iếu-tố thứ ba, iếu-tố trụ-cốt của phương
 pháp Montessori : vai-trò cô giáo. Cô đã
 bắt-buộc sự thay đổi của người lớn,
 bằng không có sự đổi thay thì chẳng
 làm gì được.

« Nhà giáo-dục phải thắng hẳn tánh
 kiêu-căng và sự nóng giận ».

Cô giáo ở đó để giúp-dỡ chứ chẳng
 phải để phê-phán, lại càng không phải
 để trừng-phạt. Cô phải học sự kính-nề
 công-việc của trẻ, bất cứ là công-việc gì.
 Cô không nên nói đi nói lại về một bài
 học tiêu-hóa lỗi - thôi, mà phải chờ một
 dịp thuận-tiện hơn. Để đỡ lại điều bất lợi
 đứa trẻ như thể ra ngoài xã-hội, ra khỏi
 nhân-gian, nơi mà chung qui nó sẽ phải
 sống, cô giáo tổ-chức những lớp học của
 mình cách nào cho những trẻ tuổi khác
 nhau đều dự vào, trẻ lớn nâng trẻ em
 bé, trẻ - em còn nhỏ được kích-thích do
 lòng khâm phục các đàn anh.

DECROLY :**một phương-pháp tự-nhiên**

Gần một lúc với Maria Montessori ở La-mã, một ông thầy thuốc ở Bruxelles (Bỉ), bác-sĩ Ovide Decroly, lại bắt đầu từ sự giáo-dục những kẻ chậm tiến để đi tới chỗ quan-niệm một thuyết mới về giáo-dục. Một học-thuyết, mà không có hệ-thống nào. Những phương-tiện mà ông dùng nó thật là khác xa với của bà Montessori, song rồi cũng đến một đích : làm cho đứa trẻ thành một người thích-nghi với hoàn-cảnh.



Ovide DECROLY
(1871 — 1932)

Decroly quan-niệm thuyết của ông giữa cảnh đồng ruộng. Ông mượn dụng-cụ của mình nơi Thiên-nhiên, thổ-sản, cây cỏ, thú-vật, đồ chơi và đồ dùng của cuộc đời. Không có cái gì «chế tạo trước» như ở trường Maria Montessori. Nhất là Decroly khước-từ việc lập bất cứ hệ-thống bưng-bít nào. Ông nhắc

rằng giáo-dục không thể là một cái gì đứng lì. Một «đứa hư» chỉ là một đứa trẻ thích-nghi dờ, bị thầy bỏ quên. Nay thì không thành vấn-đề nữa, bởi lẽ người giáo-dục trước hết phải chuyên tâm hiểu đứa trẻ..

Thay vào chỗ chương-trình thường-lệ, chia làm nhiều ngành và nhiều môn, dính với nhau mà chẳng liên-hệ tí gì với nhau cả (chỉ trừ có cái liên-hệ của «thời-dụng-biểu») Decroly dựng lên những «chủ-điểm». Có năm chủ-điểm đáp lại những nhu-cầu chung của đứa trẻ sẽ thành một người là : ăn uống, chống lại thời-tiết không thuận, tự-vệ, làm việc và nghỉ-ngơi. Tất cả những «môn» của chương-trình học đều dính-líu với những chủ-điểm nói trên. Đứa học-trò dự vào công việc làm một cách hoạt-động. Nó quan-sát, nó kết-hợp, nó phát-biểu, và vì đó, tự nó, nó khám phá cái mà sẽ là cái «vốn hiểu biết» của nó. Ông giáo ở phía sau, đề đỡ-dần, đề gợi í, đề cùng học - trò mình kết-luận.

DECROLY :**phương-pháp bao-quát**

Decroly sáng-chế một lối mới để học đọc và học viết, người ta gọi là phương-pháp bao-quát. Ông đi từ nguyên - tắc «cái gì dễ không thể là cụ-thể và ngược lại». Nói cách khác, B-A, BA có lẽ là dễ đây, nhưng không ăn dính một chút nào với cái chỉ trong trí-não đứa trẻ cả. Vậy thì phải khởi đầu bằng cái cụ-thể, nghĩa là từ cái tiếng miêu-tả, từ cái câu có một í-nghĩa nào. Đứa trẻ sẽ học đọc dễ hơn nhiều và nhất là một cách bình-thường hơn.

Sân đây ta cũng nên ghi phớt qua rằng nếu phương-pháp bao-quát lúc đầu gây nên lăm húng-khởi, thì bây giờ thường bị người ta nhìn một cách nghi ngại — phương-pháp này còn có điều bất lợi là nó không dạy trẻ học chánh-tả.

Nhưng điều này chỉ là một chi-tiết trong toàn-thể công-trình của Decroly. Decroly có điều hơn Maria Montessori là ông không buộc phải có dụng-cụ, nhất-dịnh, bất-động và đặc-tiền, không đề-nghị một hệ-thống xây-dựng khéo đến nỗi không thể nào gở ra một iếu-tố nào mà chẳng làm sụp đổ cả tòa nhà đồ-sộ. Song cũng như Maria Montessori, ông nhấn mạnh nhiều về vai-trò cốt-yếu của ông thầy và chính lương-tri, lòng thương trẻ của người dạy mà ông kêu gọi trước hết.



Célestin FREINET

FREINET

với những kĩ-thuật mới để
viết, đọc, vẽ

Dường như một ông giáo quen vùng Basses - Alpes, Célestin Freinet, nghe thấu lời kêu gọi này.

Nhưng dù có nhờ các nhà tiên-phong danh tiếng gợi ý hay không, Freinet cũng đã hoàn-thành một công-trình đáng thán-phục. Những « kĩ-tthuật Freinet » là những kĩ-thuật « tự-nhiên ». Người ta phải học đọc và học viết như học nói, nghĩa là dò-dẫm lẫn hỏi.

Song sáng-kiến lớn-lao của Freinet là đem máy in vào nhà trường : đưa học-trò soạn một « bài tự-do » mà em viết khi em có việc gì để nói : thế thì hết còn những bài kể chuyện ép buộc, mà những bài tự-do làm thích học-trò bởi nó biết những bài ấy sẽ được in, tự tay nó in, với cái máy in nhỏ của nhà trường. Hết thầy bài trong lớp sẽ làm thành một tờ báo. Tờ báo này, trẻ em sẽ đem về cho cha mẹ, cho bạn - bè, sẽ gởi đến những người thông-tin của chúng rải-rác ở các làng nước Pháp. Hiện nay, 8.000 tờ báo học-sinh được in mỗi tháng tại nước Pháp, và Freinet, từ cái trường hướng-đạo của ông ở Vence, trong vùng Alpes - Maritimes, Freinet dẫn đầu công việc đó.

Do sự phổ-biến tờ nội-san của mình : « Nhà Giáo - dục », Freinet liên-lạc 20.000 trường học Pháp và nước ngoài. Cốt-

iếu là thực - tế, tờ báo gọi những thề-thức mới về bài vở, thuật lại những thí-nghiệm ở các trường. Các giáo-viên lấy í trong đó, và nhất là họ chẳng cảm thấy mình trơ-trọi. Họ lập thành một thứ hợp-tác-xã và họ giúp đỡ lẫn nhau.

CLAPARÈDE :

sự đào-tạo cán-bộ

Nhưng trước Freinet lâu, một người đã có í-nghĩ qui-tụ và đào-tạo cán-bộ cho nền tân giáo-dục. Chính năm 1912, Claparède dựng ở Genève (Thụy-sĩ) viện Jean-Jacques Rousseau. Viện này — bây giờ là Viện các Khoa-học về Giáo-dục của đại học-đường Genève — phải là một trường cao-đẳng sư - phạm. Những nhà giáo-dục tương-lai sẽ đến đó để tìm tài-liệu, học những phương-pháp để quan-sát tâm-lí học-trò mình.

FERRIÈRE :

liên-đoàn quốc-tế Tân giáo-dục

Sau trận đại-chiến thứ nhất, nhờ sự đốc-thúc của Adolphe Ferrière mà liên-đoàn quốc-tế Tân giáo-dục lập-thành ; liên-đoàn phải nhóm-hợp vào những kì nhứt - định và đều-đều để kiểm - điểm những phương-pháp áp-dụng trong các nước, lập chương - trình, tìm những phương-tiện hoạt-động mới để truyền-bá í-tưởng và phương-pháp của nền Tân giáo-dục.

Kết-quả

Thật sự, Montessori, Decroly, Freinet, Claparède hoặc cả Froebel, Kerscherteinen hay Dewey đã ảnh-hưởng mực nào đến công-cuộc giáo-huấn công-cộng? Hai nước đã tỏ ra nhiệt-thành : Hòa-

lan và Bỉ. Từ 1.936, hai nước này đã du-nhập phương-pháp Decroly vào các trường đệ-nhất-cấp.

Ở Pháp, chỉ có ba hay bốn trường tiểu-học dùng phương-pháp giáo - dục « hoạt-động » ; mấy trường này đều ở trong vùng Paris. Những lớp « mới » ở đệ-nhi-cấp đã bị « súp » 5 năm nay rồi, người ta lấy có là đề tổng-hợp phương-pháp. Thật sự thì chẳng có lấy một tí đòi thay nào.

Những í-tưởng lên đường

Nhưng khắp hoàn-cầu, đây hoặc đó, từ miền Nam-Mĩ đến nước Phù-tang, những tư-thực dựng những «trường mới». Liên-đoàn quốc-tế Montessori có chừng ba chục lớp tại Pháp. Phương - pháp Decroly đã khiến lắm nhà chế-tạo nhiều trò chơi giáo-dục, đáng kể nhất là nhà Fernand Nathan. Đại-khái, dường như Froebel, hiền-lành, nhút-nhát, cuộc đời bị nhạo-báng, bị mọi người từ bỏ, dường như Froebel là người thắng cuộc vẻ-vang của cuộc đua tranh này : hiện giờ toàn khắp thế-giới, đâu cũng có «vườn chơi trẻ em », công cũng như tư.

Cần phải tốn kém lắm để lay-động những nền móng của nền giáo-dục công-lập, nhất là ở Pháp. Ở nước này, có gần ba mươi năm, người ta nói đến cải-cách này cải-cách nọ mà chẳng bao giờ đưa đến một giải-pháp kiến-thiết nào. Có lẽ chậm-trễ thế mà có điều hay. Đôi khi người ta đi quá trớn trong cái mới và tất cả những gì mới lạ cũng cần gọt, mài.

Dẫu sau đi nữa, có điều chắc-chắn, là í-tưởng vĩ-dại về Tân giáo-dục ở học-đường nó bà-con một cách lạ-lùng với í-tưởng vĩ-dại về giáo-dục tron-tru : con cái chúng ta nó thế nào là do ta —

cha mẹ chúng — tạo nên. Chúng ta gần hết phải chịu trách-nhiệm các lỗi-lầm của chúng bởi vì chúng ta đã không hiểu chúng, bởi vì chúng ta đã không vừa giúp chúng, đưa đường dẫn lối chúng, vào dịp thuận-lợi. Thầy hay cô giáo, cũng thế, phải chịu trách-nhiệm học-trò mình. Đứa « học-trò hư » không phải là một đứa ngu-dần, đó là một đứa bé bị bỏ rơi mà người dạy không không thêm hiểu hay nâng đỡ. Trong các lớp theo xưa, một phần rất đông học-trò là đồ hư, có thể trông thấy được, rõ nhiều hay rõ ít, là những « đồ trái tai gai mắt », không ít thì

nhiều. Sau này, là đó những người không thích - nghi. Trong Tân giáo-dục, cả tiếng này biến mất, là vì trách-nhiệm « xưng tội mình » về người dạy-dỗ : không có một ví-dụ nào về một trẻ em mà người ta chăm-sóc, một trẻ em mà người ta tìm cách làm nầy-nở cá-tính, trẻ em ấy lại không trở nên người hùng mà thích-nghi, người mà xã-hội đòi-hỏi.

A.M.M.

THOẠI-NGUYỄN dịch

(5-6-57)

★ Bí-quyết để giữ vẻ thanh-tân bất-diệt.

Một nhà triết-học Pháp đồng - thời với Montaigne có để lại mấy lời dưới đây nói về tính giận-dữ của người đàn-bà và có khuyên các bạn hữu nên cắt mấy lời của ông mà dán vào tấm gương soi mặt các bà vợ để giữ - gìn hòa - khí gia - đình :

Đàn-bà ít khi giận-dữ, nhưng khi giận dữ thì rất nguy - hiểm cho bộ thần-kinh. Biết bao nhiêu vụ sảy-thai, băng-huyết, mất sữa gây ra chính họ đã để những lời xúc-siễm không đâu kích-thích thần-kinh và giận - dữ một cách vô-lý. — Có những người không đến nỗi để sảy-thai, băng - huyết, mất sữa, khi ấy để cho nhan-sắc trở nên tiều-tụy, khô - héo, vì sự giận-dữ đào sâu trên nét mặt của họ thành những đường răn đau - khổ. Trái lại, bà Vinon de Lenclos, đồ-đệ của Montaigne, chịu-dựng các nông-nỗi đắng-cay phiền-lụy xảy đến cho bà một cách nhẫn-nhục lạ-lùng. — Nông-nỗi đắng-cay phiền-lụy ai mà chẳng có, nhưng bà đã biết thắng nó khiến cho tính-tình lúc nào cũng được an - nhiên, thanh - thản và càng cao tuổi nét mặt lại càng tươi-tắn, thêm duyên. Người đồng - thời thường khen-tặng các vẻ thanh-tân bất-diệt của bà, mà nhiều người không biết bí-quyết ở đâu. . .

NGHỆ-THUẬT KIẾN-TRÚC NHÀ CỬA

Ở VIỆT-NAM

Từ-Quyên ĐẶNG-VĂN-NHÂM

(Mến tặng các em học-sinh đã làm việc với tôi
trong những giờ mỹ-thuật)

VẬT-LIỆU



HÀ ở Việt-Nam có nhiều kiểu khác nhau, tùy theo từng địa-phương, và cũng tùy theo địa-vị xã-hội, khả-năng tài-chính của chủ nhà.

Vì điều-kiện thổ-địa và nhất là vật-liệu, nên nhà ở Việt-Nam phần nhiều làm bằng tre, hay bằng gỗ. Ngoài ra cũng có số ít nhà gạch.

Những người nghèo làm nhà tranh, vách đất. Sườn nhà bằng tre, hay bương, mái lợp tranh, hay rạ, vách trét bằng đất bùn nhồi với rơm hay đất sét. Nền nhà thì là đất nện.

Có một điều nhiều người thắc-mắc, nhà nào ở miền Bắc, cũng có hàng trước hay hàng sau ít nhất là một cái ao.

Công việc đào ao này có nhiều tiện-lợi cho người nông-dân miền Bắc. Trước khi làm nhà, người ta đào ao, lấy đất bùn ấy (vùng Trung-châu B.V. là vùng

đất bùn) đem lên đắp nền nhà, hoặc trộn rơm trét vách. Nền nhà nện kỹ bằng những chiếc vồ gỗ to. Nếu nện kỹ về sau nền đất này sẽ không bị nứt-nẻ và lún-bóng như nền xi-măng.

Ao ấy sẽ là nơi nuôi bèo cho lợn, thả cá để ăn, để bán, và thả rau muống.

Những người trung-bình làm nhà gỗ phần nhiều là gỗ xoan. Vách dựng phen tre hay gỗ. Mái lợp tranh, lợp lá gồi, lá kê.

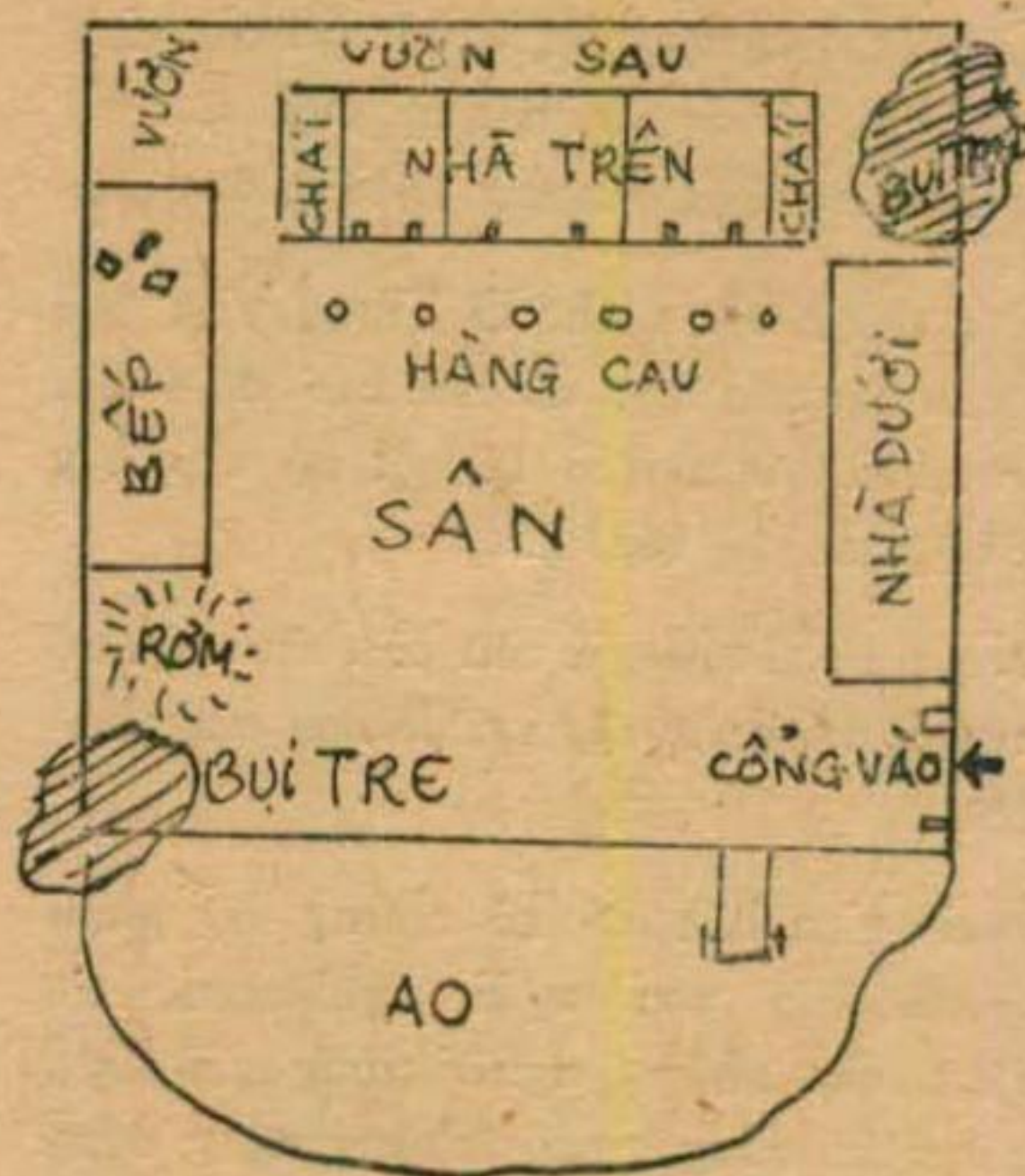
Những người khá-giả, giàu có, làm nhà ngói. Sườn nhà dựng bằng gỗ mít, gỗ gụ hay kiền-kiền. Tường nhà xây gạch, nền lát gạch, sân lát gạch.

Sườn nhà dựng lên theo dàn mái, đặt trên mặt đất, không đồ móng. Cột nhà gỗ thường kê trên những hòn đá tảng tròn, hoặc vuông, cao từ 1 tấc rưỡi đến 2 tấc. Đôi khi những hòn đá tảng này cũng được thay bằng những viên gạch chồng lên nhau, hoặc là chôn chân cột xuống đất sâu độ chừng từ 30 đến 50 phân trở lại.

Nhà tre phần nhiều chôn chân cột sâu trong lòng đất.

CÁCH - THỨC

Lối kiến-trúc nhà cửa ở Việt - Nam không phải chỉ là một công việc cấu-tạo đơn-sơ cho thành hình một lều, một mái tranh hay một căn nhà gỗ, mà còn là một công-trình kiến-trúc mỹ-thuật rất tế-nhị. Dù là một mái tranh song vẫn nằm trong một khung - cảnh thanh-lich, dịu-dàng, biểu-lộ tâm - hồn yên-tĩnh và thi-vị của người dân Việt trường-kỳ.



Nhà người Việt có nhiều gian, nằm thành giắc : giắc nhà trên, nhà dưới hay nhà ngang và nhà bếp, nằm vuông theo mặt sân rộng. Còn mặt tiền ngay trước giắc nhà chính là một cái ao to, nước trong xanh.

Khi làm nhà, trước hết dựng bốn cột cái gian giữa, và đòn nóc. Sau thêm những cột cái và kèo các gian bên. Rồi đến các hàng cột con và cột hiên. Vì lý-do thổ-dịa và vật-liệu, những cột kèo ấy phải chằng-chịt nhau thành một sườn nhà thật vững. Rồi trên đó đặt mái nhà. Mái nhà phải làm nặng, vách nhà cũng phải cho vững chắc, phòng khi gió bão.

Vì khí-hậu Việt-Nam nóng nực, nên nhà làm thường tiết-kiệm tường, vách. Mặt tiền ba gian chính để trống. Nếu nhà gỗ thì làm cửa lùa, cửa xếp, mỗi lần mở thì mở hết. Những nhà giàu thì làm cửa bức bàn cao vào khoảng trên dưới 8 tấc. Hoặc nhà tre thì làm cửa liếp, ban ngày chống cao lên, tối hạ xuống. Có nhà chỉ treo một cái rèm thưa.

Có một điều đặc-biệt là mặt sau của gian chính giữa không khi nào có cửa sổ. Vì gian ấy là nơi đặt bàn thờ tổ-tiên, ông bà.

Bàn thờ kê sát vách. Ở Trung-Việt bàn thờ còn đặt trên một cái rầm cao độ 4 tấc. Trước bàn thờ này có kê một bộ sập hay một bộ phản (bộ ván) gỗ.

Những nhà khá-giả còn kê thêm một bộ bàn ghế, trước bộ sập ấy, để làm nơi tiếp-khách.

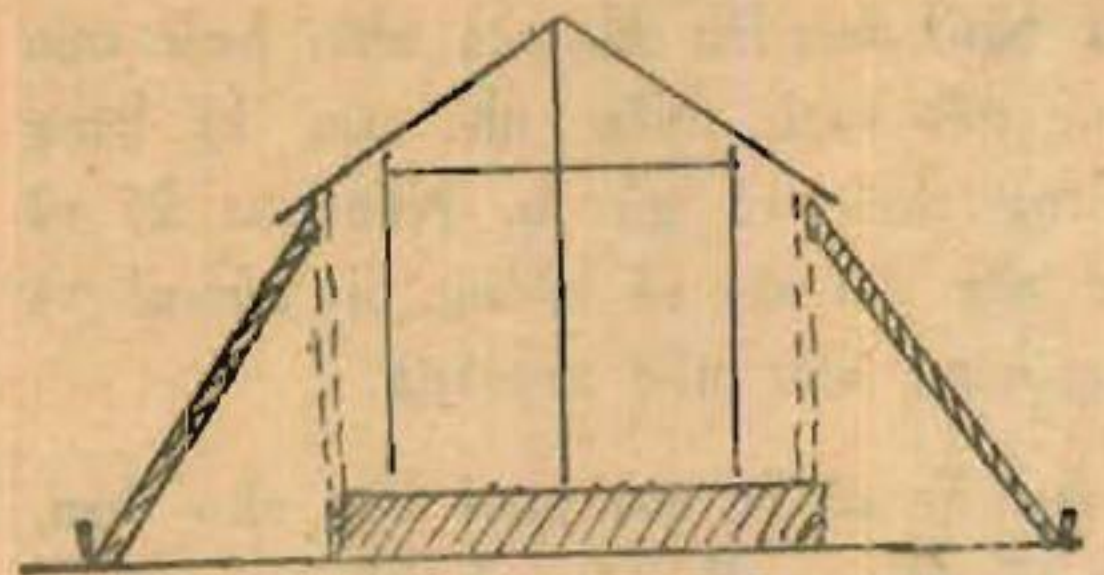
Hai gian bên có kê những bộ phản gỗ, để làm nơi ngồi nghỉ-ngơi, trò chuyện của những người trong gia-đình, hay nơi ăn uống trong những ngày cúng giỗ. Những gian này đôi khi cũng có kê những bàn thờ khác nữa.

Ba gian giữa thường thông luôn nhau. Để ngăn những gian bên ra với những gian chái 2 đầu nhà, người ta làm vách gỗ vách đất, hay vách phen, tùy theo tình-trạng mỗi gia-đình.

Hai căn chái hai bên thường là buồng ngủ hay là vựa lúa, nơi chứa các vật-dụng cần-thiết, tài-sản trong nhà.

Những nhà khá-giả thường làm một mái hiên rộng đằng trước suốt năm gian hai chái, hay suốt ba gian hai chái. Hoặc chỉ làm mái hiên trước những gian chính thôi. Bề rộng của mái hiên có khi đến một thước rưỡi, và thường có một hàng cột hiên.

Nhà ở miền Bắc, ngoài những hàng cột hiên vững chãi này, (có nhà làm cả cột hiên sau), người ta còn phải làm thêm hai hàng cột chống bão đằng trước và đằng sau. Hai hàng cột này chống xuống đất và chống lên sườn nhà thoai-thoải như hai chân chữ A (V ngược).



CỘT CHỐNG BÃO

Nhà ở miền Trung thì không làm thêm những hàng cột này, song mái nhà rất xuôi, thấp hẳn xuống.

Còn nhà miền Nam thì tuyệt-nhiên không có một tính-cách chống gió bão. Những hàng cột hiên chỉ làm cho đẹp mắt. Vì khí-hậu miền Nam tương-đối điều-hòa hơn.

Ở miền Bắc thường nhà nào cũng có làm công. Công nhà có nhiều kiểu khác nhau. Có khi là một tấm liếp bằng tre đan có thể kéo lên, thả xuống, hay là kéo ngang. Bên trên công cũng có mái nhỏ lợp ngói, hay lợp lá.

Ở Huế có nhiều nhà làm công rất đẹp. Tường nhà xây, công gỗ, nóc cũng lợp ngói.

Kiểu nhà có công lợp nóc này bị ảnh-hưởng của lối kiến-trúc nhà cửa Trung-hoa, nhà nào dù lớn nhỏ, giàu nghèo cũng đều có một cái công hẹp có nóc. Nhưng đi dần từ Huế trở vào Nam-phần, thì công nhà không còn nữa. Ở đồng-quê Nam-phần, nhiều nhà chỉ làm một chà gai vững chãi để đến đêm thì kéo ngang, ngăn ngõ ra vào là đủ.

NHỮNG KIỂU

Kiểu nhà xưa hơn hết ở Việt-Nam thì có 4 mái. Hai mái chính và hai mái chái ngang. Rồi đến kiểu nhà hai mái bít-đốc,

không chái. Căn - cứ nơi những nhà nhỏ bằng đất nung đào ở các mộ xưa tại các làng Nghi-vệ tỉnh Bắc-Ninh, làng Lạc-y tỉnh Vĩnh-Yên, làng Đông-sơn tỉnh Thanh-Hóa, thì hai kiểu nhà trên đã có từ thế-kỷ thứ 3, thứ tư ở Bắc-Việt.

Nhà cửa mỗi nơi mỗi khác, miền Bắc khác với miền Trung và miền Nam.

Tùy theo từng địa-phương mà sườn nhà, mái nhà thay đổi đi với những tên khác nhau.

Ở miền Bắc thì có những kiểu nhà thông-dụng theo hình chữ ĐÌNH (丁), ba gian hay năm gian.

Ở miền Trung có những kiểu nhà chữ ĐÌNH (丁), nhà RÔI, nhà RƯƠNG, nhà VUÔNG, hay là nhà Ba căn. Kiểu

nhà Ba căn là kiểu biến-hình của nhà RƯƠNG.

Nhà Vuông là một kiểu nhà, ba gian chính thông luôn nhau. Hai gian chái thông luôn nhau bằng một ngăn rộng sau bàn thờ chính của những gian giữa.

Ở miền Nam cũng có những kiểu nhà BA CĂN, NĂM CĂN, và đặc-biệt nhất là kiểu nhà BÁNH ÍCH, bốn mái đều nhau.

Cách-thức và phong-tục làm nhà tuy có những điểm khác nhau tùy theo mỗi nơi, mỗi nhà, song không phải vì thế mà mỗi kiểu đều cách-biệt nhau hẳn. Chung-qui cũng chỉ là những điều đại-dồng tiểu-dị.

(Còn nữa)

Từ-Quyên ĐẶNG-VĂN-NHÂM

★ Truyện ông quan đất Hoa chúc vua Nghiêu.

VUA NGHIÊU đến đất HOA, có viên quan đến chúc vua ba điều : Sống lâu, giàu có và sanh nhiều con trai.

Vua nói :

— Xin đừng chúc thế. Sống lâu thì nhọc-nhã nhiều; giàu có thì công việc nhiều ; lắm con trai thì lo sợ nhiều. Ba điều ấy đâu phải những điều gây nên đức hay cho mình !

Viên quan đáp :

— Nhà vua nói được thế, khả-dĩ gọi được là người quân-tử. Nhưng trời sanh ra người, mỗi người có một việc, nếu sinh nhiều con trai mà biết lo-liệu cho mỗi đứa đều có công việc thì lo sợ gì ? Giàu-có mà biết đem của-cải ra chia với người, để cùng hưởng với người thì còn công việc gì ? Ăn-uống có điều-độ, thức ngủ có chừng mực, lúc nào cũng thư-thái tự nhiên ; thiên-hạ hay, thì cũng hay với thiên-hạ, thiên-hạ dở thì làm cho thiên-hạ hay, trăm tuổi nhắm mắt về cõi cực-lạc, một đời không tai-họa gì, thì nhọc-nhã làm sao được ?

TRANG-TỬ TUYẾT

VẤN-ĐỀ BẢO-HIỂM (BẢO-KÊ)

L. T. G. — Bài này không có tham-vọng đi sâu triệt vào vấn-đề bảo-hiểm mà là để giúp quý vị độc-giả có một khái-niệm về vấn-đề này.

NGUYỄN-HUY-THANH

PHẦN THỨ HAI

CHẾ-ĐỘ BẢO-HIỂM Ở VIỆT-NAM

(Tiếp theo)

III — HỢP-ĐỒNG BẢO-HIỂM

Hợp-đồng bảo-hiểm được quy-định trong đạo luật ngày 13-7-1930.

A — Hình-thức

Hợp-đồng bảo-hiểm có thể lập dưới hình-thức chứng-thư công-chính hay chứng-thư tư-thự. Hợp-đồng phải ghi :

- tên, họ, chỗ ở của hai bên ký kết,
- tài vật hay người được bảo-hiểm,
- loại rủi-ro bảo-hiểm,
- rủi-ro được bảo-hiểm bắt đầu từ lúc nào và thời-gian bảo-hiểm,
- tiền phí bảo-hiểm hay tiền đóng góp,

— những điều-khoản trừ-liệu sự vô-hiệu hay mất hiệu-lực của hợp-đồng (in chữ rõ).

Hợp-đồng lập chỉ đích danh người thụ-hưởng hay dưới hình-thức chiếu-lệnh (à ordre), hoặc vô-danh (au porteur). Tuy nhiên, hợp-đồng bảo-hiểm nhân-thọ không thể lập theo thể-thức vô-danh được,

Hợp-đồng lập dưới hình-thức chiếu-lệnh chuyển-dịch bằng lối bối-thự (endossement). Sự bối-thự sẽ vô-hiệu nếu không ghi tên người thụ-hưởng và không có chữ ký của người chuyển-nhượng. Những sửa đổi hay bổ-khuyết hợp-đồng phải ghi trên một phụ-bản có hai bên đương-sự ký-kết.

B — Nội-dung

I — Sự thỏa-thuận của đôi bên — Cũng như mọi hợp-đồng khác, việc lập

hợp-dồng bảo-hiểm phải có sự thỏa-thuận của hai bên đương-sự.

Theo điều 7, lời đề-ng nghị bảo - hiêm không buộc hội bảo-hiêm và người muốn vào bảo-hiêm ; chỉ có khế - khoán bảo-hiêm hay giấy biên-nhận đã đóng tiền phí bảo - hiêm đầu tiên mới dăng buộc hai bên mà thôi.

Đề nghị triển-hạn, sửa đổi hợp-dồng hay cho tái-hành một hợp-dồng bị đình-chỉ coi như được chấp-nhận, nếu trong hạn 10 ngày kể từ ngày gửi bản đề-ng nghị ấy bằng thư bảo-đảm, hội bảo-hiêm không từ chối.

Những điều-khoản của điều 7 không áp-dụng cho hội bảo-hiêm nhân-thọ, vì theo điều 75 của đạo luật, những hội bảo-hiêm này không được xử-dụng tố-quyền đề đòi tiền phí bảo-hiêm, nên chỉ hợp - đồng bảo-hiêm nhân-thọ chỉ coi như cấu - tạo hân, khi người vào bảo-hiêm đóng tiền phí bảo-hiêm đầu tiên.

2 — *Rủi-ro được bảo-hiêm* — Rủi-ro là yếu-tố chính của bảo-hiêm, nguyên-nhân phát - sinh ra bảo - hiêm, nên chỉ trong hợp-dồng phải được định rõ-ràng cũng như cần phải ấn-định rõ-ràng giới hạn bảo-hiêm. Luật-lệ can-thiệp trên địa-hạt này bằng cách cấm bảo - hiêm một vài rủi-ro và đặt những quy-tắc áp-dụng trong sự định rõ những rủi-ro được phép bảo-hiêm.

3 — *Rủi-ro không được bảo-hiêm* *Gian-trá hay hành-động chủ-ý của người bảo-hiêm.* — Điều 12 đạo luật ngày 13-7-30 định : « Những sự mất-mát hay thiệt-hại gây ra bởi những trường-hợp bất ngờ hay bởi lỗi của người được bảo-hiêm thuộc về hội bảo - hiêm phải gánh, chịu trừ ra trong hợp-dồng có loại trừ rõ-ràng minh-bạch.

Tuy nhiên, hội bảo-hiêm không chịu trách-nhiệm, mặc dầu có những điều-khoản nghịch lại, những sự mất-mát hay thiệt-hại do lỗi dụng-tâm (faute intentionnelle), hay lỗi gian-trá (faute dolosive) của người được bảo-hiêm.

Lỗi dụng-tâm không bắt-buộc phải là chủ-ý gây thiệt-hại mà là chủ-ý gây tai-nạn, chủ-ý thực-hiện sự rủi-ro. Đương-sự biết trước những hậu-quả của hành-động của mình nhưng vẫn làm.

Gian-trá có ngụ-ý một ác-ý, một lương-tâm gian-giảo, thiếu thành-thật.

4 — *Rủi-ro được bảo-hiêm.* — Do điều 12, ta có thể luận ngược lại rằng những hành-động không chủ-ý (faits non intentionnels) đều có thể được bảo-hiêm. Không những chỉ riêng lỗi nhẹ (faute légère) mà cả những lỗi nặng (faute lourde) của đương-sự cũng được sách-nhận bảo-hiêm, miễn là hành-động không chủ-ý, miễn là không có sự gian-trá.

5 — *Điều-kiện loại-trừ những rủi-ro không bảo-hiêm.* — Như trên đã nói, tất cả những sự-kiện không có chủ-ý đều có thể được bảo-hiêm. Đây chỉ là nguyên-tắc mà thôi, vì các đương-sự có thể thỏa-thuận loại trừ một vài thứ rủi-ro, giới-hạn sự bảo-đảm. Họ có thể trù-liệu trong hợp-dồng những trường-hợp không được bảo-hiêm, những điều-kiện cho sự bảo-đảm.

Muốn loại trừ trong hợp-dồng một rủi-ro nào, cần phải ghi rõ ràng, minh-bạch, không được mơ-hồ, chẳng hạn như trong bảo-hiêm xe hơi, hội bảo-hiêm muốn khỏi chịu trách-nhiệm về tai-nạn do người tài xế say rượu gây ra, thì phải ghi rõ trong hợp-dồng bảo-hiêm ; như điều-kiện trong hợp-

đồng bảo-hiêm nói rằng hội chỉ chịu trách-nhiệm về tai-nạn do người có bằng cầm lái xe hơi gây ra, tránh cho hội trách-nhiệm về tai-nạn gây ra bởi người lái xe không có bằng cầm lái xe.

Những rủi-ro được loại - trừ lại cần phải được định-giới (délimiter) rõ ràng, thí dụ : trong hợp-đồng không thể dự-liệu loại - trừ rủi-ro vì vi-phạm vào tất cả luật-lệ, hay vi-phạm vào luật giao-thông. Sự loại - trừ phải hạn - định vào một điểm nào, để người được bảo-hiêm biết chắc là trong những điều-kiện nào và trong những trường-hợp nào họ không được bảo-đảm.

C -- Nghĩa-vụ của người được bảo-hiêm

Người được bảo-hiêm có hai nghĩa-vụ :
— đóng tiền phí bảo-hiêm hay tiền góp vào những kỳ-hạn đã định,
— khai báo rủi-ro.

I — Đóng tiền phí bảo-hiêm hay tiền góp vào những kỳ-hạn đã định

a) Ai phải đóng tiền — Chiếu điều 15, người phải đóng phí bảo-hiêm hay tiền góp là người đã ký-kết vào hợp-đồng bảo-hiêm. Trong trường-hợp mà người đứng ký là người thủ-ủy, thì người thụ-quyền, là người mắc nợ với hội bảo-hiêm.

Tuy nhiên, trong thời-gian hợp-đồng có thể có sự thay đổi con nợ vì một vài biến-cổ, tỷ - dụ như di-nhượng đồ vật được bảo-hiêm : những người thừa-kế được hưởng đồ vật ấy sẽ tiếp-tục hưởng sự bảo-hiêm miễn là thi-hành nghĩa-vụ ghi trong hợp-đồng bảo-hiêm

(điều 19), và báo cho hội bảo-hiêm chuyển hợp-đồng sang tên mình. Người thừa-kế có thể xin hủy hợp-đồng, cũng như hội bảo-hiêm có thể xin hủy hợp-đồng trong hạn 3 tháng kể từ ngày người thừa-kế yêu-cầu chuyển hợp-đồng sang tên họ. Tỷ - dụ như bán đồ vật có bảo-hiêm : người mua phải trả số tiền phí bảo-hiêm đáo-hạn, nhưng người bán vẫn là người phải đứng đảm-bảo đối với hội, chừng nào họ không báo cho hội biết bằng thư bảo-đảm việc bán này.

Ngoài con nợ, bất cứ người nào dù có liên-hệ hay không, cũng có thể đứng đóng tiền phí bảo-hiêm thay con nợ.

b) Thời hạn đóng tiền — Thời hạn đóng tiền do hai bên đương-sự thỏa-thuận ghi trong hợp-đồng. Trong thực-tế, tiền phí bảo-hiêm thường đóng trước một năm một lần. Tuy nhiên cũng có trường-hợp chỉ đóng tiền phí bảo-hiêm một lần (như thời-hạn bảo-hiêm dưới một năm) hay chia ra làm nhiều kỳ đóng trong một năm (đóng từng tam-cá-nguyệt hay lục-cá-nguyệt).

c) Nơi đóng tiền — Tiền phí bảo-hiêm trả nơi trụ-sở của người được bảo-hiêm, nghĩa là hội bảo-hiêm phải đến thu ở nhà người được bảo-hiêm. Trụ-sở không bắt buộc phải là nơi ở thực-sự của đương sự, mà là trú-sở cuối cùng mà hội bảo-hiêm được biết, tức là trú-sở ghi trong hợp-đồng bảo-hiêm hay trú-sở mà đương-sự báo cho hội biết, nếu có sự thay đổi.

Nhưng người được bảo-hiêm có thể ghi trong hợp-đồng nơi đóng tiền khác, như trú-sở của người đại-diện họ, hay ngay tại bàn giấy hội.

Nguyên - tắc thu tiền ở nơi trú-sở

người được bảo-hiêm có 2 ngoại lệ :

— tiền phí bảo-hiêm đầu tiên phải đóng ở phòng giấy hội bảo-hiêm,

— khi hội đến thu tiền phí bảo-hiêm tại nhà đương-sự, mà đương-sự từ chối không đóng, thì hội phải gửi thư thúc-dục. Lúc đó, tiền phí bảo-hiêm phải đem đến đóng ở phòng giấy hội.

d) *Trường-hợp không đóng tiền.*—

Nếu người vào bảo-hiêm không đóng tiền phí bảo-hiêm, hội bảo-hiêm phải thi-hành thẻ-thức thúc-dục (*mise en demeure*). Hội phải gửi thư bảo-đảm đến nơi ở cuối cùng của đương-sự mà hội biết, trong thư phải nhắc kỳ hạn đóng tiền và sao lại điều 16 của đạo luật 1930 nói về thẻ-thức thúc-dục.

Hậu-quả thứ nhất của sự thúc-dục này là tiền phí bảo-hiêm phải mang đến đóng tại bàn giấy hội.

Hậu-quả thứ hai là đương-sự phải chịu thêm tiền lãi triền kỳ (*intérêts moratoires*).

Hậu-quả thứ ba là sự thúc-dục làm gián-đoạn thời - hiệu.

Hậu-quả thứ tư là, sau một thời-hạn 20 ngày kể từ ngày thúc-dục mà đương-sự không đóng tiền, hiệu-lực của hợp-đồng bảo-hiêm bị đình-chỉ.

Sự đình-chỉ có nghĩa là hội bảo-hiêm được gỡ trách-nhiệm của mình nếu, sau này, tai họa xảy ra, còn đương-sự vẫn phải đóng tiền phí bảo-hiêm. Sự đình-chỉ này có tính cách tạm thời, vì, nếu đương-sự lại đóng tiền phí bảo-hiêm, thì hiệu-lực của hợp-đồng bảo-hiêm trở lại nguyên-vẹn.

Sự đình-chỉ đặt đương-sự vào một tình-trạng bất-lợi, vì một mặt, họ không

được bảo-đảm nữa, mặt khác họ vẫn buộc phải đóng tiền phí bảo-hiêm, nhưng đó là lỗi của họ.

Thời-hạn 20 ngày bắt đầu từ hôm sau ngày gửi thư thúc-dục ; nếu ngày thứ 20 là một ngày lễ hay một ngày chủ-nhật, thì gia hạn đến hết hôm sau.

Trong địa-phận nước Việt-Nam, thời-hạn 20 ngày không có tăng thêm vì đường dài.

Sự đình-chỉ bị ngưng lại, nếu người được bảo - hiêm lại đóng tiền phí bảo-hiêm, nhưng phải đóng trước khi hội hủy hợp-đồng, vì hội có thể hủy hợp-đồng bằng cách gửi thư bảo-đảm cho đương-sự trong thời-hạn 10 ngày kể từ ngày cuối cùng của hạn 20 ngày.

Hợp-đồng bảo-đảm lại có hiệu-lực sau khi đóng tiền, kể từ buổi trưa ngày hôm sau ngày đóng tiền.

2. — Khai báo rủi-ro

a) Chiếu điều 15, 20, lúc ký-kết hợp-đồng bảo-hiêm, người vào bảo-hiêm phải khai đầy-đủ những trường-hợp mà mình biết, khả-dĩ cần-thiết để hội bảo-hiêm có thể xét-đoán rõ những rủi-ro mà họ bảo-bảm.

Những trường-hợp này hoặc có ảnh-hưởng đến giá-ngạch-phí bảo-hiêm, tỷ-dụ như về bảo-hiêm hỏa-tai : nói rõ nhà làm bằng gì (gạch hay gỗ), vị-trí nhà (nơi buôn bán, nơi ở hay nơi có những kỹ-nghệ), cách xử-dụng (nhà ở hay làm nghề-nghiệp) ; tỷ-dụ như về bảo-hiêm xe hơi : số mã-lực của xe, cách xử-dụng xe, hoặc có ảnh-hưởng đến sự từ chối hay nhận bảo-hiêm, tỷ-dụ như về bảo-hiêm xe hơi, đương-sự đã có lần bị rút giấy phép cầm lái, hay đã bị can án vì đã gây ra tai-nạn cho người khác.

Trường-hợp đương-sự ký hợp-đồng bảo-hiêm với nhiều hội đề bảo - hiêm một rủi-ro có thể đem lại sự nghi-ngờ có sự gian-lận chi đây.

b) Chiếu điều 15, 3^o, sau khi hợp-đồng đã ký-kết, người được bảo-hiêm lại có bổn-phận khai với hội bảo-hiêm những trường - hợp xảy ra sau này có ảnh-hưởng làm tăng sự rủi-ro lên, dầu là những trường-hợp này do hành-động của đương-sự hay của đệ-tam ; tỷ-dụ nhà dùng đề ở lúc ký hợp-đồng bảo-hiêm hỏa-tai, sau này đem dùng làm xưởng kỹ-nghệ hay chứa súng nổ.

Những trường-hợp làm tăng sự rủi-ro mà đương-sự phải khai được kê rõ trong khế-khoán bảo-hiêm.

Nếu là do hành-động của đương-sự thì đương-sự phải báo trước cho hội bảo-hiêm biết bằng thư bảo-đảm ; nếu là do hành - động của người khác thì đương-sự có một thời-hạn đề báo cho hội bằng thư bảo-đảm là 8 ngày kể từ ngày đương-sự biết những trường-hợp ấy.

Hội bảo-hiêm, khi nhận được tờ khai báo có 3 hành-động :

— Hoặc hủy-bỏ hợp-đồng : hội sẽ biên thư bảo-đảm báo cho đương-sự biết 10 ngày trước. Hợp-đồng sẽ coi là hủy-bỏ sau khi thời - hạn 10 ngày kể từ ngày gửi thư đã chấm dứt.

— Hoặc hội có thể đề-nghị một giá-ngạch-phí bảo-hiêm cao hơn giá-ngạch cũ. Nếu người được bảo-hiêm ưng-thuận thì hợp-đồng tiếp-tục với khoản-phí bảo - hiêm mới, kể từ ngày xảy ra trường - hợp làm tăng sự rủi-ro hay ít nhất từ ngày khai báo.

Nếu đương - sự không ưng - thuận,

hợp - đồng sẽ hủy - bỏ, theo thề - thức nói trên.

— Hoặc hội giữ nguyên hợp-đồng đã ký-kết với giá ngạch-phí bảo-hiêm cũ, không tăng thêm.

Điều khoản của điều 15, 3^o không áp-dụng cho bảo-hiêm nhân thọ.

c) Chiếu điều 20, nếu khi ký - kết hợp-đồng bảo - hiêm, hội có căn-cứ vào những trường-hợp đặc-biệt làm tăng sự rủi-ro để tính tiền phí bảo - hiêm cao hơn giá-biểu thông-thường, thì sau này, khi những trường-hợp đặc-biệt ấy không còn nữa, người được bảo-hiêm có quyền, mặc dầu có điều - khoản trái - ngược, hủy hợp-đồng, nếu hội bảo-hiêm không bằng lòng rút tiền phí bảo - hiêm theo giá-biểu thông-thường.

Đương - sự sẽ viết thư bảo - đảm báo cho hội biết với đề - nghị của mình. Nếu trong hạn 10 ngày sau khi nhận được thư, hội không trả lời, thì sự im lặng này được coi như mặc nhiên ưng-thuận (điều 7, 8 2). Ngoài trường-hợp này, thì sẽ tùy sự thỏa-thuận của hai bên.

d) Nếu hữu-ý với mục-đích để đánh lừa hội bảo - hiêm mà người vào bảo-hiêm dấu-diểm hay khai gian (réticences ou fausses déclarations) những trường-hợp họ biết có thể có ảnh-hưởng đến rủi-ro, hợp-đồng sẽ bị coi là vô-hiệu (nullité). Sự vô-hiệu này sẽ « hồi-tổ », nghĩa là hội bảo - hiêm sẽ không phải thi-hành cung - khoản, nếu tai - họa đã xảy ra trước đây.

Hậu - quả thứ hai là hội bảo - hiêm không phải trả lại số tiền phí bảo-hiêm đã thu ; hội lại còn có thể đòi số tiền phí bảo-hiêm đáo hạn.

Nếu vô-tình không chủ-tâm, dương-sự khai thiếu-sót hay khai sai, hợp - đồng không thành vô-hiệu, nhưng có hậu-quả sau đây :

— Nếu sự thiếu-sót hay khai sai được hội bảo-hiêm biết trước khi tai-họa xảy ra, hội bảo-hiêm có thể hoặc tăng thêm tiền phí bảo-hiêm, hoặc xin hủy hợp-đồng đã ký-kết. Trong trường-hợp sau, hội phải gửi thư bảo-đảm cho dương-sự biết. Sau hạn 10 ngày kể từ ngày gửi thư, hợp-đồng sẽ được hủy-bỏ và hội phải hoàn lại cho dương-sự tiền phí bảo-hiêm đóng cho thời-gian mà hội không bảo-hiêm nữa.

— Nếu sự thiếu sót hay khai sai được hội bảo-hiêm biết, sau khi tai-nạn xảy ra, bồi-khoản sẽ rút bớt đi theo tỷ-lệ số tiền phí bảo-hiêm đã đóng và số tiền phí bảo-hiêm đáng lẽ phải đóng, nếu không có sự thiếu-sót hay khai sai.

Đối với việc bảo-hiêm mà tiền phí bảo-hiêm căn-cứ vào số tiền lương trả, số người hay đồ vật được bảo-hiêm (như bảo-hiêm tai-nạn lao-động), thì trong hợp-đồng có thể ghi rằng : nếu có sự thiếu-sót hay nhầm-lẫn không dụng-tâm, thì dương-sự phải trả thêm cho hội một bồi-khoản tính tối-da là 50 0/o số tiền phí bảo-hiêm thiếu-sót.

— Nếu sự thiếu-sót hay nhầm-lẫn do cố-ý làm ra thì, ngoài những trừng-phạt nói đoạn trên, hội bảo-hiêm có quyền đòi lại tiền bồi thường đã trả, nếu có, từ ngày có sự gian-lận ấy.

●) Người vào bảo-hiêm có hôn-phận phải báo cho hội bảo-hiêm biết khi tai-họa xảy ra. Theo điều 15, thời-hạn phải khai là 5 ngày. Thời-hạn này

không áp-dụng cho bảo-hiêm mưa đá (4 ngày), chết-chóc súc-vật (24 giờ), bảo-hiêm đạo-thiết và bảo-hiêm nhân thọ (thời-hạn tùy hai bên định).

Thời-hạn phải khai-báo bắt đầu từ ngày hôm sau ngày người được bảo-hiêm biết tai-họa xảy ra. Dương - sự có thể báo cho hội bảo-hiêm bằng thư thường, thư bảo-đảm, điện-tín hay bằng miệng.

Luật-lệ không ấn-định những trừng-phạt áp-dụng trong trường-hợp mà người được bảo-hiêm không khai báo tai-họa xảy ra trong thời-hạn định. Cho nên hai bên dương-sự có thể, trong hợp-đồng, dự-liệu điều-khoản trừng-phạt.

Sự trừng-phạt, trong trường-hợp này, là sự mất quyền (déchéance) nghĩa là người được bảo-hiêm, vì không làm đầy đủ bổn-phận khi tai-nạn xảy ra, không được hội bảo-hiêm thi-hành cung-khoản nữa. Nhưng nếu vì trường-hợp ý-ngoại (cas fortuit) hay bất-khả-kháng (cas de force majeure) mà người được bảo-hiêm không thể báo cho hội biết trong hạn-định, thì sự mất quyền, dù có dự-liệu trong hợp-đồng, cũng không thể thi-hành đối với dương-sự được.

D. — Nghĩa-vụ của hội bảo-hiêm

Hội bảo-hiêm có nghĩa-vụ thi-hành cung-khoản khi tai-họa xảy ra. Người được hưởng cung-khoản là người ký-kết hợp-đồng bảo-hiêm hay một người đệ-tam, tỷ-dụ như bảo-hiêm tử-kỳ, hay khi có sự chuyển nhượng đồ vật được bảo-hiêm, v.v...

Theo nguyên-tắc, người được bảo-hiêm phải chứng-minh sự thực-hiện tai-họa.

Tuy nhiên, luật-lệ một đôi khi cũng có dự-liệu những suy-đoán (présomption) lợi cho người được bảo-hiêm. Thí dụ như luật-lệ bắt hội bảo-hiêm phải chứng-minh là sự thiệt-hại do sự chiến-tranh gây ra, nếu muốn khỏi phải đền, hay về bảo-hiêm nhân-thọ, hội bảo-hiêm phải chứng-minh là người được bảo-hiêm đã tự-vẫn chết, chứ không phải chết tự-nhiên.

Cung-khoản mà hội bảo-hiêm phải trả thay đổi tùy theo loại bảo-hiêm.

Nếu là bảo-hiêm nhân-thân, thì cung-khoản được ấn-dịnh trong hợp-đồng.

Nếu là bảo-hiêm tồn-hại, số tiền được bảo-hiêm là cung-khoản tối-đa mà hội phải trả cho đương-sự. Tuy nhiên, hai nguyên-tắc sau đây có thể làm thay đổi số cung-khoản :

— người được bảo-hiêm chỉ được bồi thường một khoản tương-xứng với những thiệt-hại của mình thôi, chứ không thể đòi bồi thường một số tiền quan-trọng hơn sự thiệt-hại.

— về bảo-hiêm đồ vật, ngày xảy ra tai-họa, nếu trị-giá đồ vật đem bảo-hiêm được ước-dịnh cao hơn trị-giá được bảo-hiêm, thì cung-khoản sẽ giảm đi theo tỷ-lệ giữa trị-giá được bảo-hiêm và trị-giá ước-dịnh.

Hai nguyên-tắc này nhằm mục - đích ngăn sự trục-lợi bảo-hiêm,

E — Thời-hạn và sự giải-hiệu hợp-đồng (résiliation)

1o) Thời-hạn định trong hợp-đồng.

— Thời-hạn của hợp-đồng do hai đương-sự thỏa-thuận ấn-dịnh trong hợp-đồng. Thời-hạn có thể là 1 năm, 5 năm

hay 10 năm, cũng có thể ngắn hơn như bảo-hiêm chuyên-chở một chuyến nhất định, hoặc thời-hạn không được định trước, nhưng có thể định được, tỷ-dụ như bảo-hiêm một cuộc du-lịch, ngày khởi-hành chưa định.

Ngày mà hợp-đồng ký - kết bắt đầu có hiệu-lực cũng là do hai bên thỏa-thuận ấn-dịnh, ngày ấy có thể là ngày ký-kết hợp-đồng, cũng có thể là ngày đóng tiền phí bảo-hiêm hay một ngày khác.

Hợp-đồng mãn hạn khi đáo hạn. Nhưng thường trong hợp - đồng có ghi khoản « mặc-nhiên tái-tục » (tacite reconduction), nếu khi tới hạn, một trong hai đương-sự không ngỏ ý phản - đối sự tái - tục trong một thời-hạn. Thời-hạn tái-tục này bất-cứ trong trường-hợp nào và mặc dầu có điều khoản trái, không được quá một năm (điều 5 đoạn cuối).

2o) Quyền giải-hiệu hợp-đồng trong mỗi thời-hạn 10 năm (résiliation décennale).

— Đối với sự hợp-đồng ký-kết trong một thời-hạn trên 10 năm hay cho một thời-hạn không nhất định, người được bảo-hiêm, cứ trong mỗi thời - hạn 10 năm, có quyền bất cứ lúc nào giải-hiệu hợp-đồng, miễn là phải báo cho hội bảo - hiêm ít nhất 6 tháng trước khi tới hạn. Điều khoản này có mục - đích bảo - vệ người được bảo - hiêm khỏi bị giàng-buộc trong một thời-gian khá lâu.

Nguyên-tắc trên không áp-dụng cho bảo-hiêm nhân-thọ vì người được bảo-hiêm có thể bất cứ lúc nào thôi không đóng tiền phí bảo-hiêm. Nguyên-tắc này cũng không áp-dụng cho bảo-hiêm tai-nạn lao-dộng, vì thời-hạn tối-đa hai bên đương-sự có thể giải-hiệu hợp-đồng là 5 năm,

Thẻ-thức xin giải-hiệu hợp-dồng có thể như sau : Khai tại trụ-sở hội hay tại bàn giấy người đại-diện hội có lấy biên-nhận làm bằng, bằng chứng - thư ngoại - tụng (acte extra-judiciaire), hoặc bằng thư bảo - đảm hay bằng phương-tiện khai ghi trong hợp - đồng như điện-tín.

30) *Những trường-hợp giải-hiệu hợp-dồng khác.* — Những trường-hợp này đã được trình-bày trong những đoạn trên. Xin thêm là sự mất-mát đồ vật được hợp-dồng đương-nhiên chấm-dứt và hội phải hoàn lại phần tiền phí bảo-hiểm đóng cho thời-kỳ không được bảo-hiểm nữa.

40) *Hậu-quả của sự giải-hiệu.* — Hậu-quả của sự giải-hiệu là hợp-dồng chấm-dứt không có hiệu-lực kể từ ngày giải-hiệu ; hội bảo-hiểm không còn có nghĩa-vụ bảo-hiểm nữa và người được bảo-hiểm thôi không phải đóng tiền phí bảo-hiểm nữa.

Tiền phí bảo-hiểm đã thu trước về thời-gian không được bảo-hiểm nữa phải hoàn lại cho đương-sự.

Không có sự bồi-thường vì giải-hiệu, trừ trường-hợp định ở điều 19, đoạn 5 về bảo-hiểm đồ vật : trong hợp-dồng, hội bảo-hiểm được phép ghi điều khoản là, nếu có sự chuyển nhượng đồ vật được bảo-hiểm và nếu người kế-tự hay người mua xin giải-hiệu hợp-dồng, thì hội được hưởng một khoản bồi-thường tối-đa bằng số tiền phí bảo-hiểm đóng trong một năm.

F — Thẩm-quyền xét xử

10) *Thẩm - quyền do chức - chưởng (compétence d'attribution)* — Luật-lệ bảo-hiểm không có ấn-định những điều-khoản riêng về thẩm-quyền do chức-chưởng, nên

phải căn-cứ vào những nguyên-tắc của thủ-tục tố-tụng để định xem những vụ tranh-tụng do hợp-dồng bảo-hiểm phát-khởi phải kiện trước Tòa-Án nào. Theo thường luật, Tòa-Án xét xử là Tòa-Án mà bị cáo tùy thuộc.

a) Hội bảo-hiểm là bị cáo : phân biệt, tùy theo lệ hội vô-danh hay hội hổ-tương.

— Nếu là hội vô-danh, thì đối với hội hợp-dồng có tính-cách thương-mại và, theo nguyên-tắc, Tòa-Án Thương-Mại có quyền xét xử.

Nhưng nếu hợp-dồng có tính-cách dân-sự với người được bảo-hiểm, thì người này có thể khởi-tổ trước Tòa-Án Thương-Mại hay Tòa-Án dân-sự.

— Nếu là hội hổ-tương, hợp-dồng bảo-hiểm có tính-cách dân-sự (vì hội hổ-tương, theo nguyên-tắc, không theo đuổi mục-đích kiếm lời) và Tòa-Án có quyền xét xử là Tòa-Án dân-sự.

b) Người được bảo-hiểm là bị cáo : đối với người được bảo-hiểm thì, theo nguyên-tắc, hợp-dồng có tính-cách dân-sự và hội phải khởi-tổ trước Tòa-Án dân-sự. Nhưng nếu hợp-dồng bảo-hiểm do một thương-gia ký-kết và cho nhu-cầu riêng của việc thương-mại, thì hội phải khởi-tổ trước Tòa-Án thương-mại, nếu là hội vô-danh ; còn nếu là hội hổ-tương thì hội có thể khởi-tổ trước Tòa-Án dân-sự hay Tòa-Án Thương-mại.

c) Những quy-tắc trên có thể do hai bên thỏa-thuận thay đổi, như định là Tòa-Án dân-sự có quyền xét xử, nhưng không thể định là, trong bất cứ trường-nào, Tòa-Án Thương-mại cũng có quyền xét xử, vì Tòa-Án Thương-mại là Tòa-Án đặc-thẩm (tribunal d'exception) ; hai bên thỏa-thuận theo thủ-tục « trọng-tài »

đề giải-quyết những vụ tranh-chấp, khi hợp-đồng có tính-cách thương-mại đối với cả đôi bên.

2^o) *Thẩm-quyền quản-hạt.*

a) Theo nguyên-tắc dự-liệu ở điều 3 đạo luật 1930, thì bị-cáo (dù là hội bảo-hiêm hay người được bảo-hiêm) phải được kiện trước Tòa-Án nơi trụ-sở (domicile) của người được bảo-hiêm, về những vụ kiện liên-quan đến việc thanh-toán tiền bồi-thường.

Nơi trụ-sở đây là nơi ở thực-sự của người được bảo-hiêm, chứ không phải là trụ-sở cuối cùng mà hội bảo-hiêm biết như trong trường-hợp không đóng tiền phí bảo-hiêm.

b) Nguyên-tắc trên có 2 ngoại-lệ :

— Nếu đồ vật bảo-hiêm là bất-động-sản hay động-sản do bản-chất (meuble par nature) thì Tòa-Án có quyền xét xử là Tòa-Án nơi tọa-lạc các đồ vật ấy.

— Nếu là bảo-hiêm tai-nạn các loại, người được bảo-hiêm có thể kiện hội bảo-hiêm trước Tòa nơi đã xảy ra tai-họa.

G — Thời-hiệu (prescription)

1^o) *Thời-hiệu hai năm (prescription biennale).*

a) Điều 25 đạo luật 1930 có dự-liệu những tố-quyền (actions) liên-hệ đến một hợp-đồng bảo-hiêm bị thời-đắc (prescrire) sau một thời-hạn là 2 năm kể từ ngày xảy ra biến-cố căn - nguyên của tố-quyền (toutes actions dérivant d'un contrat d'assurance sont prescrites par 2 ans à compter de l'évènement qui y donne naissance).

Thí-dụ đến hạn đóng tiền phí bảo-hiêm, người được bảo-hiêm không đóng : nếu hội bảo-hiêm không hành-

động gì trong thời-gian 2 năm, kể từ ngày đáo hạn, thì sau này, không thể đòi số tiền phí bảo-hiêm ấy được.

b) Ngoại lệ :

— Đối với sự khai thiếu-sót, khai sai, khai gian-lận, thời-hạn 2 năm bắt đầu từ ngày hội bảo-hiêm được biết có sự-trạng này.

— Đối với tố-quyền đòi bồi-thường khi có tai-họa : thời-hạn 2 năm bắt đầu từ ngày mà các đương-sự được biết tai-họa xảy ra, nếu họ chứng-minh được là cho đến ngày đó họ không được hay rủi-ro đã thực-hiện.

— Trong trường-hợp mà người được bảo-hiêm bị một đệ-tam kiện về tai-nạn gây ra có bảo-hiêm, thời-hạn 2 năm bắt đầu từ ngày có đơn khởi-tố của người đệ-tam.

2^o) *Đình-chỉ và gián-đoạn thời-hiệu.*

a) *Đình-chỉ thời-hiệu.* — Chiếu điều 27 đoạn 1, thời-hiệu 2 năm không bị đình-chỉ, dù là đối với người vị-thành-niên, người bị cấm quyền (inter-dits), người vô năng-lực (incapables).

Theo nguyên-tắc chung về thời-hiệu, thì thời-hiệu bị đình-chỉ, nếu vì trường-hợp bất-khả-kháng (cas de force majeure), đương-sự không thể thi-hành tố-quyền được, chẳng hạn như có cuộc chiến-sự.

Thời-hiệu lại còn bị đình-chỉ nếu, vì tình-trạng đặc-biệt, đương-sự chưa thể khởi-tố được, thí-dụ đòi tiền phí bảo-hiêm, nếu người được bảo-hiêm còn phủ-nhận hợp-đồng bảo-hiêm, thì hội bảo-hiêm chỉ có thể khởi-tố đòi tiền phí bảo-hiêm, khi nào Tòa-Án đã

xét xử xong về hiệu-lực của hợp-đồng.

b) Gián-đoạn thời-hiệu. — Theo điều 25, đoạn 2, thời-hiệu có thể bị gián-đoạn theo những phương-pháp của luật-lệ thông-thường.

— Trước hết, thời-hiệu bị gián-đoạn, nếu chủ nợ (người được bảo-hiêm hay hội bảo-hiêm) đem thi-hành một chứng-khoán chấp-hành (titre exécutoire), hay tổng-dạt truyền phiếu đòi ra hầu Tòa (citation en justice).

Nhưng một thư thường nhắc đòi tiền hay sự điều - đình riêng không làm gián-đoạn thời-hiệu.

— Thời-hiệu lại bị gián - đoạn, nếu con nợ biên giấy nhìn-nhận một cách hẳn-hoi quyền của chủ nợ, tỷ-dụ như hội bảo - hiêm nhìn - nhận quyền của người được bảo-hiêm bằng cách trả trước một số tiền.

— Việc cử giám - định - viên để xem xét tai-họa xảy ra cũng làm gián-đoạn thời-hiệu.

— Theo điều 17 đoạn 2, thư bảo-đảm do hội bảo - hiêm gửi cho người được bảo-hiêm để đòi tiền phí bảo-hiêm cũng làm gián - đoạn thời - hiệu.

— Hậu-quả của sự gián-đoạn là thời-gian đã trôi qua trước ngày có hành-động làm gián-đoạn thời-hiệu không kể đến nữa ; thời-hiệu 2 năm chỉ bắt đầu kể từ ngày có hành-động làm gián-đoạn trở đi mà thôi.

3o) Hậu-quả của thời-hiệu. — Khi thời - hạn 2 năm đã trôi qua không bị đình-chỉ hay không bị gián-đoạn, thời-hiệu cho phép người mắc nợ trước Tòa-Án được nêu khước-biện (exception) này để bác lời thỉnh-cầu của nguyên-đơn.

NGUYỄN-HUY-THANH

Gần đây **SAIGON** đã nói nhiều đến :

TRÚC-LÂM TRÀ-THẤT

116, Ngô-tùng-Châu (Phan-thanh-Giản cũ) — Saigon

- ☆ Nơi uống trà thanh-nhã độc-nhất của Thủ-đô.
- ☆ Nơi giải-trí lành-mạnh với âm-nhạc cổ-diễn thuần-tuý dân-tộc, mỗi tối thứ Bảy và Chủ-nhật.
- ☆ Nơi có nhiều phòng ăn riêng trên lầu, lịch-sự, mát-mẻ làm TỬU-ĐÌNH, để quý-vị thưởng-thức món ăn đặc-biệt Việt-Nam: chả cá.

Thơ



Từ
xa

giới-
tuyển

Nắng hạ phai rồi lộng gió may
Vàng rơi từng lá có ai hay ?
Từ xa giới-tuyển chưa người nhớ,
Lo ngại thu nào lạnh tới nay.



Lá rụng tường hoa rêu phủ biếc,
Thấm sương vách đất buồn đơn-chiếc !
Vóc liễu gãy hơn, áo đã chùng,
Phấn-son tàn hết vẻ phù-dung !

Ngàn mây xuống thấp khép hoàng-hôn,
Giày sắt đường vang nhạc thép dồn.

— Ai nhớ thùy-dương cầu thệ-thủy ?

— Ai chặt thùy-dương xây chiến-lũy ?



Vàng rụng canh-trường thiếu áo len.

Xa phương Người Lạ choáng hơi men.

Liên-hoan cho lấp hờn vong-quốc,...

— Người khóc thu tàn, cửa khóa then !

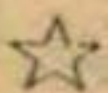


Hoài-vọng bấy chữ nhớ cố-đó

Nẻo đường quen thuộc chữ Liên-Xô

— Vàng rơi tường bắc... Ai lưu-lạc ?

Quán khách nằm mơ chuyện hải-hồ.



« **T**hệ tảo Hung-Nô bất cố thân »...

Dăm chàng văn-sĩ thú liên-ngâm.

Thương sao xương trắng công-trường mới...

Chờ thuở trừng-thanh, ước-nguyện thăm !

LAM-GIANG

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

KHÔNG CHỦ-ĐÍCH

KỊCH THẦN-THOẠI TÂN-THỜI

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

CÂU chuyện xảy ra trong một phòng thí-nghiệm của một nhà bác-học. Trên tường gắn đầy mặt đồng - hồ : một kim có, hai kim có, đến bảy tám kim cũng có. Hai chiếc bàn dài, một đầy đầy lọ con, lọ lớn, một dùng đặt bình-cất, kính hiển-vi v.v...

Khi màn mở lên, nhà bác-học Duy-Tri đang đầy một cái tay vặn. Nhiều mặt đồng - hồ đổi màu và kim trên đó quay đi, cây mau, cây chậm.

Bỗng có tiếng gõ cửa, Duy-Tri mỉm cười.



DUY-TRI. — Cứ vào ! À bác Cần, tôi đang mong bác đến.

Thanh-Cần

Được giấy của anh lúc về đến nhà, tôi ăn sơ ba hột rồi lại ngay đây. Có gì lạ ?

Duy-Tri

Nếu không có gì lạ, ai dám làm rộn nhà triết-học. Thế nào, cái thuyết mà anh đề-xướng, có ai theo hay không ?

Thanh-Cần

Họ theo hay không, cũng phải đợi một thời-gian lâu mới biết được. Gì mà lạ đó ?

Duy-Tri

(Không đáp lại, nhưng mở học tủ lấy ra một con thỏ bằng kim-khí. Ông ta đặt con thỏ xuống đất rồi đứng lên, đầy một tay vặn nhỏ trên tường. Tức thì con thỏ nhảy đi như con thỏ thật).

Món quà giáo đầu tường đó. Rồi ta sẽ xem chuyện lạ kia.

Thanh-Cần

(Nhìn thỏ chạy, mặt vui tươi).

Sao không thấy bác lên dây thieu ?

Duy-Tri

Nếu phải lên dây thiêu thì tôi chỉ là một anh thợ làm búp-bê thôi. Còn gì là khoa-học nữa ! Con thỏ này được vô-tuyến điều-khiển đó.

Thanh-Cần

Bác nói tôi mới nhớ. Ông Thăng ông phàn-nàn thằng Tân của bác nó vẫn nghịch như cũ. Hôm qua, nó chơi trò cao-bồi, ném đá vào nhà người ta. Nếu bác mà vô-tuyến điều-khiển được nó như con thỏ này, thì quý biết bao !

Duy-Tri (*Thở ra*)

Vật vô-tri ta điều-khiển lại dễ hơn là vật có hồn. Bác mách giùm cho, tôi hết sức cảm ơn tình bạn thân của bác, nhưng quả thật khó xử.

Thanh-Cần

Bác mà nhận cho như vậy cũng khá rồi đấy, lòng người khó điều-khiển thay !

Duy-Tri

(*Lại đẩy cái tay vịn khác, con thỏ bỗng nhiên đứng lại, rồi nhảy quay về chỗ cũ*).

Điều-khiển thế nào nó cũng vâng lời.

Thanh-Cần

Cũng hay !

Duy-Tri

Đây chỉ là trò chơi thôi. Tôi mời bác đến để chứng-kiến một phát-minh kỳ-lạ của tôi.

Thanh-Cần

Phát-minh ấy chưa công-bố lần nào chớ ? Về loại gì ?

Duy-Tri

Chưa công-bố lần nào. Muốn nói về hóa-học cũng được, mà nói về sinh-vật-học cũng được.

Thanh-Cần

Tôi nóng xem lắm.

Duy-Tri

Bác có đọc truyện Tây-Du thuở bác còn bé hay không ?

Thanh-Cần

Ra bác phát-minh một Tôn-hành-Giả rồi vô-tuyến điều-khiển cho nó bay ?

Duy-Tri

(*Cười lớn*)

Bác làm như tôi chỉ biết chế-tạo hình nộm. Phải, tôi chế-tạo Tôn-hành-Giả, nhưng mà đó là một Tôn-hành-Giả bằng xương, bằng thịt. Thôi, không đùa nữa. Câu chuyện như thế này :

Trong truyện Tây-Du, họ nói một bà tiên kia hay ngồi trên một hòn đá. Hòn đá ấy thọ khí âm-dương lâu ngày, nên mang thai sanh ra Tôn-Hành-Giả.

Theo những hiểu-biết mới nhứt của khoa-học về nguồn-gốc sinh-vật thì ban đầu chỉ có những đơn-chất như là : cát-bon, dưỡng-khí, khinh-khí, đạm-khí v...v... Những đơn-chất ấy, đặt trong một khí-hậu nào lâu ngày chầy tháng, hóa ra chất hữu-cơ, rồi chất hữu-cơ, đặt trong một khí-hậu nào đó, lâu ngày chầy tháng lại hóa ra chất sống. Chất sống sanh-sản và lớn lên rồi biến hình tùy theo môi-trường, tức là tùy theo hoàn-cảnh chung quanh, như nước, đất, rừng, đồng bằng v.v... (1).

Thanh-Cần

Người Tàu tưởng-tượng cũng khá đấy. Thành ra không - tưởng của họ lại gặp khoa-học đích-xác ngày nay.

Duy-Tri

Vâng. Từ mấy năm nay, tôi đã lần-dò đặt đơn-chất vào nhiều khí-hậu khác nhau, và đã tạo được một chất hữu-cơ. Tôi lại đặt chất hữu-cơ ấy vào nhiều khí-hậu khác nhau và dò-dẫm mãi, tôi tạo được chất sống.

Thanh-Cần

(Kính-ngạc hết sức, nhìn trừng-trừng Duy-Tri).

Thật vậy à ? Thật vậy à ? Thế là bác đã cướp quyền Tạo-hóa rồi đó.

Duy-Tri

(Sung-sướng, mặt ửng đỏ, da mọc óc).

Chất sống của tôi đang sanh-sản. Nhưng tôi chưa thỏa-mãn. Tôi đã lần dò nữa để biến nó thành con vật. Hôm nay là lần thí-nghiệm thứ 106. Tôi tin khí-hậu thứ 106 này sẽ hợp với sự biến đổi ấy nên mời bác đến chứng-kiến con vật lạ-lùng nhứt thế-gian, từ xưa đến nay, chưa ai thấy bao giờ.

Thanh-Cần

(Dáng suy-ngĩ nhiều lắm)

Con vật ấy sẽ bao lớn và hình thù ra sao ?

Duy Tri

Nào tôi có biết !

Thanh-Cần

Bác tạo ra thêm một sinh-vật với mục-đích gì ?

Duy-Tri

Không mục-đích gì cả, chỉ đủ thỏa-mãn chí ham biết của tôi thôi.

Thanh-Cần

(Lắc đầu, thở dài)

Khoa-học mà không chủ-đích, e có hại lắm chăng ?

Duy-Tri

Bác thật là một lão triết-gia phàm - gian. Vậy chớ bọn có chủ-đích là bọn chế-tạo vũ-khí lại không gây hại à ?

Thanh-Cần

Thì bọn ấy vẫn gây hại. Nhưng cái hại đó có bờ bến, ít ra người ta cũng biết nó hại ngần nào. Còn mù quáng như bác, tôi ngại quá. Này, tôi nói bác nghe. Một vị phù thủy nuôi âm-bình, biết rõ bọn âm-bình ấy. Thế mà lắm khi non tay ấn một chút đến phải chết vì chúng. Huống chi bác lại không rõ âm-bình của bác mặt mũi ra sao thì...

Duy-Tri

Nếu ai cũng quá cẩn-thận như bác thì khoa-học sẽ không đi tới đâu cả. Phải dạn tay một chút chớ.

Thanh-Cần

Đề tôi kể một chuyện cổ tích Á-Rập

Duy-Tri (Nhần-nại)

Kề mau mau nó lão triết-gia phàm-nhân ời.

Thanh-Cần

Ngày xưa có bốn vị pháp-sư cùng đi trên sa-mạc. Bỗng họ thấy một đồng xương sứt-tử. Vị pháp sư thứ nhứt nói : «Tôi có phép sắp mớ xương rời-rạc này lại». Nói xong y đọc thần chú, thế rồi những khúc xương ráp lại thành một bộ xương nguyên.

Vị pháp-sư thứ nhì nói : «Thế mà hay ho gì. Tôi có phép làm cho bộ xương này được bọc thịt da hân hoi.» Nói xong y đọc thần chú. Thế rồi trong nháy mắt, bộ-xương thành một con sư-tử chết, còn đủ thịt da.

Vị pháp sư thứ ba nói : «Cái vật ấy đã thối vào đâu, Hãy xem tôi hóa phép cho con vật ấy chạy, nhảy được mới tài.

Vị pháp-sư thứ tư hoảng-hốt cần ; « Ấy chớ ! Hai ông trước làm chuyện đã bày rồi nếu ông tiếp tay thêm thì khờ. Các ông làm phép cho nó từ xương rời, biến thành con sư-tử này để làm chi ? Nếu không mục-dịch gì thì tôi xin can.

— Cóc cần mục-dịch, vị thứ ba nói. Cốt là cho rõ tài cao thấp thôi.

Duy-Tri (Cười ha hả)

Đó chỉ là chuyện cồ-tích dành cho trẻ con thôi.

Thanh-Cần

Cồ-tích, phải ! Nhưng ngụ-ý quả có sâu-sắc.

Duy-Tri

Ngụ-ý là một chuyện, có thật lại là chuyện khác. Bây giờ bác dám xem hay không thì nói ngay đi.

Thanh-Cần

Tôi có sợ chết một mình đâu. Tôi lo cho cả loài người kia chớ.

Duy-Tri

Vậy bác cứ xem.

(Nói xong, ông ta đẩy một lượt sáu cái lay vận. Điện - quang nhiều màu chớp lên sáng rực cả phòng. Kim đồng-hồ quay lia-lịa. Ông chỉ vào một cái bồn bằng thủy-tinh).

Chất hữu - cơ được nuôi dưỡng trong bồn này.

(Tiếng máy chạy rồ-rồ, tiếng điện xẹt veo-veo. Sau nửa giờ, thấy cử-động trong bồn. Một sinh - vật đang lớn lên trong đó. Sinh - vật hình đen, chưa rõ ra sao, Nhưng nó lớn như thổi, và biến thành một con thú dị-kỳ hết sức, tám chơn, ba đầu, miệng há



ra toác-huác, chồm-chồm nanh bén nhọn. Cái bõn bề vờ ra con quái-vật trong nháy mắt lớn đến nỗi nằm trọn trên bàn. Nó găm lên những tiếng ghê - rợn, rồi vừa tiếp-tục lớn, vừa nhảy lại chụp hai nhà thông-thái).

Thanh-Cần

(Nhảy tránh và thoát ra cửa)

Tôi phải chạy đi báo - động cho loài người mới được. Ở đây có hai con quái-vật. Con sau xơi con trước, đáng kiếp ! Nhưng nó sẽ xơi chúng tôi một cách

oan - uổng vô cùng. Bớ làng nước ! Bớ người ta !

HẠ - MÀN

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

(1) Về nguồn-gốc của sinh-vật, thuyết mới nhất là thuyết của Stanley và Morgan, chủ-trương rằng đơn-chất biến thành chất hữu-cơ, chất hữu-cơ biến thành mầm sinh - vật, sinh-vật lại có thể biến hình đổi dạng.

Stanley và Morgan là hai nhà sinh-vật-học của Mỹ. Họ không cùng lập ra một thuyết, nhưng mỗi người chủ-trương một giai-đoạn, hai giai - đoạn kế-tiếp nhau để cắt nghĩa nguồn-gốc sinh-vật.

Thuyết trên cũng đã được chứng - minh vì cách đây ba năm, báo Journal d'Extrême Orient có loan tin rằng dư-luận bên Mỹ rất xôn-xao vì một nhà bác-học của một cường - quốc kia đã tạo được một thứ vi-trùng từ những đơn-chất kết-hợp lại.

* Rudolph Valentino với hạnh-phúc.

Rudolph Valentino, tài-tử số một của nền điện-ảnh câm, đã lừng danh một thời với những cuốn phim bất-hủ. Chàng thanh - niên đẹp trai ấy, với cái phong-dộ cực-kỳ thanh-nhã, đã là niềm mơ-ước của biết bao nhiêu phụ-nữ, mệnh-phụ cho đến nỗi đi tới đâu cũng phải có người hộ-vệ vì sợ các bà tranh - chấp nhau đưa đón cản mắt lối đi mà cũng vì các ông tức mình tìm cách gây sự với chàng rất vô - duyên - cớ. Chàng chết giữa tuổi thanh-xuân (31 tuổi) và người ta kể lại, khi nghe tin chàng chết, có hai thiếu - phụ đã tự-tử để được chết theo chàng.

Có ai ngờ một người ai cũng tưởng là « tốt số ! » như vậy mà khi gần tận-số để lại mấy lời tuyên-bố cay-đắng sau đây, Lời thuật của ông Harold J. Stimson, người chuyên viết tiểu-sử của R. Valentino, một kỹ-giả danh-tiếng tại Hoa-kỳ.

« Tôi không có được một người bạn thân nào khá - dĩ gọi được là chân-thành, một tình-nhân nào khá-dĩ gọi được là bất vụ-lợi. — Tôi không hề được hưởng cái lạc-thú gia - đình là cái lạc-thú tôi hằng mong - ước... Tôi chỉ còn thân - thiết được với con chó của tôi — con Dina, chỉ có nó mới yêu tôi một cách chân-thành mà không tính-toán, mà-cả gì hết... Tôi cảm thấy cô-độc một cách rùng - rợn. Đời tôi là một đời hư-hỏng. — Mong sao đó là bài học cho những kẻ nào thêm-thường, ao - ước số-phận tôi. »

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ



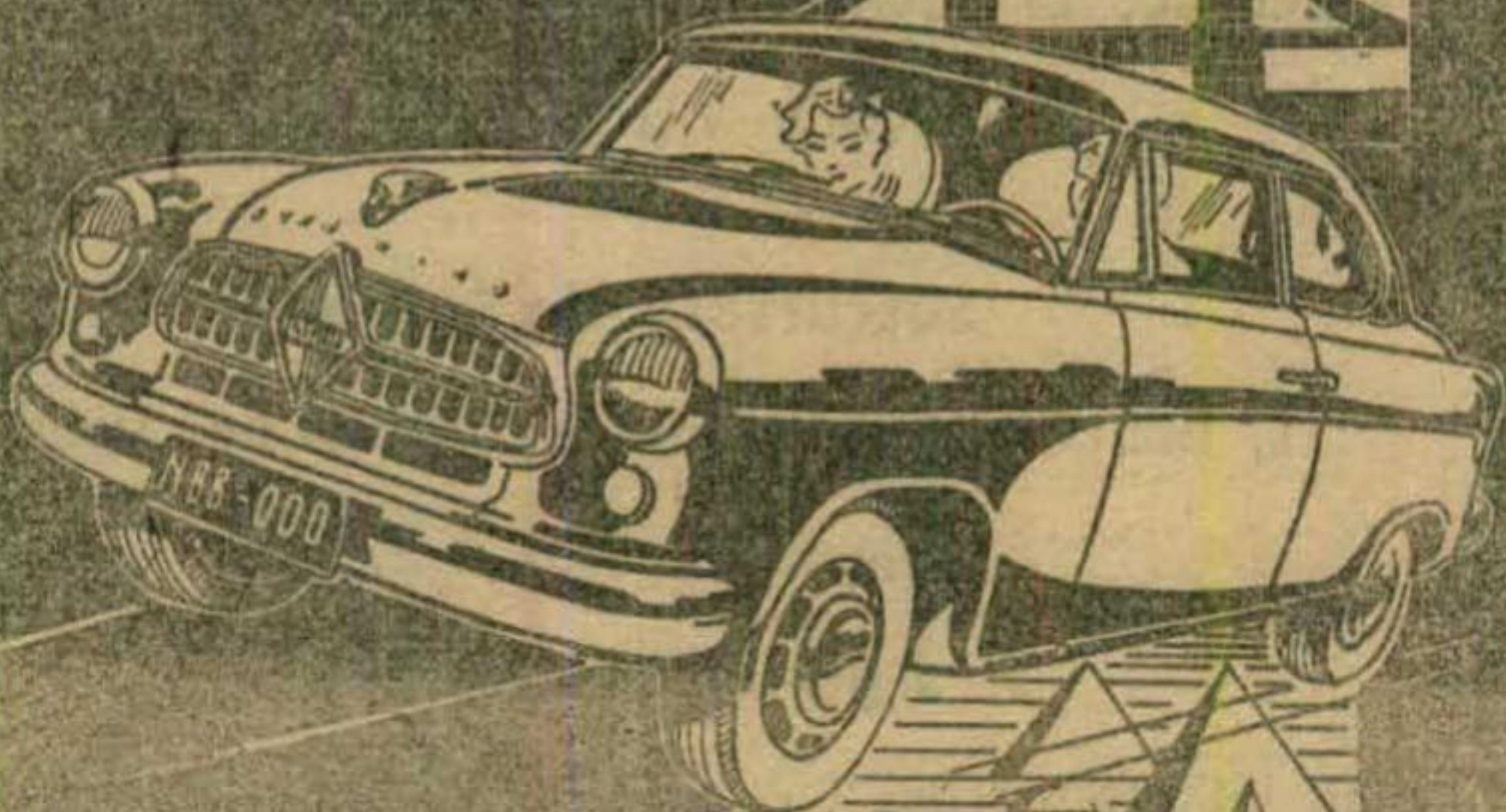
Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn - Phòng Công - Ty
135, Pasteur — SAIGON

BORGWARD



BORGWARD-SERVICE

GARAGE

SIT

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Việt-nam khuyếch-trương kỹ-ngệ đồng-hồ c^{ty}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ CTY

Công - ty vô - danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tin :

VINAWA — SAIGON

Cable address

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung-Su nên
Kính-tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

CON CHÓ BÊ - ĐÊ

LÊ - VĂN



LẾT trời năm nay khác
thường. Đêm về khuya
vẫn còn oi-bức. Tôi vừa
chợp mắt được một lúc
thì giật mình đánh thót

vì tiếng rú ghê-rợn. Lắng tai nghe kỹ,
thì ra, đó là những tiếng kêu than của
những con chó bên phòng giam thú
của Ty Thú-y. Những con chó vô chủ,
sống vất-vưởng theo vĩa hè góc phố,
như cảm biết số-phận, đêm đêm, cất
tiếng tru não-nuột. Tiếng tru uất-ức,
nghe-nghào rồi kéo dài lê-thê như kể-lẽ
hoàn-cảnh vì đói lòng mà vụng-dại.

Bất giác, tôi nhớ đến một con chó
mà ngược lại vì quá ư sung-sướng đến
đê - hèn, kỳ - ức của tôi nhân một
chuyến đi.

Thuở ấy, thời-cuộc hỗn-loạn, nhân-
dân điêu-linh, tình đời đen bạc. Vốn
lòng chuộng mới, tôi ra đi tìm
mạch sống.

Ra đời chung-đụng mấy năm, tuy cố-
gắng dung-hòa, tôi và người chung-
quanh vẫn cộm lên những cái khác
nhau về tập-quán, nguồn vui và tâm-
tình sâu-kin. Tôi tách ra sống biệt-lập
trong túp nhà ở rạch Ông Đuông trở
dòng ra sông Trẹm. Nhà tôi ở vào
chặn giữa cửa từ mé sông lên tới
mí rừng.

Rừng U-Minh bao-là.

Chỉ có riêng tôi là lạc-lỡng cô-đơn,
trong căn nhà cô-đơn, với một nỗi
lòng cô-đơn.

Sáng nay, cũng như bao sáng trắng-giã, sương khói trộn nhau chần giải rừng già, tôi tát nước xuống định đi lấy nước uống. Thật ra, nước chỗ tôi ở cũng ngọt và trong. Những người ở sông chỉ tới đây mức nước là cùng, Nhưng, tôi vẫn muốn tìm nước trong hơn, nhân thể làm quen với một gia-đình ở sát rừng có lẽ còn chồng-chất nhiều tâm-sự hơn tôi.

Nước U-Minh đỏ ngầu. Càng đi sâu, nước càng trong và đen-huyền. Tuy thế, bọt tung lên vẫn trắng. Nước ri-ri chảy xuôi, phẳng-lặng. Rễ sậy, dớn đã mất thân từ lâu, rung-rung đưa theo dòng nước như luyến-lưu trước khi mục-rã. Đất giữa lòng kinh nhám-cào, mà mỗi lần cậm sào nghe sột-sạt như chân dẫm lá khô.

Xuống tới cập bến Ông già Dớn, cái hiệu của chủ nhà, lúc Ông còn đây rềng-rềng, mai lười mác - thông sáng-giới. Bầy chó chạy ùa ra sủa dồn. Ông Dớn ngừng tay, nạt chó, rồi xây qua tới hỏi lững :

— Chú em muốn mua chi ?

Tôi cậm xuống chắc - chắn, e - dè bước lên.

Bầy chó bị rầy, tản ra mấy góc sân, hai chân sau xếp lại, hai chân trước chỗi thẳng thân lên, ngàng mỗ như chận hỏi một người khách lạ.

Tôi rụt-rè vào đến cửa là Ông Dớn đã nai-nịt hần-hỏi, trở ra, vỗ tay kêu chó cùng vào rừng. Bầy chó, sáng đã « lót lòng » chút đỉnh, như chờ sẵn cái phút « làm việc áo cơm » này, lằng-xằng lịch-xích nhảy cồm quanh chủ rồi tuôn đi, thỉnh-thoảng dừng lại, sủa một hơi dài làm hiệu.

Là - cả làm quen với Bà Dớn, tôi biết rõ : Ông bà là người gốc ở Mỹ-Tho. Ông Dớn có học chút - đỉnh, song chẳng có sổ khoa - trường. Bản-chất thật-thà, đi buôn không lời, chơi bạn bị thiệt, gia-đình sáu-xé lúc chia của từ-thân, Ông gặp Bà cùng đồng tâm sự nên dắt nhau đến xứ « khỉ ho cò gáy » này, lấy nghề đi săn làm nguồn vui nguồn sống. Không khinh người, vì Ông cũng là người, nhưng, chó trung-tín hơn đã là bạn chí thiết của Ông và Bà lúc thời-suy vận - bí. Theo Bà, Ông không thích giao-du với người, mà với tôi, được hỏi trước một câu, dầu là một câu buông thõng, cũng kể là có duyên kỳ-ngộ.

Câu chuyện chưa xong, Ông Dớn đã về với ba con rùa, một con trăn và một con trúc. Nghe Bà nói tôi cũng là người bản-sở, Ông hơi vui. Và lần đầu tiên, nhà Ông dọn cơm khách. Tuổi-tác chênh-lệch, nhưng đồng cảnh đồng tình, rượu vào lời ra, chúng tôi thật tương-đắc.

Từ đó, tôi là tri-kỷ của Ông Bà bạn già ; và ngược lại Ông Bà cũng là tri-kỷ của riêng tôi. Dịp lân-la, tôi biết Ông Bà có một bầy chó con mỗn-mĩm. Lệ rừng chó săn không được cho con. Gặp khi chó đẻ nhiều thì tìm cách giết bớt, chỉ chừa lại một hay hai con để làm giống lứa đó mà thôi. Ông thường nói : « chó lạc bầy thì chó hư, mà chó chó tức là chủi nghề ».

Tình bạn vượt được cái luật hệ-trọng đó. Ông cho tôi một con chó vào buổi chiều nắng đẹp, đi săn trùng mồi. Kể từ đó, cũng như Ông, tôi làm bạn với chó.



Con chó BÊ-ĐÊ

Con chó nhỏ mới xinh-xắn làm sao !

Nó vừa mở mắt mấy ngày là tôi bắt đem về. Từ đây, ngoài việc chăm sóc gà vịt, và miếng rẫy mì, nguồn sống của tôi, tôi bận rộn luôn với con chó. Thôi thôi đủ thứ việc. Hết cho nó ăn, tôi lại phải tắm rửa nó bằng xà-bông, đem phơi nắng sớm, dắt dạo rẫy chiều. Hồi đầu nó bị mấy con gà mái ganh - tị, lúc giành cơm đồ, đá nó la oằn-oằn. Càng lớn, như được tôi « cưng » hơn hết, nó bắt đầu cựa gà mái, rượt gà con chiu-chít. Ở cái xứ « muối kêu như sáo thổi » mà nhà tôi không sẵn manh bao cho nó ngủ, thôi thì đành đem nó vô rừng vậy. Tuy thương, nhưng tôi vẫn thấy khó chịu. Dần-dà rồi cũng quen. Quen đến nỗi có lần đi xa, không đem nó theo được, mất thói quen vỗ nhẹ đầu nó và cầm tay « dạy lay », tôi trần-trọc lâu lắm mới ngủ được,

Nó ở với tôi gần trót tháng, mà mỗi lần kêu, tôi chỉ biết tróc-tróc, chớ chưa đặt tên là gì. « Mực », « Phèn », « Cò », « Luốc » thì là những tên thường quá. Còn đặt tên

tây như « Mi-nô » chẳng hạn, thì lại nghe có phần trái tai. Một hôm có người hàng xóm thấy nó mập-lù, lông mượt-rượt, muốn làm quen, tróc tay kêu nó bằng cái tên Bê-Đê. Nó ngo-ngác rồi quay sang tôi như hỏi ý. Nghe tên ngộ-ngộ, từ đó, tôi cũng gọi nó là con chó Bê-Đê.

Bê-Đê lớn như thổi. Cùng bày với nó, con Vện của Ông Dờn thì ốm-nhom, trông rõ nghèo - khổ, giữa lúc Bê-Đê lông xù ra dài, đi phực-phịch đến bệ-vệ.

Tôi sắm cho nó một sợi dây đeo cổ, có lục-lục đồng lủng-lẳng. Cứ đôi ba bữa là tôi đem nó đến độ với con Vện. Và mỗi lần như thế, nó ngồi chễm-chệ như hãnh-diện nhìn Vện liếm-láp mấy hột cơm thừa.

Mấy con chó của Ông Dờn cứ lần-quần theo Bê-Đê luôn, tổ đấu yêu-mến lắm. Nhất là con Phèn, mẹ của Bê-Đê. Gặp con, Phèn nguyệt đuôi mừng rỡ, chạy sát theo Bê-Đê liếm mỗ, liếm mình, liếm đủ hết cả. Rủi-ro cho con nào nhảy chồm lên mình Bê-Đê thì bị Phèn giơ chân trước vả vào mặt cho mà biết tay. Ngược lại, Bê-Đê cứ lơ-lơ lảo-lảo như chẳng nhìn được ai mẹ, ai con, ai rượt-rà thân-thích...

Tâm-tình giữa Ông Dờn và tôi ngày càng đậm. Một hôm, trời đã chập-vật tối, chim bốn-phương lữ-lượt về rừng, Bà Dờn ho-hải đến tôi cho hay Ông Dờn bị bệnh. Thì ra, vì gặp heo rừng nanh quả dữ, Ông Dờn và bảy chó quyết lòng bình-vực lẫn nhau đến mang thương-tích cả. Tôi vào nhà lúc Ông

bậm môi lẽ gai chà-là mặt-cật mà vì xông-xáo, Ông bị đâm nhiều chỗ. Tôi giúp ông lau rửa các vết trầy mà máu đã đặc thành cục tím bầm.

Mấy con chó mới gan dạ làm sao ! Qua một trận tử-chiến, con nào cũng đầy thương-lích. Nhất là con Vện. Vì nhỏ, thiếu sức, chưa kinh-nghiệm chiến-đấu, lông Vện bị sây rùng quào xù lên, da Vện rách toét một lỗ lớn, máu còn rịn chảy. Nó ghé cổ lại, le lưỡi liếm dòng máu đỏ thắm - nhiên đến mền-phục.

Anh em thợ săn hay tin cũng chạy đến xem, khen-ngợi Ông già Dơn tài-ba và bày chó gan-ruột. Họ ngạc-nhiên nhìn con thit chưa từng thấy nằm một đồng chùn-ngục giữa nhà. Người ta cho rằng con heo độc-chiếc này quá ớn có đến ba tạ hơn.

Cũng từ hôm ấy, Ông Dơn cho tôi cây gậy tùy thân, hầu tiện lui tới, giúp đỡ lẫn nhau những khi khuya-khoắt. Gậy đã lên nước mun-ô, có tiện ở đầu một con chim bồ-câu mà hai cánh xòe ra như muốn tung bay.

Sống cô-độc, không có vợ con, ở giữa cái nhà trơ-vơ hoang-lạnh, đi đâu cũng một thân, một gậy, một chó tùy-phò, tôi được mệnh-danh là ông Đạo. Việc đó riết rồi thành lệ. Trong cái « bộ ba » đó, cái này có thể tượng-trưng cái kia. Biết ý chủ, hễ tôi cầm gậy, là con Bê-Đê nhảy cồm. Và Bác Tư, hễ thấy Bê - Đê là sai con gái lột mi hay gọt khóm, đợi đãi « ông đạo con ». Hoặc bà con, lúc ghé xóm nào, mà thấy cây gậy bồ-câu, tất biết ông đạo còn lẫn-quần đâu đó.

Bê-Đê càng lớn, tương-tá bậm-trợn như chó Tây. Ai cũng tưởng Bê-Đê là giống chó Hồng-Kông hay Anh Mỹ gì đó. Tôi cãi lý nhiều lần, lối xóm mới tin. Thật ra chó của mình cũng to con khôn-ngoa và đẹp giống lắm. Chẳng qua vì ăn uống thất thường, bị muỗi mòng rút-rỉa, thêm đau không thuốc uống, mới nhỏ-xiu đó thôi. Riêng Bê-đê phốp-pháp con là nhờ được sự săn-sóc và được cấy nhao. Nó có tiếng sủa lông-lộng, từ đầu kinh đến cuối kinh đều dội dư-âm.

Bơ-vơ về thân-thể lẫn tâm-hồn. tôi lấy Đê Đê làm nguồn vui và trút tất tình thương cho nó, càng thương nó càng tẻ và kén ăn vô cùng.

Có nhiều bữa cơm, nó chỉ tới hửi hơi rồi dang ra kiểm chỗ nằm, đứng-dung đến khinh-khinh. Thôi thì mất hết trứng gà; trứng vịt. Đôi khi nó tấp luôn những con gà, con nhai ngấu-nghiến.

Ở không, nó sanh tật, chơi các-cờ làm sao ! Thú vui của nó là sự đau khổ của những giống vật khác. Nó quần gà mái xo-dơ xững-dững, rồi lại cắn đuôi mấy con vịt xiêm lòi trối chết.

Quen cảnh ăn không ngồi rồi và được nuông - chiu, Bê-Đê làm biếng vô kể. Không biết nghề săn, tôi chỉ tập cho nó bắt chuột. Chỉ một việc ấy, nó cũng không làm được. Tôi đi, nó cũng đi. Hễ gặp hang, Bê-Đê sủa ồm-tồm, hai chân trước quào, miệng cắn, trông hấn-hái lắm. Nhưng, hễ tôi bước ra ít bước là nó ngẩng lên, rồi bỏ chạy, dường như chỉ « làm việc lấy lệ ».

Tại nhà, Bê-Đê như một tên « cặp rắng » trung thành nhứt. Mỗi lần gà vịt chầm-nhưm trước nhà, tôi trừng mắt, chỉ cho Bê-Đê « xụ » một tiếng là nó rượt thôi bất kể. Nó rượt đến vịt chạy hết đê, gà đập chết con.

Bê-Đê rất hóm-tương đối với chị em làm rầy đi ngang nhà. Thấy nó chồn-vồn trước cửa là người đi đường vội kêu tôi rồi-rít.

Một hôm, chị Bảy đi làm cỏ rầy có dắt theo một con Mực để bắt chuột. Như mọi khi, đi gần tôi, chị lên tiếng. Tôi còn đang sút miệng, thì Bê-Đê đã vỗ ra làm nà. Chị linh-quỳnh sụt lùi. Con Mực nhỏ xiu thấy vó Bê-Đê cũng ngán. Chị càng lùi, Bê-Đê càng làm dữ. Tôi mức khó dừng, vì bình chủ, Mực chạy sấn tới, giương mắt tròn xoe. Bê-Đê sựng lại, sủa oang-oang, hai chân sau bơi đất tung bụi đen ngòm như khiêu - khích. Chị Bảy hoàn hồn, theo con Mực đi tới. Lông cổ Mực xù lên, đuôi cong quẩn lại, bấp thịt nổi vồng gân guốc; Mực nhả hàm đưa răng chom-chồm. Nó ngữ-ngữ rền-rền nghe cương-quyết lạ. Thình-lình, Mực vùng lên, dùng thế hiềm « ngoáp » cho Bê-Đê mấy cái. Bê-Đê từ dữ-dẫn đổi sang lơ-láo, cụp đuôi xuống rồi rút lui vào nhà nhượng-bộ, sau mấy tiếng ư-ư trơ trên. Chị Bảy bắt tức cười, thường vui miệng thuật cho lối xóm nghe. Bị lộ-tây, từ đó, Bê-Đê có thêm cái tên đệm là « xỏ lá ».

Hôm đi chợ Thới-Bình, nó ngồi phía trước đến khăm mũi xuống, làm tôi khó chèo hết sức. Nó vênh-váo nhìn những con chó nhỏ - thó trên bờ như tỏ ra « anh-hùng một cõi ». Lúc ghé

quán anh Xôi giải - khát, ai thấy Bê-Đê cũng trầm-trồ. Nhiều người ao-ước « giá có hai con như vậy, đi săn cộp cũng được ». Tôi chỉ mỉm cười: « Hiềm vì nó chẳng biết săn ».

Lâu lắm rồi, tôi không sao quên được một đêm trăng.

Trăng tròn vắt sữa đục ngà. Ven rừng già mờ-mờ, tựa một chân trời hùng-vĩ, nên thơ. Tiết Trời U - Minh lạnh-lạnh, gió rừng U-Mịch xạc-xào, đất rừng U-Minh đen sậm như mặt người U-Minh sạm nắng lao-công. Lá mi non trái xoe hứng giọt sương trong.

Sau khi thăm bệnh của Bà Mẹ Hai, Má của anh Kiệp, trên đường về, Bê-Đê lon-ton chạy trước, tôi cầm gậy chậm-chạp theo cùng. Đang chạy Bê-Đê sựng lại, sủa « quấu » một tiếng thất-thanh. Nó cà-bê, cà-bê, thụt-lùi, sụp nhào dưới đường mương ống rầy. Tôi vội-vàng chạy tới, vừa lúc nó lên được, cũng kịp trông thấy một con rắn hổ to tướng đang « phũn bàn nạo » làm dữ. Bê-Đê quỳnh-quán, chạy vòng sau lưng tôi, trốn tránh một cách đề-hèn. Thận-trọng và cũng nhờ cây gậy bồ-câu của Ông Dờn, không mấy chốc, tôi đập được con rắn. Tôi đi qua hơn chục bước mà Bê-Đê còn ở lại. Đợi tôi kêu thúc nó mới cúi mỗ xuống đất khệc-khệch đánh hơi, lúc gần tới con rắn đang uốn mình dẫy chết, nó sựng lại, sụt lùi, rồi bất thình - lình, liều nhảy vọt một cái rõ xa, hú hồn hú vía !!!

Trăng thanh mát dịu. Nghiền-ngẫm sự-kiện này và nhớ tới con Vện kia, tôi học rất nhiều về bài học con chó Bê-Đê.

Thời-cuộc thay đổi. Tôi có ý-định về quê ở Mỹ-Tho. Hay tin, Ông Bà Dờn buồn. Và như linh-cảm được, con Bê-Đê cũng buồn. Tôi thu xếp một ít vật-dụng cần-thiết, kỳ dư đều để lại tặng Ông già Dờn. Hôm đó, Ông Bà làm một bữa thịt rừng thịnh-soạn để giã-từ tôi. Nhưng, không ai ngon miệng.

Quảng cho Bê-Đê một cái xương trần, tôi bùi-ngúi :

— Châu về, chắc ít có dịp xuống lâm. Chúc hai bác ở lại mạnh-giỏi. Tấm tình chân thật của hai Bác đã ghi ở châu nhiều kỷ-niệm. Châu rất nhớ ơn.

Riêng về con Bê-Đê, tuy đã mền tay mền chun, châu xét không nên đem nó đi mà phải để lại cho hai Bác. Bác đã nói : « Chó lạc rừng chó hư... »
 Một năm nay, châu thăm điều đó. Bê-

Đê vì lạc bầy, lạc rừng, thêm châu nuông-chiu, đã mất gần hết cái tốt, nhưt là sự can-đảm và sự ích-lợi. Nó ở lại, nhờ Bác dạy và sống chung bầy may ra sẽ có lại cái phong-độ của một con chó săn rừng... ».



Chiều nay, một chiều cuối thu nhọt-nhọt.

Cây rừng trút lá già-nua về cội, rải đầy mặt đất, để tưới nhuận cho cành lá vừa trổ xanh non.

Tôi trả con Bê-Đê cho ông già Dờn, cũng như tôi trở về « chỗ đứng » của tôi.

Gió rừng U-Minh cuồng-lộng.

Trời rừng U-Minh tím sẫm, khép kín bóng ngày qua, chuẩn-bị trở nắng vàng vào một sáng đẹp.

6-1957

LÊ - VĂN

★ Tô - Tần với vua Sở.

TÔ-TẦN, một nhà du-thuyết giỏi thời Chiến-quốc, sang nước Sở, châu-chực ba ngày mới được vào yết-kiến vua Sở. Được vào yết-kiến, nói xong câu-chuyện, Tô-Tần tức-khắc cáo lui.

Vua Sở cố giữ lại, nói :

— Tôi được nghe tiếng tiên-sinh quý như nghe tiếng cồ-nhân vậy. Tiên-sinh từ xa đến đây, tôi vừa được tiếp có sao đã vội bỏ đi ngay như thế ?

Tô - Tần đáp :

— Tôi thấy bên nước Sở ta, thức-ăn mắc hơn ngọc, củi-thối mắc hơn quế, quan khó được trông thấy ma, vua khó được tiếp kiến như trời. Nay nhà vua muốn tôi ở lại ăn ngọc, thối quế, nhà ma để thấy trời sao ?

Vua Sở tạ lỗi, nói :

— Xin mời tiên-sinh ở lại, tôi đã nghe ra rồi.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** – Đốt cháy liền
- U** – Khởi mát ngay giờ
- T** – Không khói, không bụi
- A** – Dùng nấu nướng các thứ
- G** – Không làm nhút dầu hay cay mắt
- A** – Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** – Một bình hơi dùng:

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

SOCIÉTÉ
PACHOD FRÈRES ET C^{ie} D'I.C.

12 à 22, Dai-lô Hàm-Nghi

SAIGON



COMMISSION IMPORTATION

— FOLLIS — ENGLEBERT

— VELOCETTE — SACHS

— UNION — MECA - MERCIER

— L.P.C. CHEMICALS

— OSNABRUCKER DRAHTWERK

*Thuốc thơm
hảo hạng*

Cigarettes Sing

Sing

AIP. 56

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

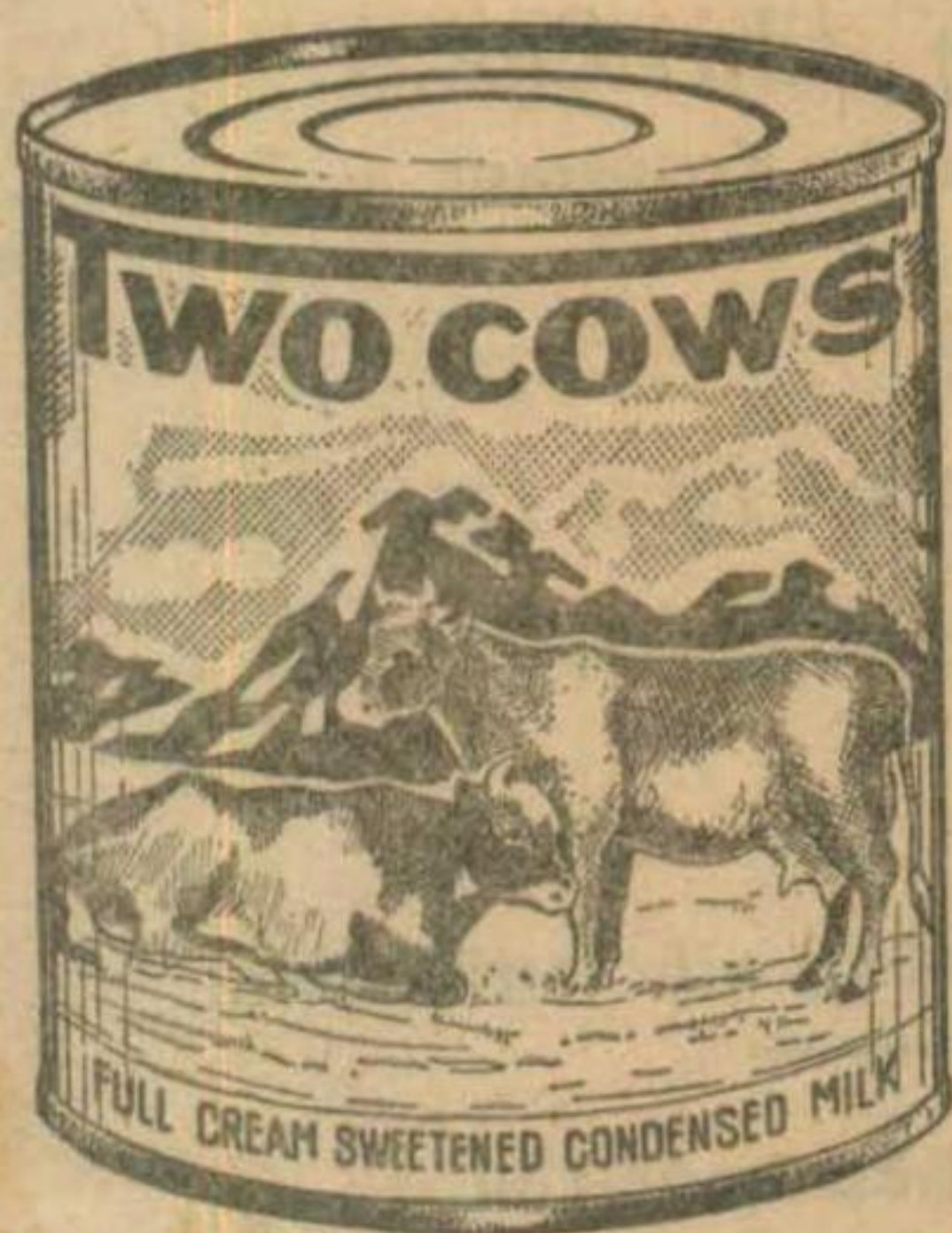
Chi Ngánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE

SỮA ((HAI CON BÒ))

Được

Viện PASTEUR

SAIGON



chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bò cho trẻ em dùng

NHẬT GIA

TÙ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM TẮT NHỮNG KỶ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu chung sống với nhau nhưng tư-tưởng bất đồng. Trung-Nhật chiến-tranh, họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải và đã sang được một căn nhà. Tín què nhà bị cướp phá không làm cho họ đổi nếp sống xưa là bài-bạc xa xỉ. Duy có Lâm tiên-sinh rất lo-lắng cho tương-lai vì tuy ông đã tìm được sở làm nhưng lương không đủ cho gia-đình chi-tiêu lãng-phí, mà tiền mang theo đã gần cạn.

Vì cụ ông hiểu lầm Lâm tiên-sinh trong việc xử-dụng số tiền còn lại, nên bắt đầu có sự lung-củng trong gia-đình. Rồi hai vợ chồng Ông Hai tức Lâm tiên-sinh em-thắm xin ra ở riêng với các con. Từ đây, chú Ba, em ông, tha-hồ đi ca-lầu, tửu-quán và dẫn cụ Ông đi bài-bạc. Số tiền tồn-khoản gần cạn hết. Nghe cụ Ông phân-trần, Ông Hai đâm lo. Sau khi kiếm mãi không được sở làm cho chú Ba, Ông Hai phải nhờ bà Hai và bà đã kiếm được cho chú một chân giữ sổ-sách ở một ngân-hàng nhỏ.

Hôm sau, sáng sớm ngày ra, ông Hai đã đến nói cho Cụ ông rõ. Ông có nói tới việc phải có người đứng bảo-lãnh và Cụ ông phải cố tìm lấy một người thực đứng-dẫn. Ông lại không quên thưa với Cụ, đề đình-ninh dặn cậu Ba, nên lưu-lâm mà làm ăn cho tử-tế, đừng có đề mang tai, mang tiếng cho cả nhà. Một phần nữa, ông căn-dặn Cụ phải luôn-luôn đề ý tới hành-vi của cậu Ba.

Cụ ông cho việc tìm người đề bảo-lãnh không khó-khăn gì nhưng, Cụ có ý trách ông Hai, sao lại không tin em ?

Trước đây, ở Thượng-Hải, cậu cũng có chơi-bời lêu-lồng đấy, nhưng lúc đó cậu còn trẻ người non dạ ; cậu còn ở cái cảnh ngựa con, hấu đá, chứ về sau, khi đã về Hàng-châu, cậu có làm điều gì bất-như-ý đâu.

Lâm tiên-sinh ra về.

Cụ ông liền đi ngay tới chỗ các xã-hữu đề nhờ người đứng bảo-lãnh cho cậu Ba. Các xã-hữu của Cụ rất vui lòng, nhưng người nào cũng thoái-thác rằng mới đến đây, không quen biết một ai, thì cho là trách-nhiệm quá nặng,

nên không dám đương. Thành thử ra, Cụ ông đi mất suốt cả ngày, mà không lượm được một kết-quả gì. Thiệt là Cụ không ngờ. Bây giờ, Cụ mới nhận thấy rõ, nhân-tình ấm-lạnh ! Nếu không tìm nổi một người đề bảo-lãnh thì cậu Ba không thể nào đi làm được. Không những thế, ông Hai cũng sẽ mất cả thế-diện. Cụ suy đi nghĩ lại, Cụ chán-chọc gần trắng đêm, Cụ nghĩ ra được vài nơi nữa. May sao, sáng hôm sau, Cụ thân-hành đến nói với một người bà con, họ liền nhận lời ngay. Quả người ấy là người mà Cụ không ngờ Cụ sẽ nói dẫu lời.

Thế là mấy bữa sau, cậu Ba đã đến nhà ngân-hàng « Hàng-Tuyên » để nhận việc.

Đại đa-số người giúp việc cho nhà ngân-hàng Hàng-Tuyên, là những thanh-niên, con nhà khá-giả ; họ ăn-bận rất đúng « mốt » và đều là những khách quen của những nơi lâu-hồng, lầu-quán, hay khách quý của những trường ngu-lạc. Họ đi làm chẳng qua chỉ lấy tiếng là người có công ăn, việc làm, và để tránh tiếng là người du-thủ, du-thực ; bởi vậy, số lương của họ lãnh hàng tháng, có lẽ chỉ để trả tiền xe, cúng vừa hòm.

Tuy buổi đầu, cậu Ba không quen biết ai, nhưng cậu là người hoạt-bát, bạo ăn, bạo nói, và lại cũng vốn là một kiện-tướng của những nơi hành-viện, cùng là các trường tác-hí, nên chỉ trong vòng ít lâu, cậu đã được họ ăn-cánh với ; rồi không một cuộc nhầy, một đám bài, một cảnh sát-phạt nào lại không có mặt cậu.

Ngoài những khi đi với Cụ ông, đến các trường đua chó, hồi-lực-cầu,

cậu còn các thứ chơi riêng của cậu. Cậu đánh đu với một lũ yêu-tinh, bạn đồng-sở của cậu. Cũng như họ, cậu nhầy; cậu miệt-mải trong các cuộc đồ-đen; cậu mê một gái làng-chơi. Dĩ-nhiên là cậu cần tiền. Tiền của nhà có hạn ; khi cần lên, cậu vay tạm ở cái quỹ ở sở cậu làm. Nay, một vài trăm, mai, dăm bảy trăm ; số tiền thật ở quỹ ra, càng ngày, càng to. Cậu tỉnh bề, cố gỡ ở các canh-bạc to, nhưng cái nghề cờ-bạc mà cay-cú, người ta chẳng bao giờ gỡ được ra, mà trái lại, người ta chỉ gỡ vào, nghĩa là trên cái bãi sa-lầy, người ta cứ bị chìm dần, chìm mãi. Rồi, sau sáu tháng trời cậu đã liêu kìn vào tiền của nhà ngân-hàng một món khá lớn. Túng thì phải tỉnh. Cậu tỉnh rằng, làm thêm một mẻ nữa, rồi dặt người yêu lếch-vời. Ở hậu-phương, địa-thể rất rộng lớn mà ! Một khi đã đi ra khỏi cái đất Thượng-Hải, thì có trời cũng chẳng tìm nổi, nước Tàu to vô-kê, mà trong hồi đó, hậu-phương là một thế-giới riêng biệt hẳn.

Ngày hôm sau, các báo đăng tin một viên-chức của nhà Ngân-Hàng Hàng-Tuyên, đã biên-thủ hai vạn đồng bạc mà đào-tàu. Nhà ngân-hàng đã đệ đơn trình nhà chức-trách, để cho tâm-nả người làm công thiếu lương-tâm đối với chức-vụ đó !

✱

Lẽ tự-nhiên cái phần trách-nhiệm thuộc về người đã đứng bảo-lãnh cho nhà cậu Ba. Cậu Ba có thể tàu-thoát, nhưng Cụ ông không thể nào tàu-thoát được, vì Cụ ông, ở Hàng-Châu vốn là một thế-gia. Nay, một người con của Cụ đã làm một việc bất-pháp, Cụ phải

gánh lấy cái trách-nhiệm đó. Lâm-tiên-sinh và bà vợ ông là người đứng ra giới-thiệu, mà lại là người có tai mắt, hai ông bà không thể nào không bị liên-can vào việc đó.

Theo ba phương-diện kể trên đây mà nghiên-cứu, bàn-cãi, đàm-phán rồi đi mời khách, đi thăm người này, đi viếng người khác; náo cầu-khẩn, náo thuyết-trình; cái nghề vẫn vậy, có bệnh thì vãi tứ-phương; cứ như thế, mất tới hơn ba tuần-lễ mới điều-dinh ổn-thoả được với ông quản-lý nhà ngân-hàng, đề thủ-liêu cái lệnh nã-tróc với cái điều-kiện, phải bồi-lường ngay lúc-khắc hai vạn bạc cho người ta.

Bây giờ, lấy ở đâu ra hai vạn đồng bạc đó?

Hiện-lại, Ông Hai làm gì có tiền, duy chỉ còn có cái ngôi nhà đã cầm cho người ta ở Hàng-châu, thì hiện Hàng-châu đương bị quân địch chiếm-dóng. Ông Hai cũng vẫn hết lòng với gia-đình, nhưng ông cũng đành bó-tay. Ngày nộp tiền cho người ta đã gần tới đến nơi rồi! Cùng thế quá, phải van-lơn người bảo-lãnh, để người ta cho vay; trước người đó cứ đầy-dẫy chối-lừ, nhưng sau, thực là vô-kế khả-thi, nên người đó, đã chót dăm lao, phải theo lao, đành ưng-thuận bỏ ra cho vay một vạn năm nghìn đồng, nhưng phải sang tên bán đứt cái nhà ở Hàng-châu cho người ta; khi nào an-bình, ngôi nhà ấy sẽ thuộc về chủ-quyền của người ta. Thế là khánh-khiet! Nhưng nào đã xong cho đâu, còn năm ngàn đồng nữa, ông Hai phải nhận đề di thu-xếp.

Bỏ ra một lúc năm đồng bạc, thiệt bà Hai không cao-húng một chút nào hết. Bà nói:

— Rõ thật là khờ! Em đã bảo với cậu rằng, không nên dính-lưu tới công-chuyện của cái nhà chú Ba, cậu có thèm nghe lời em đâu. Bây giờ, thiệt là đem đá cột vào cổ!

Ông Hai vội ngắt lời bà: — Thì biết làm thế nào hả mẹ? Ai thì cũng mang trên vai cái gánh nợ gia-đình... Lúc này chẳng qua là lúc mình phải trả cái gánh nợ đó, thôi thì, cũng ở cho nó hết lòng, chứ biết làm làm sao, bây giờ... Hối chiều hôm qua, anh đã đem bán những tấm phiếu cổ-phần mỏ than để lấy sáu ngàn đồng; ở hiền, gặp lành, không lo, mẹ ạ...

Bà Hai phì lên cười, Bà lắc đầu nhìn ông, rồi thở dài. Hôm nay là ngày nhận học trò, bà phải ra chỗ trường học. Bà vừa toan đi, thì người nhà lên nói, có người thuê nhà, đến đề giao tiền dính-phí, vì ngôi nhà này, ông bà Hai đã nhận lờn sang lại cho người ta, để dọn đến ở ngay đằng trờng-học, cho đỡ tốn và cho tiện.

Về việc thuê này, trước đây ông bà Hai đã phải trả dính-phí là hai ngàn đồng. Ít lâu nay, số người kéo đến Thượng-Hải, càng ngày càng đông. Giá nhà cứ cao lên vùn-vọt. Ông bà Hai nhất-dịnh phát tài rồi. Theo khế-ước ông bà vẫn được trả tiền nhà theo giá cũ, mà nay, ông bà đã cho thuê lại với một giá rất cao. Trước đây, ông bà đã cho thuê mấy phòng ở tầng lầu thứ hai, ông bà đã được ở nhà không, không phải trả tiền; tới nay, ông bà sẽ

kiếm được lời là đáng khác, vì lâu này, sang toàn-thề ngôi nhà, người ta đã phải trả cho ông bà bốn ngàn đồng đình-phí. Giá cả đã ngất, nên hôm nay, người ta đến nộp tiền.

Bà Hai liền bảo người nhà xuống mời người đó lên. Bà nhận tiền, viết biên-lai giao cho người ta và hẹn ngày giao nhà.

Xong các việc-, bà vội-vả đến « Viết-Hoa » học-hiệu, trường tư-thực tiểu-học mà, mới đây, bà đã cùng với một người bạn, mở ra. Hai chữ Viết-Hoa, là cái thương-phiếu của nhà trường; chữ Viết là một chữ trong danh-tự của bà Hai; còn chữ Hoa, là một chữ trong danh-tự của tiểu-thư Kim-Đại, người bạn hùn-phần của bà. Cái trường tiểu-học này đã lập lên ở trong Tô-giới Pháp. Ngôi nhà trường lớn lắm, các phòng-ốc đều đều theo kiểu Âu-Tây, lại có đủ cả sân-sướng, vườn-tược. Lúc đầu, cứ ẽ ít học trò, nên hai vị hiệu-trưởng đã đem cho thuê một hai tầng lầu trên. Mỗi người chỉ phải bỏ ra có hai ngàn năm trăm đồng.

Một khi vấn-đề nhà-cửa đã tạm ổn, hai bà mới thuê người quét vôi, kẻ biền, in chương-trình, sắm bàn ghế, bảng đen, cùng các dụng-cụ lặt-vặt; rồi hai bà đi mời các bạn học cũ, các chị em quen thuộc có đủ bằng cấp, đề cộng-sự.

Vì là một nơi an-toàn, nên nhận-số Thượng-Hải cứ dần-dần tăng lên mãi, nay có lẽ số nhân-khẩu lên tới năm trăm vạn, chứ chẳng kém, toàn người ở nội-địa kéo đến cả. Trong số những người tị-nạn có rất nhiều giáo-viên, phần lớn có bằng trung-học tốt-nghiệp,

mà nay, không có công ăn, việc làm. Bao nhiêu tiểu-thư đã thất-nghiệp, lại chưa thành gia-thất; họ toàn ăn-nhung, ngồi-rời, nên họ không nề-hà về đồng lương, miễn là họ có việc để làm, cho đỡ buồn. Bởi vậy chỉ với cái số lương vài ba chục đồng một tháng, là họ kéo tới hàng mấy trăm người để xin việc.

Ở trong một nhà trường, trừ các giáo-viên ra, còn phải có những nhân-viên « nội-hành » và « ngoại-hành » để đảm-đương các việc xử-lý. Bà Hai đã giữ việc ngoại-hành, nhưng Kim-Đại tiểu-thư chẳng am-hiểu một tí gì về việc nội-hành; bởi vậy, hai vị sáng-lập phải mời một người về làm giáo-vụ-trưởng; người ấy do một ông chú của cô Kim-Đại giới-thiệu. Người giáo-vụ-trưởng này, họ Trương, trước hồi kháng-chiến, đã từng giữ chức-vụ ấy, ngoài mười năm, ở một trường huyện. Nay huyện đó bị chiếm-đóng, nên bà ta không có việc làm. Bà đã bốn mươi tuổi, người đậm-đạp phì-nộn. Hiện bà ở nhà một người em ruột. Tất cả gọi bà là Trương tiên-sinh, nhưng, sau lưng bà, bà Hai gọi xách-mé bà là: bà « Trương-mập ».

Sở-dĩ hai vị sáng-lập đã có ngầm cái ý bất-kính ấy đối với bà Trương, mà đặt cho bà cái xước-hiệu đó, là vì họ không được mãn-ý đối với bà. Nhân vì bà Trương đã ở trong giáo-giới lâu năm, nên bà rất dỗi cứng-rắn bà nhất-định không chịu thay đổi thái-độ. Bà không chịu hiểu rằng, trường tư khác trường công; ở đây, luôn-luôn phải mềm-dẻo; bất cứ trong trường-hợp nào, bất cứ đối với việc gì, cũng phải châm-chước, phải ứng-biến. Ngày xưa,

ở trường nhà-nước, ở huyện, bà luôn luôn đứng về phía lập-trường học-sinh đề tranh - đấu. Ví dụ, bây giờ nhà trường thu của trò em, mỗi đứa, hai đồng mỗi tháng, đề chi-phí về thề-dục, bà bắt nhà trường phải mua đủ thứ, nào mộc-cầu, nào lam-cầu; nhà trường thu thêm một đồng đề mua sách-ốc, bà bắt phải mua họa - báo cho nhi - đồng cùng là các thứ sách, truyện cho trẻ em đọc; nếu trẻ em phải đóng hai đồng tiền sở - phí về vệ - sinh, bà bắt phải thỉnh một vị thầy - thuốc và lập một tủ thuốc thường dùng. Sự tranh-đấu của bà rất chính-đáng, nhưng nó làm hao - hụt khá nhiều, cho quỹ của nhà-trường; lẽ cố-nhiên, hai vị sáng-lập hết sức « cáu »; nhưng cáu thì cáu, tức thì tức, họ cứ nghe theo bà.

Hôm khai - trường, lần đầu tiên, có ba, bốn trăm học-trò; lần thứ hai, thứ ba, lần nào cũng thêm được một hai trăm trò nữa. Tiền học - phí, tạp-phí, thề-dục-phí, vệ-sinh, đồ-thư-phí, tất cả các khoản đã thành một món tiền khá-quan. Hai vị sáng-lập đã vui-vui, vẻ-vẻ, chia nhau số tiền lời, sau khi đề một dự-chi cho học-hiệu, Bà Trương bắt phải làm cái này, mua cái kia, hai vị sáng-lập cũng cứ ừ-ừ, ào-ào, cho xong chuyện; rồi cũng đi mua, đi sắm, nhưng chỉ mua sắm chiếu-lệ, gọi là có vậy thôi. Tha-hồ cho bà « Trương-mập » cần-nhân, thôi-thức, họ cứ « phớt » đi, và cười thầm với nhau.

Ngoài ra, còn bao nhiêu điều bà Trương không được như-ý. Bà vô-cùng thất-vọng nên hết một học-kỳ, bà xin từ-chức: bà bà Hai và cô Kim-Đại bằng lòng ngay, vì qua cái học-kỳ vừa rồi, hai người sáng-

lập đã biết tất cả cơ-sở của công-việc nội-hành. Không những vậy, hai người còn dự-tính rất nhiều phương-pháp đề làm-tiền. Bà Trương đã chẳng giúp vào một tay, bà lại cản-trở họ. Bà đã nghiêm-nhiên thành một chương-ngại-vật cho việc « làm tiền » của họ; họ đã chẳng được một lời lưu bà lại, họ lại mừng rằng, bà đã tự ý rút lui, mà tránh cho họ một việc không được đẹp-đẽ cho lắm, là bắt buộc phải mời bà ta nghỉ việc.

Đến ngày tựu-trường, hai bà hiệu-trưởng lại phát-minh ra « chế-phục » và bắt tất cả học-trò trường Viết-Hoa, phải mặc riêng một kiểu y-phục của nhà-trường đã ấn-định. Cho được nhất-luật, mỗi trò phải đóng mười đồng. Nếu lè-tè, thì phải đắt hơn cái giá đó một chút, nhưng hai bà đã khôn-khéo cho một nhà thợ may thầu lại, thì mỗi bộ, nhỏ bù lớn, chỉ mất có bảy đồng thôi. Thế là hai bà lãi được ba đồng một bộ; nếu đem số ba đó nhân với số học-sinh của nhà trường, hai bà đã thu-hoạch được một món tiền xinh-xinh.

Xong cái khoản chế-phục, lại tới cái khoản « huy-chương ». Mỗi trò đều phải có. Huy-chương lại cũng thuê khoán mỗi chiếc hai dắc, ba phân, nhưng hai bà bắt các trò đóng năm dắc; cùng với huy-chương, đề theo đúng phép vệ-sinh, mỗi trò lại phải mua một cái chén đề uống nước, trên có danh-hiệu nhà-trường và có số-mục của mỗi trò, đề tránh sự dùng lẫn-lộn rồi sinh ra truyền-nhiễm tật-bệnh. Cái gì nhà trường đã có sáng-kiến lập ra, đều là chính-đáng cả, nên phụ-huynh học-sinh cứ rậm-rập nghe theo và bỏ tiền ra; khốn nạn, mỗi cái chỉ mấy dắc bạc, có nhiều nhối gì cho nó cam, nhưng mỗi cái chén, nhà trường đã lời được hai dắc.

Đối với kỳ khai-trường đầu-tiên, lần này khá hơn nhiều. Số trò em đã lên tới ngót một ngàn. Trường Viêt-Hoa đã được liêng. Hai vị hiệu-trưởng vào hạng tân-liên nữ-lưu, trẻ em học-tập ở đó hẳn tốt. Bởi vậy, bà Hai nhà ta bận quá, bận quá đi mất. Cái ngày khai-trường, nhận học-trò, thực là tấp-nập, thờ chẳng ra.

Như trên đã nói, người tới Thượng-Hải đông quá, mỗi ngày, mỗi đông. Mỗi một gia-đình, quân-bình, cũng có một vài đứa trẻ, đứng vào tuổi đi học. Ngay những nhà không hiểu-học, nay cũng bị lây cái không-khí học-vấn ở đô-thị, nên họ cố bớt ăn, bớt tiêu, để lấy tiền cho con em đi nhà trường, thứ nhất là con gái nhỏ. Nhà-cửa thì quá chật-chội, trẻ con chẳng làm được việc gì, để chúng ở không, chúng ra đường, ra phố, chơi nghịch lêu-lồng, rồi hoặc gây ra tai nạn, hoặc mắc phải tai nạn, là sự rất thường; trong tình-trạng đó, « tổng » chúng nó đến một nhà trường, có phải ôn-liện biết bao; chúng vừa học tập, được chữ nào, hay chữ đó; nhà trường người ta trông nom chúng nó một cách chu-đáo. Nay ở Thượng-Hải, trường tư tiểu-học cứ mọc ra như nấm; có thể nói cứ một phố hay vài phố lại có một nhà trường, vì mỗi thành-phố

quá rộng, đường đi lại rất xa, nên người ta bắt-buộc phải cho trẻ học ở một nhà trường, gần chỗ ở nhất. Cứ miễn là cái học-hiệu đó có vẻ khang-trang ở bề ngoài; bề bề thực dài, thực lớn nhà có một, hai tầng lầu, trông nguy-nga đồ-sộ, là nhất-định trường đó tốt; cho đầu tiên học có dất một chút, cũng không sao. Xưa nay, muốn phát-tài, người ta đi buôn « tàu » buôn « lậu », nay buôn việc học cũng hốt ra tiền, đấy!

Khi bà Hai đến trường, thấy số học trò xin học rất đông, bà mừng lắm, vì trước đây, bà đã dự tính, không cho thuê các tầng lầu ở trên nữa. Điều bà ước-đoán không sai mây-muỵ. Vậy tầng lầu thứ hai có thể dùng mở thêm lớp học; còn cái tầng thứ ba, bà sẽ đem nó làm ký-túc-xá cho lưu-học-sinh; trong số một phần buồng còn dư ra, để một buồng cho cô Kim-Đại ở; một buồng để bà ở. Bà giao việc nhận học trò mới cho một cô giáo, rồi bà lật-đặt lên lầu, để nghĩ cách bố-trí và an-bái tất cả; bà lúc đó, như mở cờ trong bụng vậy!

TỪ - VU

(Còn nữa)

CHÚ - Ý

Kể từ nay, thư - từ cùng bài vở, xin gửi về địa - chỉ sau đây:

Tạp-chí **BÁCH-KHOA**

Hộp thư 339 — SAIGON

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

91010212

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Mardi
HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche



VIENTIANE-XIENGKHOUANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thành-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102

Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



Hãng GARAGES CHARNER

131 - 133 đại - lộ Nguyễn - Huệ

SAIGON

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN CÁC HIỆU XE :

— CHEVROLET

— CADILLAC

— AUSTIN

— và « rờ - mọt » CODER

Rất hân-hạnh được tiếp đón quý ngài để trình - bày những đặc-diểm về các hiệu xe này và sửa chữa đủ các loại xe hơi lớn và nhỏ.

Hãng gồm toàn thợ chuyên-môn và có máy riêng để điều-chỉnh các thứ bơm dầu cần (pompe à injection) cho xe hơi và máy tàu một cách rất tinh - mật.

Đ.T. 20.423 và 22.531

THE BANK OF EAST ASIA, LTD

(ĐÔNG - A NGAN - HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : No 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

**TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE**

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

CÔNG-TY BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phạt-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hỏa-hoạn

Tai hại gây bởi chất nổ

Vốn : 1000 triệu phạt lăng

Compagnie d'Assurances Générales

contre l'Incendie

et les Exploisions

Capital : 1 Milliard de francs

Bảo-hiêm tai nạn

Gian-phi — Hàng-hải — Rủi-ro

Vốn 1000 triệu phạt lăng

Compagnie d'Assurances Générales

Accidents

Vol — Maritime — Risques divers

Capital : 1 Milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances
CHI-NHÁNH SAIGON : 26, Tôn - thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26 :
Succursale

Giấy nói : 21.253 — 23.913
Tél.



Dùng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestiere
et des Allumettes

(SIFA)

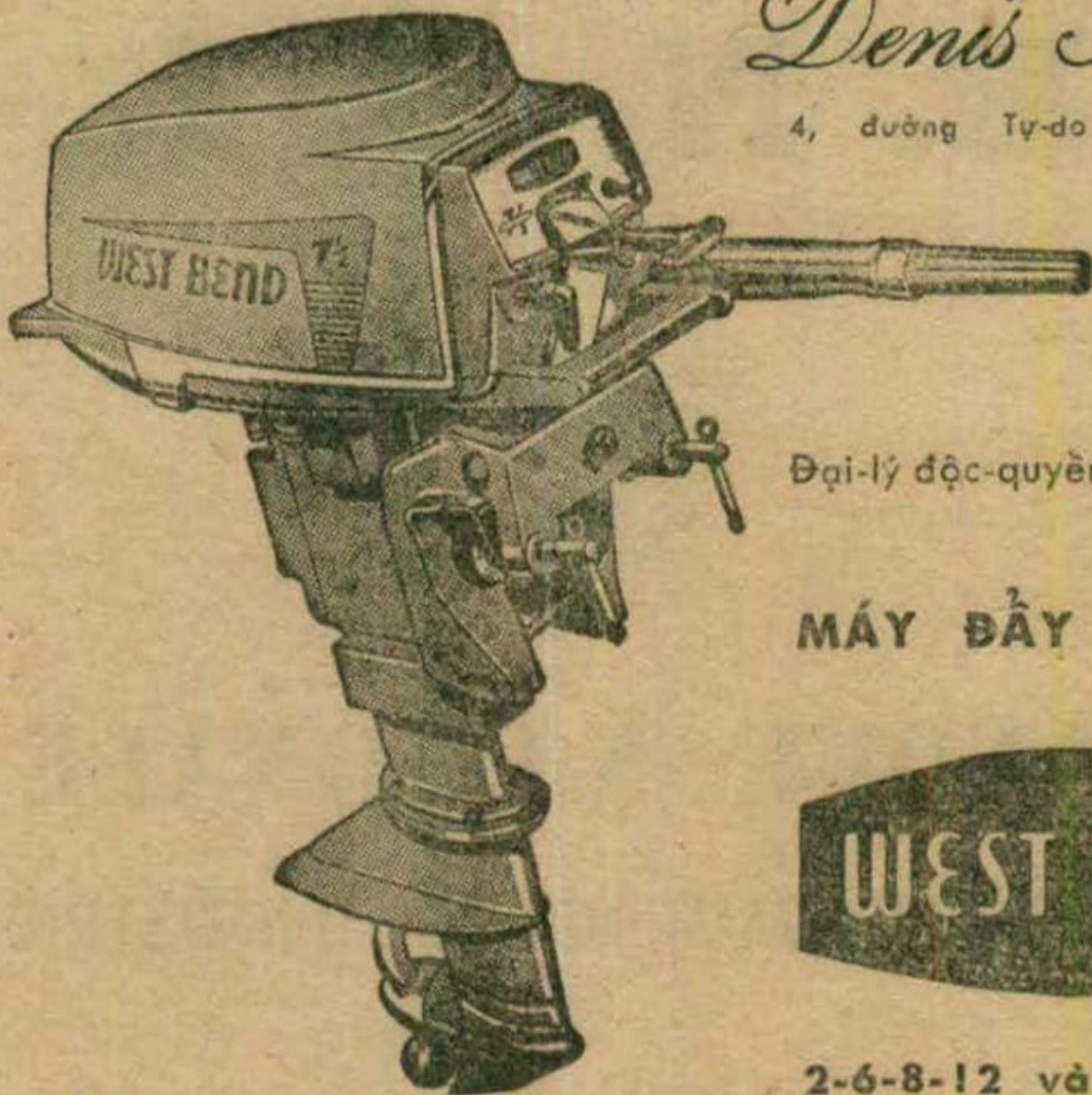
346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tín Forestière

Denis Frères

4, đường Tự-do — SAIGON

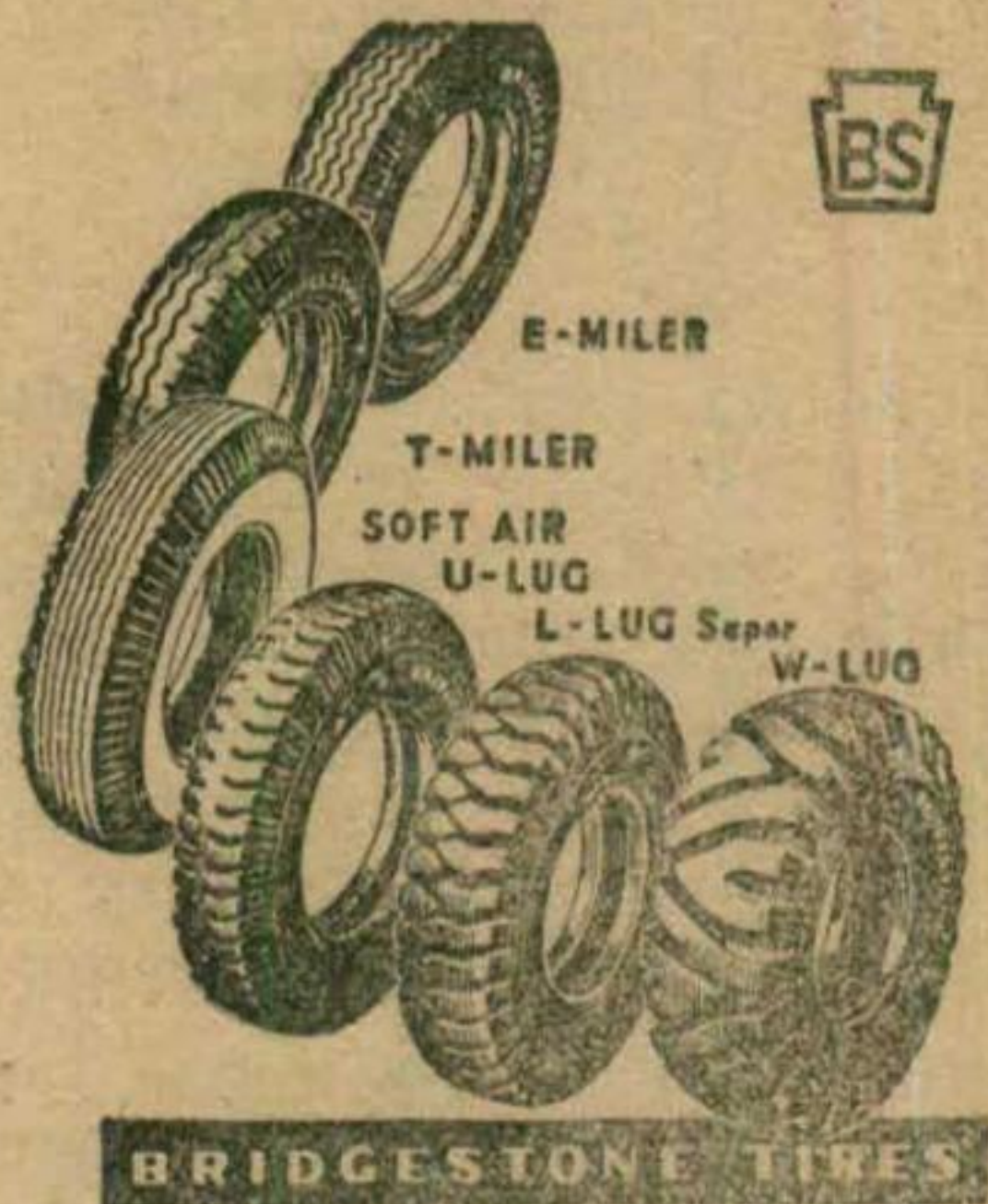


Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA - NÓT



2-6-8-12 và 30 mã-lực



S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME



ĐẠI-LÝ:

- Vở xe « BRIDGESTONE »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURERLY »
- Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TĂNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LỆ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN